

SỐ 28 NGÀY 1 - 3 - 1966

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

VỤ AN VĂN NGHỆ TẠI LIÊN XÔ

★ TRẦN THIÊN ★ NGUYỄN MINH HOÀNG ★ VŨ
ĐÌNH LƯU *sáng tác của hai nhà văn Nga-Sô vừa*
bị tuyên án ★ VŨ HẠNH *chuyện bỏ thi* ★ VŨ BẢO *Indira*
Gandhi ★ CUNG GIỮ NGUYÊN *phụ nữ Ấn Độ* ★ NGỌC
VÂN *xem mặt chị Hằng* ★ NGUYỄN-HIỂN-LÊ *một*
cuộc cách mạng trong giáo dục ★ MỘNG - TRUNG
hôn nhân dị chủng ★ NGUYỄN - NGU - Í *sống*
văn viết với Hồ - hữu -

Tường ★ SINH - HOẠT

thời sự văn nghệ ★

tạp san sử địa ★

220



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRF

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 - 36.626

- SES SIROPS
- SA PARFUMERIE
- SON VINAIGRE
- SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8è)

Số vốn sung dụng tại Việt Nam : VN\$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MÃI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N° 27 - 04

TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018

Điện-tín : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON

Điện-thoại : 23.207

**ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG**

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime*



DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *American Express*
- *United States Line*

23, Ngô-Đức-Kê — Tél. 22.008 - 22. 618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St-Lazare — PARIS

VIÊT NAM	SAIGON	AGENCE	:	32., Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél.: 20.065, 20066, 20.067.
		BUREAUX	:	178, 180, 182, Đường Lê-Thánh- Tôn (Marche central)—Tél.: 22.142.
		—		415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél.: 25.172.
	CHOLON	: AGENCE	:	386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon)— Tél.: 39.105.
	KHANH-HUNG	: AGENCE	:	23, Đường Hoàng-Dieu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-
CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ.T. 25.539 - H.T. 339

SAIGON

—

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả

Địa chỉ

Thời hạn mua (1)

bắt đầu từ

Thế thức trả tiền (2)

, ngày tháng năm 196

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

● Miền Nam

Một năm : 200\$

6 tháng : 100\$

● Miền Trung và Cao nguyên (cả cước phí máy bay)

Một năm : 230\$

6 tháng : 115\$

Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 200\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220\$ + số đặc biệt và số Tết 40\$ = 260\$).

— Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà thanh nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngộ-Châu) hoặc bưu-phiếu hay bưu-chi-phiếu gửi cho Tạp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục 27-46 Chính Trung Khu chi phiếu Saigon (xin tại các Bưu cuộc thiếp phiếu mẫu số CH. 1418).

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Số 23 ngày 1 - 3 - 1966

VŨ-HẠNH <i>chuyện bỏ thi</i>	3
NGỌC-VÂN <i>xem mặt chị Hằng</i>	9
VŨ-BẢO <i>Indira Gandhi</i>	17
CUNG-GIŨ-NGUYỄN <i>phụ nữ Ấn Độ</i>	25
NGUYỄN-HIỂN-LÊ <i>một cuộc cách mạng trong giáo dục</i>	33
MỘNG-TRUNG <i>hôn nhân dị chủng</i>	41
TRÀNG-THIÊN <i>một vụ án văn nghệ ở Mạc-Tư-Khoa</i>	47
VŨ-ĐÌNH-LƯU <i>bàn tay (dịch Nikolas Arzak)</i>	57
NGUYỄN-MINH-HOÀNG và TRÀNG-THIÊN <i>gánh xiếc</i> <i>(dịch Abraham Tertz)</i>	63
NGUYỄN-NGU-Í <i>sống và viết với Hồ Hữu Tường</i>	77
SINH HOẠT TRÀNG-THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	85
NGUYỄN-NGU-Í <i>tập san Sử Địa</i>	87

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 SaiGon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ : 10\$, CÔNG SỞ GIÁ GẤP ĐÔI
Cao Nguyên và Miền Trung
cước-phí thêm

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

trong những số tới



Những chuyển hướng mới của Fidel Castro

VŨ-BẢO

So sánh hai chánh sách hối đoái của

G. s. Nguyễn-xuân-Oánh và G.s. Trần-văn-Kiện

DUY

10 năm tạp chí

TRÀNG-THIÊN

Làm báo xưa và nay

LÊ-PHƯƠNG-CHI

Claude Lévi Strauss

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Một cuộc cách mạng trong giáo dục

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Trà với văn-học và khoa học Tây phương

ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

Sống và viết với Hồ-Hữu-Tường

NGUYỄN-NGU-Í

Điệu trống « La Chamade » của F. Sogan

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Khói rừng (truyện ngắn)

LÊ-TẮT-ĐIỀU

Khoảng trống sau lưng (truyện ngắn)

VÕ-HỒNG

Mười một mùa xuân (truyện ngắn)

NGUYỄN-NGUYỄN

Những người không chết (truyện ngắn)

NGUYỄN-ÁI-LŨ

Buổi tối êm đềm (truyện ngắn)

HỒ-TRƯỜNG-AN

Chuyện bỏ thi

Vấn-đề bỏ thi Trung Học Đệ nhất cấp theo Nghị định số 1821-GD-PC-NĐ đề ngày 27-12-1965, công bố sớm nhất ở trên các báo vào khoảng tuần đầu tháng Giêng 66, đã được khá nhiều báo chí đề cập, như tờ Dân-Chủ, Chính Luận, Thần Chung, Tự Do... và các tổ chức lên tiếng, như là Hiệp-Hội các Hiệu-Trưởng Tư Thục, Hội Đồng Đô-Thành, Tổng-Hội Sinh-Viên. Các ý-kiến khá dồi dào ấy tựu trung có thể chia làm hai loại : một loại phản-đối, một loại tán thành.

So về tỷ-lệ, ý-kiến tán thành không được dồi-dào. Các ý-kiến này gồm một đôi bài trên báo tư-nhân, hoặc là trên báo chánh phủ — chẳng hạn như tuần - san *Học Đường Mới* của Bộ Giáo Dục — đều chứa một niềm tin tưởng, lại quan vào sự sửa đổi, xem đó như là một cuộc Cách-mạng Giáo - dục, đem lại một không khí mới cho người học sinh, tạo thêm điều kiện bồi-dưỡng giáo-sư, làm cho trường tư được coi ngang hàng với trường công, đồng thời chấm dứt được bao tệ đoan như là học tử, học gạo, gởi gắm, làm tiền, nô-lệ cấp bằng... Tóm lại,

quan điểm các người tán thành hoàn toàn giống như (có lẽ còn nghèo nàn hơn) quan điểm ông Tổng Ủy viên Văn hóa Giáo dục trong cuộc họp báo ngày 9 tháng 2 vừa qua.

Ý kiến phản đối, trái lại, có vẻ đông-đảo hơn nhiều. Tờ báo *Chính Luận* mới đây đã dành hẳn một trang lớn để in bằng cỡ chữ nhỏ một số ý-kiến của nhiều người ở sinh-hoạt khác nhau, và riêng dàn bài tóm lược về vấn-đề này để đem thuyết trình ở tại Hội Đồng Đô Thành cũng chiếm 3 trương dày đặc. Tất cả ý-kiến phản đối đều nhằm trả lời lại từng luận cứ của phái tán thành. Chẳng hạn đối với ý-kiến cho rằng học sinh bỏ thi sẽ học tập phấn khởi hơn, thì họ nghĩ rằng chính học-sinh sẽ chán nản, bỏ lớp, vì sự học vẫn trong những điều kiện hiện tại, đã mất đối tượng. Người học-sinh không ưa thích chút nào chương-trình học-hỏi hiện đang phổ biến, vì nó «vã quàng, hỗn tạp, thiếu sót, không hợp thực tế» (1) và họ sợ dĩ có chịu khó học ít nhiều là vì thi cử. Thi-cử là một chút mặt

(1) Ông Hoa Thế Nhân—*Chính Luận* 2-66.

đề họ nuốt cho trôi hoàn thuộc đẳng là chương trình học, hoặc đó là một ông kẹ đề hù cho họ sợ hãi mà chịu ngồi yên ở lớp. Bây giờ bỏ thi, học sinh 6,7 năm trời đẳng đẳng không có thi cử gì hết, không gì đề trói buộc họ, họ sẽ coi các lớp học là nơi "dưỡng già", và có người đi xa hơn, tin rằng quyết định bỏ thi sẽ làm phá sản kỷ luật học đường vốn bị đe dọa phá sản lâu nay, vừa làm phát triển nhiều hơn các loại du đẳng, cao bồi.⁽²⁾ Đối với ý-kiến cho rằng bỏ thi sẽ làm mất óc bằng-cấp thì các ý-kiến phản đối tỏ ra không có một mảy may nào tin tưởng đó là sự thực. Họ cho rằng các kỳ thi Tú Tài, Cử Nhân, Tiến Sĩ... vẫn còn thì làm sao bỏ óc bằng cấp? Có thể sự thay đổi này làm cho các óc vụ bằng cấp càng thêm bức xúc hơn lên, và chính Bộ vẫn chú trọng bằng cấp trong khi mở ra cuộc thi Tráng Niên. Đó là chưa nói ngoài đời vẫn còn đặt nặng vấn đề tuyển trạch cũng như thăng thưởng nhân-viên dựa vào tiêu chuẩn cấp bằng, thì óc bằng cấp làm sao mà gột rửa được. Đôi người còn lo ngại rằng đã không giảm được cái óc cấp bằng tệ lậu, người ta sẽ còn đi đến những sự "kỳ - thị" vô lối là sự phân biệt học bạ trường công với trường tư, học bạ những trường tư lớn với trường tư nhỏ, trường tư Đô-thành với ở các tỉnh, và làm gia tăng thêm các thành-kiến, quan niệm hẹp hòi, tạo thêm mặc-cảm vô ích. Đối với ý-kiến cho rằng bỏ thi giáo sư sẽ được nghỉ ngơi dưỡng sức cả ba tháng hè, thì sự phản đối gồm có hai ý: Một là sự nghỉ ngơi ấy chỉ là giải-quyết cho một thiểu số giáo sư công lập chứ không phải cho giáo sư tư thực,

vốn rất đông đảo, thường bị thất nghiệp trong các vụ hè, và sự bỏ thi sẽ làm cho họ thất nghiệp được nhiều ngày tháng hơn trước, hai là, đối với hiện tình giáo dục, không có một sự hướng dẫn thỏa đáng nào về các môn Việt Văn, Sử Địa, v.v., không có một sự trao đổi ý-kiến giữa các giáo chức, thì chính nhờ các kỳ thi mà họ có thể thống-nhất nhiều hơn nội dung giảng dạy. Nhờ căn cứ vào các đề bài thi, nhờ chấm bài làm không không phải của học trò mình, lại được gặp gỡ nhiều bạn đồng nghiệp ở các địa phương khác nhau mà họ mới có ý niệm thực tế tổng quát về trình độ của học sinh và điều chỉnh được phương-pháp giảng dạy của mình. Về các ý-kiến linh-tinh như sự bỏ thi làm cho tiết kiệm công quỹ, tránh nạn học tử, lộ đề, gởi gắm, thì sự trả lời xem ra hết sức dễ dàng. Vấn đề công quỹ không hao tốn nhiều và sự tăng thêm lệ phí có thể bù đắp vào chỗ thiếu sót. Tình trạng học tư có thể tránh khỏi bằng cách cho ra đề thi rộng khắp chương trình. Gởi gắm, lộ-đề đông quá lo không chu-tất, là những vấn đề của Bộ và Bộ phải có trách nhiệm kiện toàn tổ chức, không vì thiếu sót của mình mà bắt quẩn chúng học-sinh phải chịu thiệt-thòi.

Nói chung trong số ý kiến không muốn tán thành chủ trương bỏ thi, có hai ý kiến rất đáng chú ý: Ý kiến thứ nhất nghĩ rằng sự bỏ thi này là một cải cách cho con nhà giàu, bởi vì đa số

(2) Ở số báo trên và ở biên bản cuộc họp Đô-Thành tháng 2-66 Tất cả các ý nêu ra ở đây đều dựa vào các tài liệu đã được nhắc đến trong phần đầu bài.

học sinh nhà nghèo không mong mỗi gì học đến Tú tài, chúng chỉ cần một cấp bằng vào cuối niên khóa Đề Tứ đề mà ra đời tìm việc. Cuộc thi tráng niên đòi hỏi phải 18 tuổi, nếu chúng chỉ có 15 hay 16 tuổi ở lớp Đề tứ thì làm sao mà được thi ? Chờ đợi hai ba năm thì đâu còn nhớ chữ gì. Như thế khẩu hiệu «chính phủ của người nghèo» và «quan tâm đến đa số» mà ông thủ tướng vẫn hằng tuyên bố hẳn không còn *cách gì thực hiện ở trong phạm vi giáo dục*. Ý kiến thứ hai cho rằng đòi thi nhất là chỉ đòi một vài kỳ thi, hoặc vài môn học không phải là thay đổi được thực trạng một nền giáo dục. Căn bản của nền giáo dục là ở *chương trình học hỏi, đường lối giảng dạy và cách tổ chức guồng máy giáo dục*. Nếu ba điều này không được cải cách mới mẻ, hợp lý và nếu điều kiện xã hội không phù hợp với các cải cách ấy, thì mọi sự sửa đổi chỉ làm cho phiền khổ thêm chứ không mong gì làm cho tươi sáng hơn lên. Có người lại nghi hóm hỉnh rằng thi Trung học ở Đề Nhất cấp dễ gây lắm sự phiền hà và chính ông Tổng ủy viên là một bác sĩ chuyên về mồ xẻ nên ông cưa phăng bộ phận ấy đi, dù cái căn tạng bệnh hoạn của toàn cơ thể giáo dục vẫn còn nguyên vẹn.

oOo

Thiết tưởng vấn đề ở đây không phải là chuyện phản đối, hay chuyện tán thành, bởi vì cả hai điều ấy, đối với thực tế đã thành vô nghĩa. Tán

thành làm sao, khi có nhiều người không nhìn thấy được sự cải cách này có những lợi ích thế nào. Phản đối làm gì khi sự sửa đổi đã được công bố, đã thành thực trạng, đã có tác động sâu xa ở trong sự học con em. Ví thử bây giờ Bộ lại nảy ra sáng kiến tuyên bố cứ thi như trước, thì chắc chắn sẽ có đến 90 phần trăm học sinh ồn ào phản đối, bởi vì từ mấy tháng nay họ đã học tập theo một tinh thần hòa hoãn của sự bỏ thi, và cả giáo sư của họ, kể cả những người còn đang bênh vực hằng hái cho sự thi cử, cũng đã bắt đầu dạy dỗ một cách «nhàn nhã» hơn xưa và nhất định họ không còn quan tâm đến sự thanh toán chương trình như trước.

Như thế, vấn đề ở đây là không còn sự phản đối hay tán thành, vấn đề là phải cảm thông với Bộ và góp phần đưa biện pháp đề mà cứu chữa cho một thực trạng, ngõ hầu bảo vệ lấy nền giáo dục trong đó quyền lợi đa số con em chúng ta phải được đặt ra trước hết. Cảm thông với Bộ, chúng ta hiểu rằng đây không phải là một cuộc Cách mạng giáo dục. Ngay khi ban bố bãi bỏ cuộc thi, rất nhiều nhật báo đã loan tít lớn là «*vì thiếu tiền...*» hoặc «*Vì tiết kiệm công quỹ...*» mà không thấy Bộ dính chính. Thiếu tiền là một trạng thái bị động, cách mạng là một trạng thái chủ động thiếu tiền là một sự kiện cục bộ, cách mạng là một sự kiện toàn diện, quả hai điều ấy không sao có thể gặp nhau. Có thể một số nhà báo đã loan tin ầu, nhưng cuộc họp báo vừa qua xác nhận

rằng sự thiếu tiền cũng được kể vào trong số những nguyên nhân khác gồm có rất nhiều yếu tố bị động.

Và lại chúng ta đều rõ cách-mạng giáo dục không thể nảy sinh vào giữa niên-khoá, khi đa số học sinh đã thành-toán phần lớn chương-trình, và cuộc Cách-mạng phải nghi đến quyền-lợi của đa số chứ không đứng riêng ở trong lãnh vực các trường công-lập. Hơn nữa, một quyết-định do từ trên đưa xuống, không được đồng ý của cả Hội-Đồng Giáo-Dục và riêng một môn Công-Dân được thi trắc-nghiệm theo một phương pháp đã có lâu năm ở xứ Hoa Kỳ, chỉ phù hợp với toàn bộ giáo dục cũng như sinh-hoạt xã-hội của dân tộc họ, nhất định không thể gọi là cách mạng. Cách Mạng không thể từ trên ban xuống, và cũng không thể từ ngoài đưa vào, mà phải là đòi hỏi của số đông, phải đúc nguyện vọng thành một phong trào. Cách-Mạng phải được chuẩn bị ý-thức cũng như lực-lượng, phải có tính cách tranh thủ, thuyết phục, phải thỏa mãn được một số quyền lợi căn bản của khá nhiều người và gây được niềm phấn khởi ở nơi quần chúng đối tượng. Chúng ta thông cảm rằng trong tình thế hiện tại Bộ phải đương đầu với nhiều khó khăn mà cái khó khăn căn bản vẫn là vấn-đề nhân-sự. Bộ rất lo lắng không quán xuyến nổi một cuộc thi cử đông-đảo có nhiều vấn đề linh tinh phức tạp mà bao năm qua đã ghi lại những tí vết không mấy tốt đẹp, lại phải đối phó với một nhu cầu chính trị cần được ổn định trong khi nó luôn đe dọa

bấp bênh. Đồng thời Bộ cũng có những thiện-chí muốn thay đổi hẳn thực trạng giáo dục nhưng chưa quyết định nên phải khởi sự thế nào thì cái tình-trạng bị-động dồn đầy vào những cái đòi. Trên mặt thực tế những cái đòi ấy là những biện pháp đối phó với một tình hình, và trên mơ tưởng nó thành khát vọng cải thiện giáo dục. Sự khó khăn ấy của Bộ đã khiến Bộ phải họp báo đề mà giải đáp thắc mắc, sau khi ban hành nghị định khá lâu

Bộ lại còn phải đối phó với những khó khăn sắp đến, bởi vì một sự cải cách đơn giản giản, bộ phận, dễ gây thêm nhiều phiền nhọc, mâu thuẫn. Nhiều người cũng đã góp ý với Bộ về các điểm này. Chẳng hạn đã bỏ bớt những kỳ thi mà vẫn giữ lại thi cử, xóa óc bằng cấp mà có thể làm mê chuộng bằng cấp hơn lên, muốn tăng giá trị cho các học bạ mà rồi học bạ có thể bị sự đầu cơ ở trên thị-trường chữ nghĩa, tránh nạn thi đông mà thi cử sẽ đông hơn vì số tú tài sẽ thi Trung học Tráng niên đề mong tối thiểu cũng có mảnh bằng bỏ túi... Và còn một mâu thuẫn này cũng khó giải quyết là sự sửa đổi như thế đã được quan niệm rằng *“ cho hợp thời, cho hợp với trào-lưu tiến-hóa của dân tộc ”* mà sao con em của khá nhiều cấp lãnh đạo hiện nay vẫn còn cho học trường Pháp ? Chẳng lẽ trường Pháp lại hợp trào-lưu tiến hóa của dân tộc ta nhiều hơn ?

x x x

Nói chung thì tất cả những thắc mắc mà người ta đã nêu ra có thể làm Bộ vui

lòng. Bởi vì điều đó chứng tỏ người ta vẫn còn tha thiết đến ngành giáo-dục, người ta vẫn còn mong đợi ở sự sửa đổi của Bộ nên đóng góp nhiều khía cạnh cụ thể mà trên lãnh vực của mình, Bộ rất khó lòng nhìn thấy đầy đủ.

Bộ chắc còn thấy vui lòng hơn nữa vì phần đông các thắc mắc đều có đề nghị một số biện-pháp đề mà sửa chữa tình hình. Có những thỉnh nguyện Bộ nên hoãn lại thi hành nghị định bỏ thi và cho thời gian chuyển tiếp như là đối với Tú tài phần một: Lại có ý kiến mong Bộ bỏ hẳn Tú tài phần một và lưu giữ lại Trung học đệ nhất cấp.

Người bên-vực cho ý này đã vài năm học tập, từ lớp Đệ-thất cho đến Tú tài phần hai, như Một cuộc đua xe đạp Sài gòn — Cần thơ và muốn kỳ thi Trung học cấp Một phải là giải thưởng khích lệ đặt ở ngã ba Trung Lương hay «bắc» Mỹ Thuận. Những ý kiến này tuy có nhiều điểm hợp lý nhưng vẫn không nhìn thấy được khó khăn của Bộ. Nói khó khăn ấy, như trên đã nói, là kỳ thi của Trung học cấp Một đặt ra cho Bộ một số vấn đề phiền phức không sao có thể chu toàn. Hoãn lại hay là lưu giữ đã thành lạc đề đối với thực trạng của Bộ. Hơn nữa đã cắt mà vứt đi rồi không dễ gì gắn ráp lại mà không sút mẻ, tiêu hao.

Vậy thì làm sao? Chỉ còn hai cách: một là chấp nhận thực trạng và tìm mọi cách ngăn ngừa những cái tệ hại có thể xảy ra mà người ta chưa lường

hết được. hai là yêu cầu Bộ nên nhân sự cải cách vừa rồi đẩy mạnh thêm lên, làm cuộc cải cách toàn-diện về mặt giáo-dục. Về cách thứ hai, ý kiến đưa ra cũng khá dồi dào. Người ta mong. Bộ bỏ hết cả mọi kỳ thi, bỏ hết cả mọi cấp bằng và thay thế bằng chứng chỉ học lực để tránh bao nhiêu tệ-đoan của óc địa vị, hư-danh và cái tinh thần học tập hủ lậu, vụ lợi hẹp hòi, chỉ cốt nhờ cậy các kiến-thức chết mà thiếu trau luyện các thứ kiến thức thực tế linh động. Đồng thời các tổ chức ngoài đời triệt để áp dụng lối lựa chọn người dựa trên đạo-đức và trên khả năng công-tác. Nhưng trong tình trạng hiện nay, làm sao cho các chứng-chỉ, học-bạ ở các tư thực đều có giá trị và không gây nên những sự phân-biệt hẹp hòi? Tất nhiên phải làm một biến-đổi lớn, là giúp ý kiến cho các tư thực xây dựng chế-độ tự-trị có một qui-chế và những kỷ-luật thống-nhất, được sự theo dõi, hướng dẫn của Bộ về mặt tổ chức và mặt chương-trình. Chỉ có trách nhiệm rõ ràng mới có quyền lợi rõ rệt.

Nhờ qui-chế ấy, nhờ kỷ luật ấy, trường tư sẽ tránh được mọi cạnh tranh bất chính làm cho giáo dục suy đồi. Họ sẽ có đủ ý-thức cũng như phương tiện để loại những kẻ sẽ có vô tài kém đức ra ngoài hàng ngũ, sẽ có kế hoạch hợp lý đào tạo ngay trong học-sinh vô số giáo sư tương lai cung cấp đầy đủ cho ngành. Những người học sinh tư thực có lỗi sẽ được giáo dục và được xử trị hữu hiệu do một hội đồng kỷ luật nhà trường quyết định, nếu cần sẽ có

những biện pháp chung do một Hội đồng kỷ luật cao nhất duy trì. Không còn tình trạng trường nào gay gắt thì đuổi học sinh để muốn đi đâu tùy ý, hoặc trường nào quá dễ dãi, hay là vắng vẻ khách hàng thì cứ thâu nạp bừa bãi. Học sinh cũng sẽ không còn ỷ lại vào môn học phí đóng cho nhà trường và coi trường học là khu giải trí có thể ra vào tùy thích. Về các giáo sư họ sẽ có dịp trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, có quỹ tương trợ những lúc lâm nạn, có một qui chế bảo đảm cho họ về mặt vật chất và mặt tinh-thần. Tất nhiên với những quyền lợi như vậy họ sẽ bám chặt lấy nghề, coi sự giáo dục vừa là sinh-kế, vừa là lý tưởng, sẽ thâm nhập được kinh-nghiệm, sẽ dạy có lương tâm hơn. Chế độ học phí thống nhất hoặc có qui-định tối thiểu giúp cho chủ trường khỏi sự cạnh tranh lỗ lã, khỏi dồn học sinh theo kiểu họp chợ để cho có lời, và dù học sinh đóng góp có nặng nề hơn, mọi người cũng sẽ vừa lòng : chủ trường không bị phá sản ? sĩ số vừa phải bảo đảm kỷ luật học đường, giáo sư không còn là hạng đi bán cháo phôi và khỏi tâm lý hễ càng dạy nhiều thì càng sợ hãi nghề nghiệp, học sinh sẽ được kiểm soát chu đáo và học hỏi được đầy đủ niềm vui lòng cho phụ-huynh vốn không mong mỗi gì hơn là con em mình tiến bộ. Trong điều kiện ấy tất cả chứng-chỉ học-lực thay cho bằng-cấp sẽ là kết quả của các kỳ thi khảo hạch tại lớp hằng 3 hay 4 hoặc 5, 6 tháng, tùy theo điều kiện, cộng với số điểm trung bình hàng tháng và điểm tính hạnh có thể được ghi riêng

trong một phiếu hạnh kiểm. Những học sinh nào nghỉ học quá một số ngày qui-định sẽ mất chứng-chỉ, dưới điểm trung bình ở một mức nào sẽ phải học lại, không còn tình trạng lên lớp là do học-phí và lấy niên học thay cho cho kiến thức cũng như tư cách. Tất nhiên song song với tổ chức ấy, còn có cải tổ toàn bộ chương-trình theo một tinh thần khoa học, dựa trên căn bản dân tộc, và đề ra một phương pháp giáo dục thực tiễn, linh động có thể tranh thủ ý-kiến của mọi lớp người.

Tất cả những biện pháp ấy, thật là phải chăng và chúng ta đều mong mỗi sẽ được thực hiện, không chỉ như thế, mà còn cao hơn như thế. Nhưng đối chiếu với thực-tại, liệu Bộ có thể ra khỏi những nỗi khó khăn hiện tại, trước hết là những khó khăn thuộc về nhân sự, đề mà mạnh dạn thực thi cải cách toàn diện hay không. Nhất là hiện nay, do ảnh hưởng của sinh hoạt đất đỏ trên đà gia tăng quái đản, nhiều người bị lâm vào một trạng thái mệt mỏi tinh thần cao độ, khiến mọi hoạt động đều có tính cách ngán ngẫm thiên về phó mặc tùy hứng, và chứng bệnh ấy chi phối cả mọi sinh hoạt, kể cả sinh hoạt giáo dục.

Chúng ta mong rằng Bộ sẽ nỗ lực phi thường để vượt qua sự tê liệt sâu đậm hiện nay mà đưa ra những cải cách quyết định chứ không dừng lại ở những sửa đổi vụn vặt. Như người đi trên cát lầy, một sự cố gắng vượt mạnh có nhiều triển vọng lên thẳng được chỗ cao ráo, trái lại những sự loay hoay làm cho chìm lún sâu thêm.

VŨ-HẠNH

Xem mặt chị Hằng

NGỌC-VÂN

Sau khi đã « trộm » được bức hình do Luna 9 gửi về trái đất, Sir Bernard Lovell, Giám đốc đài vô tuyến viễn vọng Jodrell Bankle tại Anh và cũng là một nhà thiên văn nổi tiếng trên thế giới, đã hân hoan tuyên bố: « Đây là bức hình gây chấn nhất của chị Hằng từ trước đến nay » Hàng triệu năm nay, đêm đêm nhân loại vẫn ngắm bóng chị Hằng mà không bao giờ được biết mặt mũi cô nàng ra sao cả. Những đêm trăng sáng, nhìn bằng mắt thường, ta chỉ thấy những vết đen trên mặt trăng mà ta vẫn thường gọi là « cây đa ». Hơn ba trăm năm trước đây, khi các nhà khoa học chiếu kính viễn vọng lên quan sát chị Hằng, người ta lại tưởng các vết đen đó là các bề. Nhưng sự tiến triển của khoa học cho ta thấy rằng các vết đen đó chẳng phải là « cây đa » mà cũng chẳng phải là « bề » mà là những đồng bằng lõ chỗ những vũng và hồ. Có vũng đường kính tới 500 cây số. Với các kính viễn vọng tối tân nhất hiện nay, người ta có thể đưa mặt trăng tới cách trái đất khoảng 1000 c.s., và có thể nhìn rõ được những địa-hình đường kính độ hơn một cây số. Nhưng

óc tò mò của nhân loại vẫn chưa được thỏa mãn. Các ống kính tối tân tuy có đưa mặt trăng lại gần được nhưng những bức hình vẫn chưa được rõ vì hình ảnh mặt trăng bị các sáo trộn trong bầu không khí làm lệch lạc. Muốn cho hình ảnh ghi nhận được thật rõ, chỉ có cách là mang kính viễn vọng ra ngoài lớp khí quyển để quan sát. Đó là điều Nga và Mỹ đã cố công thực hiện trong những chuyến bay lên mặt trăng trong mấy năm qua.

Dụng cụ nhân tạo đầu tiên đáp xuống mặt trăng là Lunik II của Nga. Ngoài nhiệm vụ thí nghiệm kỹ thuật phóng hỏa tiễn lên mặt trăng, phi vụ này không thu được kết quả nào khác ngoài việc ném xuống mặt trăng một miếng kim loại có khắc chữ: « Lần đầu tiên trên thế giới hỏa-tiến không gian của Sô-viét đã đáp xuống mặt trăng ngày 12-14 tháng 9, 1959 » Áp dụng chính sách khoa-học phục-vụ chính-trị, Nga-Sô đã thí hành thí nghiệm này vào dịp thủ-tướng Krushchev chính thức viếng thăm Hoa Kỳ. Đúng như dự tính của các « cán bộ » chính trị trong chương trình thám hiểm

không gian của Nga, thế giới và nhất là Mỹ, đã náo động vì thành công bất ngờ này.

Bức ảnh đầu tiên

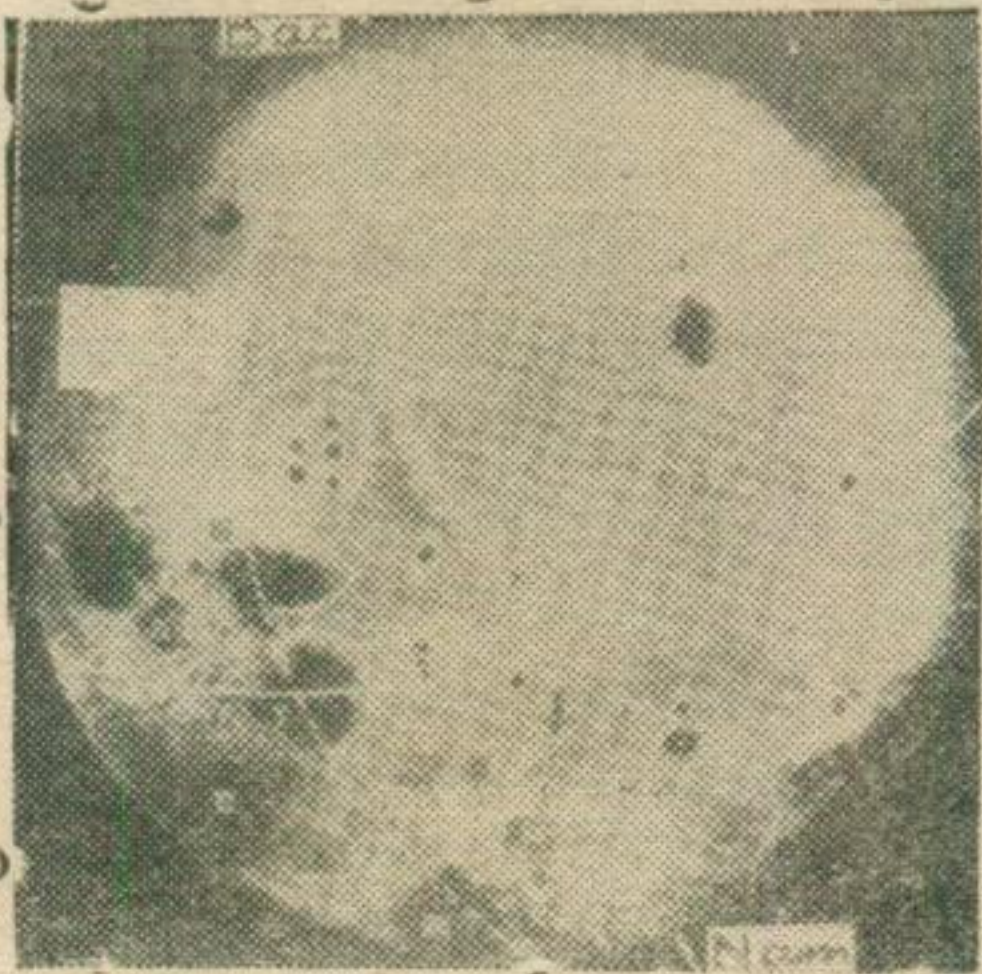
Sau đó một tháng, Nga sô lại thu được một thành tích khoa học đáng kể : chụp hình phía sau của mặt trăng. Do một sự trùng hợp kỳ lạ, mặt trăng quay hết một vòng trong 27 ngày 1 phần 3 mà đi hết một vòng quỹ đạo quanh trái đất cũng trong 27 ngày 1 phần 3. Do đó, từ trái đất ta chỉ có thể nhìn thấy một nửa mặt trăng, còn mặt bên kia luôn luôn bị che lấp. Muốn biết bên kia của mặt trăng ra sao, chỉ có một cách là chạy vòng quanh mặt trăng để xem. Kỳ công đó Nga đã thực hiện được trong chuyến bay Lunik III trong tháng 10 năm 1959. Lunik III được phóng từ trái đất lên theo một quỹ đạo vòng qua phía sau mặt trăng rồi lại trở về gần trái đất. Trong phi vụ phức tạp này, Lunik III đã chụp hình được phía sau mặt trăng từ độ cao khoảng 60.000 đến 70.000 cây số. Ở cao độ này, máy ảnh của Lunik III có thể chụp được hình của toàn thể mặt trăng. Các bức hình gửi về cho ta thấy địa hình của phía bên kia mặt trăng cũng giống như địa hình của mặt trăng về phía bên trái đất. Nghĩa là cũng có những vùng đồng bằng, những vùng lớn và những dãy núi. Theo truyền thống khoa học, các nhà khoa học Nga đã đặt tên cho những miền mới khám phá. Kết quả là trong khi « mặt trước » của mặt trăng có những tên rất lãng mạn như Bề Giông tố, Bề Yên tĩnh, Bề

Trong sáng, v.v... thì mặt sau của mặt trăng lại có những tên rất . Nga như Bề Moscou, Vững và Núi Tsiolkovsky, dãy Sovietsky, cũng may là lúc đó Stalin không còn nữa, nếu không chắc chắn sẽ phải có bề, núi hay vũng Stalin ! Khám phá này là một bước tiến quan trọng trong ngành thiên văn. Nhưng không giúp ích trực tiếp cho chương trình thám hiểm mặt trăng. Từ cao độ 60.000 cây số, mặt trăng chỉ như một cái đĩa sáng trên có những vết đen loang lổ. Người ta vẫn không thể biết được cấu tạo mặt trăng ra sao, tính chất đất của mặt trăng như thế nào và địa hình của mặt trăng có thuận lợi cho việc đáp một hỏa tiễn có người xuống mặt trăng hay không.

Đoàn cảm tử Ranger.

Vừa nóng lòng vì những thắc mắc đó lại vừa muốn giành lại ưu thế trong cuộc đua không gian, Mỹ hăm hở xúc tiến chương trình Ranger. Nhưng suốt trong bốn năm liền, từ năm 1960 đến giữa năm 1964, Mỹ đã hoài công cố gắng. Như những phi công cảm tử trong đội Thần phong, các phi thuyền Ranger lần lượt theo nhau lao vào mặt trăng để thi hành sứ mạng. Từ Ranger 1 đến Ranger 6, các phi thuyền Mỹ đều hoặc nhằm trượt mặt trăng đi mất hút vào vũ trụ hoặc bị trục trặc, không thể thi hành được nhiệm vụ trước khi rơi xuống mặt trăng, vỡ tan nát.

Rút kinh nghiệm của những thất bại liên tiếp đó, Hoa kỳ đã thu được những thành công đáng kể trong khoảng cuối năm 1964 và đầu năm 1965. Các



Hình phía sau mặt trăng do Lunik III chụp. Vùng đánh số La mã là một phần của mặt trăng. Phần đánh số A rập là phía sau mặt trăng.

phi thuyền Ranger 7,8,9 đã liên tiếp bay lên mặt trăng, chụp hình và truyền hình về trái đất cho tới khi va vào mặt trăng. Công việc này tương tự như sứ mạng của chàng phóng viên vô tuyến truyền hình cảm tử không đeo dù nhảy ra khỏi máy bay và cứ tiếp tục quay phim chụp ảnh cho tới khi rơi xuống đất.

Bằng phương pháp này Ranger đã chụp ảnh được một diện tích khá rộng trên mặt trăng. Những bức hình gửi về rõ gấp 1000 lần các bức hình mặt trăng chụp bằng kính viễn vọng tối tân nhất. Với phương pháp « thiêu thân » này, ba phi thuyền Ranger 7,8,9, đã chụp được hơn 10.000 bức ảnh. Bức cuối cùng, chụp được khi phi thuyền cách mặt trăng khoảng 300 thước, có thể cho ta thấy những hố rộng khoảng vài chục phân.

Chân dung chị Hằng.

Quan sát những bức hình này các nhà khoa học đã học hỏi được rất nhiều về tính chất của mặt trăng. Các bức hình đó cho ta thấy bề mặt mặt trăng khá cứng, đủ để cho một phi thuyền đáp xuống mà không bị lún. Những vũng trên mặt trăng do những tảng vụn thạch không lồ từ vũ trụ rơi xuống tạo ra. Sức va chạm mạnh đến nỗi làm cho lớp đá trên mặt trăng bị tung lên. Những tảng đá này khi rơi xuống lại gây ra những vũng khác nhỏ hơn ở chung quanh vũng lớn.

Luna 9 lại đưa nhân loại đến gần mặt chị Hằng hơn một chút nữa. Máy chụp hình của Luna 9 chỉ đặt cách bề mặt của mặt trăng hơn 60 phân, có thể chụp được những hòn đá dài 1 cm. Những bức hình gửi về cho ta thấy bề mặt của mặt trăng chỗ phi thuyền đáp xuống được bao phủ bởi một lớp đá rập, sắc cạnh, cứng và sộp. Loại đá này phát sinh ra từ những lớp phun xuất thạch. Khi phun xuất thạch hãy còn nóng chảy, các hơi bên trong thoát ra ngoài với tốc độ rất lớn khiến cho phun xuất thạch sủi bọt. Những bọt này, khi nguội, biến thành những lớp đá bao phủ lấy bề mặt của mặt trăng.

Cộng tác Nga Mỹ ?

Với thành công của Mỹ trong kỹ thuật đón tàu và thành công của Nga trong kỹ thuật đáp xuống mặt trăng, dư luận chung của thế giới là ước mong

Nga và Mỹ sẽ hợp tác để rút ngắn thời gian và giảm bớt các phí phạm về nhân lực và vật lực trong công cuộc thám hiểm mặt trăng. Nhưng vì những lý do quân sự và chính trị, khó có thể thực hiện được sự cộng tác như vậy trong tình trạng hiện tại. Tuy nhiên, trong mỗi bước thành công, Nga và Mỹ đã gián tiếp giúp nhau giải quyết những thắc mắc then chốt về kỹ thuật: thành công của Luna 9 cho ta thấy bề mặt trăng đủ cứng để có thể chịu đựng được một vật nặng ít ra là 100 kg, tức là trọng lượng của dụng cụ đặt trên Luna 9.

Mặt khác, khi theo dõi sự di chuyển của Gemini 6 và 7 trong cuộc thí nghiệm vừa qua, có lẽ Nga cũng đã rút được vài kinh nghiệm quý báu trong kỹ thuật đón tàu. Những bức hình do các phi thuyền Ranger chụp được chắc chắn cũng giúp cho Nga rất nhiều trong việc chọn lựa một địa điểm thuận lợi cho phi thuyền đáp xuống mặt trăng.

So sánh kỹ thuật.

Về mặt kỹ thuật phóng và điều khiển phi thuyền, từ trước đến nay người ta vẫn cho rằng Mỹ tiến hơn Nga về kỹ thuật điện tử và vô tuyến. Trái lại Nga hơn Mỹ về hỏa tiễn và các dụng cụ của Nga có sức chịu đựng bền bỉ hơn các dụng cụ của Mỹ. So sánh kỹ thuật dùng trong các phi vụ lên mặt trăng của Nga và Mỹ ta thấy rằng cho đến nay nhận xét đó vẫn còn có giá trị. Hỏa tiễn Luna 9 của Nga với sức đẩy mạnh hơn

đã đưa một trọng lượng là 1500 kg tới mặt trăng trong khoảng thời gian là 36 tiếng đồng hồ. Trong khi đó hỏa tiễn của Mỹ cần phải một thời gian là 66 tiếng đồng hồ để đưa phi thuyền Ranger nặng 400 kg lên mặt trăng. Thực ra, thì trong công cuộc phóng phi thuyền lên mặt trăng, đi nhanh đi chậm không phải là vấn đề quan trọng. Vấn đề quan trọng là đưa hỏa tiễn tới mục tiêu đã định. Với kỹ thuật hiện tại, phần lớn các phi thuyền đều lên mặt trăng bằng hai giai đoạn. Các khoa học gia thường gọi là giai đoạn chủ động và giai đoạn thụ động. Trong giai đoạn đầu hỏa tiễn sẽ đưa tốc độ phi thuyền lên ít nhất là 11 kg/giây, tức là tốc độ tối thiểu để cho phi thuyền vượt khỏi ảnh hưởng trọng lực của trái đất. Sau giai đoạn đó đến giai đoạn thụ động, hỏa tiễn tắt máy đi và phi thuyền cứ theo đà đó mà tiến tới mặt trăng. Thời gian của cuộc hành trình lâu hay chóng tùy thuộc vào tốc độ tối đa hỏa tiễn có thể đạt được trong giai đoạn chủ động của cuộc bay.

Nhưng thời gian bay càng lâu bao nhiêu thì các yếu tố bất chắc lại càng nhiều bấy nhiêu, và kỹ thuật điều chỉnh hướng bay lại càng phải tinh vi bấy nhiêu. Vì hỏa tiễn của Mỹ yếu hơn, các chuyên viên Mỹ đã phải phát triển một hệ thống điều khiển phi thuyền tinh vi hơn các phi thuyền Nga. Tốc độ của hỏa tiễn chỉ cần sai có một mét trong một giây cũng đủ khiến cho phi thuyền đáp xuống cách mục tiêu đã định 250 cây số. Thời gian phóng hỏa tiễn chỉ cần sai đi 10 giây cũng đủ khiến cho

phi thuyền ra ngoài mục tiêu một khoảng cách là 150 cây số. Các phi thuyền Ranger 7, 8, 9 của Mỹ đã đáp xuống cách mục tiêu đã định có trên dưới 30 cây số. Điều này cho ta thấy rõ mức tinh vi của kỹ thuật điều chỉnh phi thuyền của Hoa kỳ.

Kỹ thuật chụp ảnh.

Kỹ thuật chụp ảnh và truyền ảnh của Mỹ có lẽ cũng tinh vi hơn kỹ thuật của Nga. Trên Luna 9 chỉ có hai cái máy chụp hình : một máy chụp hình tự động có thể quay được hết một vòng chung quanh phi thuyền và một máy chụp hình điều khiển bằng vô tuyến. Trên các phi thuyền Ranger, trái lại, có tới 6 máy chụp hình, mỗi cái chụp bề mặt mặt trăng dưới một khía cạnh khác nhau. Và mỗi máy đều có những đặc điểm khác nhau để có thể làm nổi bật những chi tiết khác nhau của bề mặt mặt trăng.

Mỹ đã áp dụng phương pháp chụp hình và truyền hình dùng trong vô tuyến



SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Nhập-môn Triết-Học Ấn-độ** : của Lê-Xuân Khoa, Tủ sách Đại-Học, do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, gồm 7 chương và phần phụ lục kèm theo một phụ bản. Giá 100đ.

— **Bay đêm** : Nguyên tác «Vol de nuit» của Antoine de S. Exupéry bản dịch của Lê-huy-Oanh, do tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 143 trang giá 20đ.

— **Luật hè phố** : truyện dài của Duyên Anh do Trí Dũng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 256 trang giá 65đ. loại giấy thường, 140đ loại giấy quý.

— **Vâng ý cha** : của Fritz Hochwalder, do Diễm Châu và Thế Nguyên dịch theo bản Pháp văn «Sur la terre comme au ciel» của R. Thiebetger và J. Mercure Nam Sơn xuất bản và Thế Nguyên gửi tặng. Sách dày 100 trang, giá 60đ

— **Nuôi con nhơn tình** : tập truyện của Thế Nguyên do Nam Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 76 trang gồm 3 truyện giá 30đ.

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách Khoa.

truyền hình để gửi ảnh về trái đất. Bằng phương pháp này mỗi bức ảnh truyền về trái đất chỉ mất nhiều nhất là 2 giây rưỡi. Bằng phương pháp này Ranger VII đã gửi về trái đất 4316 bức hình trong khoảng 18 phút và Ranger VIII đã gửi về hơn 7000 bức hình trong 23 phút.

Phương pháp truyền hình của Nga tương đối cồng kềnh và chậm hơn. Phương pháp này tương tự như phương pháp truyền ảnh bằng vô tuyến các hãng thông tấn xã thường dùng. Các hình đều được ghi vào phim, in ra ảnh rồi mới truyền về trái đất. Có người cho rằng Luna dùng phương pháp thô sơ này vì các dụng cụ điện tử mảnh dẻ hơn không thể chịu đựng được những va chạm khi

phi thuyền đáp xuống mặt trăng. Nhưng lập luận này có lẽ không đứng vững vì trong chuyến bay của Lunik III trước đây, phi thuyền không đáp xuống mặt trăng, Nga cũng áp dụng phương pháp truyền hình này. Có thể là kỹ thuật của Nga chưa tinh vi tới mức có thể thu nhỏ được những bộ phận điện tử để dùng trong phi thuyền. Nhưng cũng có thể là với hỏa tiễn mạnh, Nga thấy chưa cần phải thu nhỏ các dụng cụ trên phi thuyền :

Đi dễ về khó.

Theo ước lượng của các chuyên viên Mỹ thì hiện nay hỏa tiễn của Nga có sức đẩy vào khoảng 400.000 kg, mạnh gấp đôi hỏa tiễn Atlas của Mỹ. Với hỏa

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THUYẾT

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

tiền này Nga có thể phóng một phòng thí nghiệm không gian với đầy đủ nhân viên lên quỹ đạo vòng quanh trái đất. Nga cũng có thể phóng một phi thuyền lên quỹ đạo vòng quanh mặt trăng rồi lại trở về trái đất. Tuy nhiên, thực hành được phi vụ này là một điều khá nguy hiểm vì, cũng như trong mọi chuyến bay có người vòng quanh trái đất, đưa người lên thì dễ mà lấy người xuống mới là điều khó. Chỉ cần sai một mảy may trong kỹ thuật hướng dẫn phi thuyền về trái đất cũng đủ gây ra tai nạn khủng khiếp cho phi hành gia. Nếu phi thuyền lao vào lớp khí quyển dày đặc của trái đất với một tốc độ quá nhanh hay dưới một góc quá lớn, cả phi thuyền và phi hành gia sẽ tan ra mây khói. Nếu khi trở về, phi thuyền không lọt được vào vòng trọng lực của trái đất thì cả phi thuyền và phi hành gia sẽ biến thành một hành tinh vĩnh viễn chạy chung quanh mặt trời. Trong kế hoạch

đưa người lên mặt trăng, sự an toàn của các phi hành gia phải được bảo đảm đến 99,9⁰/10 trước khi các phi vụ có người được thực hiện. Cho tới khi đó công việc thám hiểm mặt trăng sẽ được giao cho các máy tự động tương tự loại máy Surveyor mà Mỹ dự trù đưa lên mặt trăng trong tháng năm sắp tới.

NGỌC VÂN

Đã có bán :

NHẬP MÔN TRIẾT-HỌC ÁN-ĐỘ

của LÊ-XUÂN-KHOA

- Trình bày và giải thích thấu đáo một hệ tư-tưởng nòng cốt của đông phương.
- Dẫn chứng và đối chiếu nhiều quan điểm triết học Đông-Tây.

Sách dày trên 300 trang, 16 phụ bản, tự vựng, sách dẫn.

Tổng phát hành : 240, Trần Bình Trọng Chợ-lớn.

Sách THỜI MỚI

Mới phát hành :

★ QUAY TRONG GIÓ LỐC

Tập truyện ngắn của Lê-tất-Điều

44 đ.

★ THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM

tập truyện ngắn của Võ-Phiến phụ bản của Phạm-Tăng (in l n thứ hai)

42 đ.

Một tặng phẩm trang nhã và có ý nghĩa sâu xa.

Sắp có bán :

— HÓA THÂN của Kafka do Vũ Hạnh và Chương Ngọc dịch

35đ.

— TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON của Y Uyên

44đ.

Nhà xuất bản THỜI MỚI — 160 Phan-dinh-Phùng (Sài-gòn)

CROISSANCE



CALCITHÉRAPIE GÉNÉRALE

RACHITISME
DEMINÉRALISATION
TROUBLES DE LA CROISSANCE
GROSSESSE — ALLAITEMENT
FRACTURES

CALCIGÉNOL

du DOCTEUR PINARD



CALCIGÉNOL

VITAMINÉ

du DOCTEUR PINARD



en flacons de 300 cm³

Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

MỘT PHỤ NỮ ĐƯỢC CHUẦN BỊ LÀM
CHÍNH TRI TỪ THUỞ LÊN BA ĐẾN BỐN
MƯƠI LĂM NĂM SAU TRỞ THÀNH
THỦ - TƯỚNG MỘT NƯỚC DÂN-CHỦ
ĐÔNG DÂN - SỐ NHẤT THẾ - GIỚI

Bà Indira Gandhi

● VŨ - BẢO



Lan, chỉ là 1 phần 50 của Ấn độ, nên có thể nói khắp thế giới không có người đàn bà nào lãnh một trách nhiệm nặng nề như bà Indira Gandhi.

Bà là con gái và là con một của cố thủ tướng Nehru và có người nghe tên gọi của bà đã «tán rộng» là thủ tướng Nehru vì lòng kính mộ thánh Cam Địa nên đã đặt tên con gái yêu là Gandhi. Sự thực không phải như vậy. Bà mang tên Gandhi chỉ vì bà lấy ông Feroze chi Gandhi và ông này chẳng có họ hàng với thánh Cam Địa hết.

Trong lịch sử cận đại chưa bao giờ thấy một nước gồm 480 triệu dân lại do một người đàn bà 48 tuổi lãnh đạo

Nếu kể đàn bà mà làm thủ tướng thì bà Indira Gandhi là người thứ hai. Bà thứ nhất là thủ tướng Tích Lan, bà Sirimavo Bandaranaike, nhưng Tích

Dầu sao thì sự trùng tên đó cũng đã có ảnh hưởng tới sự thành công của bà. Trong đầu óc của nhiều người dân Ấn, việc kết hợp của 2 tên họ, Nehru và Gandhi, hai tên gọi nổi danh nhất của Ấn độ, đã như là một sợi dây tình cảm thâm thiết giúp cho danh tiếng

của bà dội vang ngay ở những xóm làng hẻo lánh nhất. Nhưng nhìn vào cuộc đời của bà Indira Gandhi chúng ta sẽ thấy bà thành công không phải chỉ vì bà là con gái của một người cha hân hũu mà sự nghiệp của bà thực ra không do sự tình cờ của giòng họ hay trùng tên.

Dạy con từ thuở lên ba.

Bà sinh ngày 19 tháng 11 năm 1919 tại Allahabad, ở miền Bắc Ấn độ, nơi mà nước sông thiêng của ngọn Jumna đổ vào dòng Hằng hà bất tận. Bà có đôi mắt đen sâu và một vẻ mặt u buồn như thủ tướng Nehru và bây giờ tuy đã đứng tuổi bà vẫn còn giữ những nét đẹp vừa khả ái vừa trang nghiêm. Hồi ông Nehru còn sống, ông vẫn thường nựng gọi con gái của mình là Priyadarshini (yêu kiều) Bà thường nói với những người thân là từ mấy năm nay không có thì giờ đi la cà những hàng tơ lụa chọn lấy một vài chiếc Sari óng ả. Nhưng lúc nào bà cũng ăn vận một cách vừ giản dị vừa lịch sự mà chỉ riêng có một số phụ nữ phong thái nằm được bí quyết.

Cuộc đời chính trị của bà Indira Gandhi bắt đầu ngay từ lúc bà mới lên 3 tuổi. Chính khung cảnh gia đình đã khiến cho bà sống rất sớm trong một không khí tranh đấu sôi nổi. Thân mẫu là một cô gái Cachemire thân hình mảnh dẻ nhưng lại lãnh đạo phân bộ đảng Quốc Đại tại Allahabad. Thân phụ, ông Nehru là

người kế vị tinh thần của Thánh Cam Địa đang phát động phong trào dành độc lập. Ông nội là một trong những những đảng viên đầu tiên của đảng Quốc Đại, và ngôi nhà của ông Nehru là trụ sở những phiên nhóm bất hợp pháp của đảng này. Lên 3 tuổi, bà Indira đã nhiều phen chứng kiến những người thân yêu nhất của mình lần lượt được Cảnh sát Anh tới nhà bắt đi, đưa vô khám. Lên 4 tuổi, bà còn ngồi trong ông nội trước tòa án để nghe quan toà tuyên án phạt tù ông mình. Và có lần khách đến chơi nhà đã được cô bé Indira vừa biết nói sỏi, trả lời như sau :

— Thưa bác không có ai ở nhà cả. Ba cháu, Má cháu và ông nội cháu đi ở tù hết rồi !

Có thể nói là trong buổi thơ ấu bà sống rất cô độc. Bà không chơi với các trẻ con khác và một trò chơi bà ưa thích nhất là đứng lên trên một cái bàn cao với một số người nhà quây chung quanh nghe cô gái nhỏ diễn thuyết chính trị một cách nầy lửa. Bà xếp những con búp bê thành từng hàng để đi biểu tình hưởng ứng lời kêu gọi bất cộng tác của Thánh Cam Địa phản đối đế quốc Anh. Rồi bà lại xếp cho một vài con búp bê khác tới bắt những con đi biểu tình để dẫn vô khám. Ngay từ buổi đó, đã có một người khách thường đến chơi nhà hầu chuyện ông Nehru và thường giúp cô Indira xếp hàng cho búp bê đi biểu tình. Người đó là Lal Bahadur Shastri sau này làm Thủ Tướng Ấn độ,

kế vị cho ông Nehru. và Shastri mất đi tại hội nghị Tachkent đã trao lại cho bà Indira gánh nặng điều khiển quốc gia Ấn độ.

Lớp hàm thụ.

Năm 12 tuổi, bà đã bước hẳn vào cuộc đời tranh đấu. Bà cùng với đám trẻ con cùng tuổi thành lập « Lữ đoàn khi » gồm tới 6.000 đoàn viên với mục đích tham dự vào phong trào độc lập bằng những khả năng của tuổi 12. « Lữ đoàn khi » may len cờ, làm giao thông liên lạc đưa thư qua những chặng gác, lấy trộm đồ, giúp các đảng viên đảng Quốc Đại thi hành công tác v.v... Có một bữa cảnh sát Anh bắt một số người biểu tình, cô bé Indira đã chạy xầm vào giữa toán cảnh binh kêu ầm lên: « Bắt tôi đi, đánh tôi đi ! »

Trong những năm đó, bà nhận tất cả sự học vấn của bà qua những lá thư mà ông Nehru từ trong nhà lao gửi ra cho bà. Dưới một hình thức thăm thiết như mọi bức thư người cha bị cầm tù gửi cho con gái, ông Nehru đã đề cập đến một cách rộng rãi tới mọi vấn đề Sử-ký thể giới và chính-trị quốc tế để rút ra những lời khuyên con làm tròn nhiệm vụ với Tổ quốc. Lớp « hàm thụ » đó đã có những ảnh hưởng quyết định tới những hoạt động sau này của bà Indira Gandhi và hiện nay các tập thư đó đã được sưu tầm lại dùng làm bài tập đọc tại hầu hết các trường học Ấn độ.

Năm 1936, bà du học tại Anh và học môn sử ký tại Đại học đường Oxford

Bà nói tiếng Pháp và tiếng Anh rất thạo không khác gì nói tiếng Hindi. Nhưng năm 1941, vì kém sức khỏe và vì thể chiến thứ hai, bà trở về Ấn độ theo học tại Đại học đường Santiniketan do thi hào Tagore sáng lập. Ở đây bà lại có dịp ném mình vào cuộc tranh đấu đòi độc lập mỗi ngày một thêm đẫm máu của Ấn độ.

Một năm sau, bà lấy một luật sư ông Feroze Gandhi và hai vợ chồng mới cưới đã hưởng tuần trăng mật trong khám ở hai xà lim khác nhau vì tội phá rối cuộc trị an : Như những con búp bê mà bà đã bày chơi hồi mới lên 3, bà đã dẫn đầu một đám biểu tình phụ nữ, xuống đường tại Allabahad và đã bị bắt giữ.

Suốt 13 tháng trời bị giam, bà bỏ hết giờ ra dậy cho những phụ nữ đồng cảnh biết đọc biết viết. Ở tù ra, hai vợ chồng trở về sống tại quê nhà và được hai đứa con trai. Rajiv và Sanjay (cả hai bây giờ đều lớn, 21 và 19 tuổi, đang theo học kỹ sư tại Anh quốc).

Nhân vật thứ hai.

Năm 1947, Ấn độ được trao trả độc lập, ông Nehru được cử làm Thủ Tướng. Bà Nehru đã mất từ năm 1936 nên Thủ Tướng kêu con gái về New Delhi trông nom giúp việc trong nhà. Mặc dầu chồng bà không thuận ý, bà Indira đã mang hai con về sống tại New Delhi còn ông Feroze Gandhi ở lại Allabahad đã mất vì bệnh tim vào năm 1960.

Thay mẹ đóng vai đệ nhất phu nhân Ấn Độ, bà Indira đã cắt đặt công việc trong dinh Thủ Tướng một cách hết sức chu đáo, săn sóc sức khoẻ và giờ giấc làm việc cho cha, tiếp đãi khách khứa vừa bận thiệp vừa tế nhị, không bỏ sót một chi tiết nào là không đề mắt tới từ thực đơn trên bàn tiệc cho đến vườn cỏ ngoài sân.

Ông Nehru đã cho con gái có dịp làm quen với những vấn đề nội trị và trong nhiều chuyến công du, ông đã cho bà Indira ra tháp tùng giúp cho bà có nhiều cơ hội tiếp xúc với các lãnh tụ một số lớn quốc gia trên thế giới. Tại hội nghị Bandung, bà Indira đã trao đổi ý-kiến với Chu-ân-Lai, sang Belgrade bà đã gặp Thống chế Titô và qua Moscou bà đã nói chuyện với Boulganine.

Uy tín của bà trên chính-trường mỗi ngày một lớn mạnh và năm 1955, bà được đảng Quốc Đại cử vào Ban Thường Trực, gồm 21 người và nắm giữ mỗi công việc đảng. Bà đặt chân gần khắp nơi tại Ấn Độ, đi tới thăm cả những thôn xóm chưa từng bao giờ được đón tiếp một người khách lạ, đỡ đầu nhiều tổ chức từ thiện, phát động nhiều công cuộc xã hội và chẳng bao lâu bà là nhân vật thứ hai của Ấn Độ được nhiều người biết tiếng nhất sau Thủ tướng Nehru, Người ta không lấy làm lạ khi thấy bà được cử vào chức vụ chính trị quan trọng bậc nhì trong nước : Năm 1959 bà được cử làm chủ-tịch đảng Quốc-Đại.

Bà chỉ ở chức vụ này có một năm nhưng bà cũng đã có thì giờ làm nhiều việc đáng kể. Bà gạt những đảng viên bất lực ra khỏi các cấp bộ điều khiển, giúp cho những đảng viên trẻ và hăng hái có dịp đem hết tài năng ra làm việc tạo được cho đảng Quốc Đại một tinh thần nhất trí.

Sau đó sức khoẻ của Thủ tướng Nehru có nhiều dấu hiệu suy giảm, bà tự cho là không có nhiệm vụ nào khẩn bách hơn là chăm sóc cho cha già. Cho tới một đêm vào tháng giêng năm 1964, thủ tướng Nehru vừa đọc xong bài diễn văn tại Bhubanesawr thì ngã xỉu. Trong suốt thời gian thủ tướng Nehru dưỡng bệnh bà đã thực sự giữ chức quyền thủ tướng Ấn Độ, giúp cha quyết định nhiều việc, và quyết định thay cả cho cha trong một số việc khác, hạn chế thời gian khách tới thăm, trả lời các thư tín, và thứ nhất là gắng cho mọi người cái cảm tưởng là ông Nehru đã bình phục. Nhưng sự tận tâm của một người con gái cũng không thắng nổi vận mạng. Tháng 5 năm 1964, thủ tướng Nehru từ trần, mặc dù bà Indira đã lấy máu mình tiếp cho cha già trong cơn nguy kịch.

Bà không để cho một ai bắt chợt thấy mình sức cảm, bình tĩnh sắp đặt tang lễ và sau khi thi hài ông Nehru được hỏa táng, bà đích thân ngồi máy bay trông nom cho người ta rắc tro thi hài xuống các triền sông và đồng ruộng đúng theo lời di chúc. Chỉ sau khi mọi việc đã xong xuôi, trở về nhà bà mới để cho nỗi đau khổ của mình bật ra

tiếng khóc và bà đã khóc hẳn cả nửa tháng trời.

Không khiêm tốn, không kiêu ngạo

Trước khi thủ tướng Nehru mất, đã có người dò ý bà về những nhân vật có thể kế-vị, và lẽ tất nhiên trong câu hỏi đã có nhắc gần xa tới tên bà và bà đã trả lời một cách hết sức thẳng thắn: «Tôi không đủ khiêm tốn để nói rằng tôi không đủ sức để cầm quyền nhưng tôi cũng không kiêu ngạo đến nỗi quả quyết rằng những người khác không làm được việc đó»

Khi ông Nehru mất bà đã có ý muốn xa chính trường trong một thời gian nhưng trước sự ân cần của tân thủ tướng Shastri, bà đã nhận bộ Thông-Tin trong nội-các mới. Có một điều đáng chú ý là ở nơi người con gái suốt đời sống tận tụy cho cha, việc tham dự Chính Phủ đã như là một cách thờ phụng cha để duy-trì những tư-tưởng chính-trị của người quá cố. Trong một cuộc phỏng vấn của tạp chí Asja Magazine hồi đó, bà đã nói là bà «cảm thấy như là thủ tướng Nehru vẫn còn sống» và chánh phủ Shastri đã tiếp tục những đường lối đối nội cũng như đối ngoại của cố thủ tướng Nehru. Và bà kết luận: «không có vậy thì tôi đã không ở trong chánh phủ.»

Trong 19 tháng giữ bộ Thông Tin, bà đã đề cho người ta nhớ lại một số việc đáng kể. Một không khí hoàn toàn cởi mở đã thổi vào hai cơ quan độc

quyền của chính phủ: vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình.

Trong những vụ lộn sộn vì vấn đề ngôn ngữ — chính phủ Shastri đã muốn dùng tiếng Hindi làm ngôn ngữ chính thức—, bà đã đích thân về Madras nơi mà dân chúng nói tiếng Tamil đã biểu tình đẫm máu để phản đối, và sự có mặt của một người đàn bà đã làm nguôi hết nộ-khí của những người cuồng nhiệt và tránh được nhiều sự đáng tiếc.

Khi chiến tranh Hồi Ấn xảy ra ở Cachemire, người ta chụp mũ gián điệp cho nhiều người Hồi giáo, đêm đêm bà đi thăm các bót cảnh sát xem có người Hồi bị giữ trái phép không và bà là nhân viên chính phủ đầu tiên đã bay ra mặt trận ngay từ khi súng mới nổ đến nỗi có người Ấn-độ đã có câu trào phúng như sau: «Trong nội các này, chỉ độc nhất có bà Indira là đàn ông».

Ít người ghét, nhiều người biết

Cái chết đột ngột của thủ tướng Shastri tại hội nghị Tachkent đã đưa bà Indira Gandhi lên nấc chót danh vọng. Danh sách những nhân vật đưa ra kế vị ông Shastri cũng khá dài: nào là ông Patil, lãnh tụ chính trị tỉnh Bombay; ông Chavan bộ trưởng quốc phòng và «người hùng» của chiến tranh Cachemire; nào là ông Nanda, bộ trưởng Nội-vụ hiện là quyền thủ tướng và nhất là ông Desai người đã thất cử trước ông Shastri

sau khi thủ tướng Nehru mất, và nhất định lần này không chịu thất bại một kỳ thứ hai nữa.

Nhưng phần đông các lãnh tụ đảng Quốc Đại thì lại ủng hộ bà Indira Gandhi, «người ít kẻ thù nhất và nhiều kẻ biết danh nhất». Họ khuyên Desai nên rút lui nhường cho bà Indira nhưng Desai không chịu, buộc các đảng viên phải họp đại-hội để bỏ phiếu bầu thủ tướng mới.

Sáng sớm hôm đại hội nhóm họp bà Indira Gandhi đã tổ chức như là buổi hành hương về nơi nguồn gốc cũ. Bà ra bên bờ dòng sông thiêng Jumna nơi đã được chọn làm lễ hoả-táng cho Thánh Cam Địa và thủ tướng Nehru và hiện có dựng đài kỷ niệm hai bậc vĩ nhân đó. Bà dâng hoa rồi đọc kinh cầu nguyện. Sau đó bà trở về ngôi nhà cũ, bây giờ được đổi thành viện bảo tàng, tới trước bức ảnh lớn của cha, lặng ngẫm hồi lâu rồi òa lên khóc. Lúc trở về trụ sở Quốc Hội để dự cuộc bỏ phiếu, bà tới thẳng chỗ ông Desai, chấp tay vái chào và khẽ nói:

— Ông có cầu chúc cho sự thắng cử của tôi không?

— Tôi cầu chúc cho bà.

Lúc kiểm phiếu bà được 335 phiếu trong khi ông Desai chỉ được có 169 phiếu. Ông Desai lên diễn đàn ca ngợi sự đắc thắng của bà Indira và hứa sẽ hợp tác trong tất cả những lãnh vực nào

mà ông ta có thể phục vụ quyền lợi xứ sở.

Thực ra số phiếu của bà Indira còn có thể nhiều hơn nữa nếu một số nghị sĩ cực hữu không e ngại những tư tưởng xã hội của bà và đã thì thầm với nhau rằng bà là «người của Kossyguine» khi họ thấy đảng cộng sản Ấn tỏ ý tán thành việc đắc cử của bà. Sự e ngại đó chính ra đã có từ lâu: Trong những năm 1950, sau khi đi thăm một số nước cộng sản trở về Ấn độ bà có tỏ lời ca ngợi những diêm mà bà cho là họ đã thành công.

Nhưng bà đã có dịp chứng tỏ bà không thể nào chấp nhận được chủ nghĩa này khi cộng sản thắng cử tại tiểu bang Kerala của Ấn độ và cầm quyền trong 27 tháng. Bà tới thăm tiểu bang Kerala vào năm 1956 và đã ghê tởm khi thấy các sách giáo khoa dùng để giầy các trẻ nhỏ đã viết rằng người giải phóng cho dân Ấn bị áp bức chính là Lê Nin và Mao Trạch đông chứ không phải là thánh Cam Địa. Trở về New-Delhi bà tuyên bố một cách phẫn nộ: «Tất cả cái gì Cộng sản làm đều sai lầm hết».

Và bà thúc đẩy chính phủ Trung-Uơng phải loại trừ bọn hoạt-đầu Cộng sản và đặt tiểu bang Kerala trực thuộc Tổng Thống Ấn độ.

Việc đàn bà

Sự đắc thắng của bà Indira Gandhi đã mang nhiều ý nghĩa:

Đối với đảng Quốc Đại, ứng cử viên này kết hợp được mọi khuynh hướng khác nhau trong đảng và duy-trì được sự đoàn kết nội bộ rất cần thiết

để cho đảng có thể đắc thắng trong cuộc tổng tuyển cử năm tới.

Người dân Ấn độ đã đặt rất nhiều hi vọng vào bà Indira Gandhi. Họ tin rằng bà được tắm gội từ thuở nhỏ trong cnộc tranh đấu chính trị, lại được một người cha siêu đẳng truyền thụ cho tất cả những bước đi, bước đứng trong đảng cũng như ngoài quốc hội, trong chính sách đối nội cũng như trong đường lối đối ngoại, thêm vào đó lại qua người cha mà thừa hưởng cái gia tài tinh thần và đạo-đức của thánh Cam Địa và của Ấn-độ lịch sử, một con người như bà Indira thực sự đã có đầy đủ điều kiện để lãnh đạo chính phủ của một nước có những vấn đề phức tạp như một lục địa.

Một người đàn bà có lẽ có nhiều năng khiếu hơn để giải quyết vấn đề thực phẩm của một dân số đông thứ nhì thế giới và cứ mỗi tháng lại tăng thêm một triệu miệng ăn. Một người đàn bà có lẽ sẽ đủ tế nhị để khuyên bảo các chị em phụ nữ nên hạn chế sinh sản còn như thủ tướng Shastri trước đây đã thú nhận là ông không đủ thâm quyền để bảo người khác để ít đi trong khi chính ông đã có tới 6 con. Một người đàn bà có lẽ mới đủ tài thu vén để trả những món nợ Ấn độ đi vay và đã tới kỳ hạn. (Riêng về tháng 3 này, số nợ tới hạn phải trả đã lên tới 300 triệu Mỹ kim).

Nhưng người dân Ấn độ không phải

chỉ chờ ở bà Indira Gandhi giải quyết những vấn đề gấp bách đó mà thôi đâu. Trong gần 2 năm qua tuy họ kính trọng ông Shastri là một người cần mẫn và tận tụy song trong lòng họ chắc cũng chưa sung sướng khi thấy từ vóc dáng đến uy-thể quốc tế, ông Shastri chưa đạt tới tầm thước của Nehru. Ông Shastri có những gốc rễ nông dân nên tự nhiên có khuynh hướng thu mình vào các vấn đề nội trị hơn là muốn nhảy lên sân khấu quốc tế. Với bà Indira Gandhi, chắc hẳn người Ấn mừng thầm đã tìm thấy trở lại một vị thủ tướng bạt thiệp khiến cho tiếng nói của Ấn độ lại gây được với các nước ngoài những âm hưởng xa xa như thuở nào thủ tướng Nehru, người sứ giả với đóa hoa hồng trên khuy áo, đã suốt từ Đông sang Tây, cất lên tiếng nói chừng chạc của phe không liên-kết, và giữ một cương vị đàn anh trong việc duy trì quân bình thế giới.

Có phải vì muốn làm sống lại cái hình ảnh đã bao năm làm ấm lòng người dân Ấn độ mà bà Indira Gandhi đã tới đại hội đảng Quốc Đại với một bông hồng trên áo để cho những người sắp bỏ phiếu bầu Thủ Tướng thấy rõ rằng khi chọn bà, họ đã chọn đúng người kế nghiệp Nehru? Và cũng để chứng tỏ rằng bà sẽ theo đúng đường lối của người cha quá cố bà đã tuyên bố: « Bây giờ không phải là lúc soạn thảo các chương trình mới. Bây giờ chỉ là lúc cố gắng và ưng quyết áp dụng

những chương trình đã có sẵn một cách thành thực và hiệu quả ».

Những người thiết tha với tinh thần Đông Phương nhìn bà Indira Gandhi thấy có một thiện cảm riêng. Ở nơi bà phảng phất cái bóng dáng đặc biệt của những bậc anh thư trong những câu chuyện cổ Á Đông, hiếu hạnh với cha và tận tụy với nước, có thể coi nhẹ cả nghĩa vợ chồng để làm trọn những nghĩa vụ lớn hơn. Những người đó đều mong mỏi rằng đóa hoa hồng cài trên áo kia vừa đủ gai góc để làm chồn tay anh láng diềng hung hăng phía Bắc, vừa

mang lại nhiều hương sắc mới cho Ấn độ.

Phụ nữ toàn thế giới cũng không thể nào không theo dõi một cách chăm chú các hoạt động của bà Indira Gandhi: Bà thành công trong việc lãnh đạo Ấn độ giữa một thời kỳ đặc biệt khó khăn này thì sẽ là một vinh dự chung cho cả giới phụ nữ và câu chuyện đầu lưỡi của mấy anh đàn ông chủ quan cho rằng « việc ấy đàn bà làm sao nổi » khi đó sẽ đổi thành: « Việc ấy chỉ đàn bà làm mới nổi ».

VŨ BẢO

ĐÓN ĐỌC

Tuổi Thơ

Tập truyện của LƯƠNG-THẾ-NAM
NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO PHÁT HÀNH

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

CUNG GIỮ NGUYỄN

PHỤ NỮ ẤN-ĐỘ

Một chiến sĩ phục vụ quê hương

Đảng Quốc-dại — đảng chiếm đa số tại Quốc-hội Cộng-Hòa Liên-bang Ấn-độ — đã bầu bà Indira Gandhi, làm thủ-tướng thay thế cho Ông Lal Badahur Shastri, chết thình lình tại Tashkent.

Bà Indira Gandhi, 48 tuổi, là ái-nữ ông Jawaharlal Nehru, nhà cách mạng và chánh-khách lỗi lạc, vị thủ-tướng đầu tiên của Ấn-độ độc-lập. Lúc còn bé, bà Indira Gandhi đã từng thấy cha mẹ, bà con, nhiều lần vào ra nhà tù của người Anh. Phần lớn giáo-dục của bà chỉ nhờ nơi những bức thư của cha gửi từ ngục thất. Những thư ấy, sau này, đã trở thành một áng-văn cổ-diễn được hầu hết thanh thiếu niên đọc và suy gẫm tại các học-đường. Năm 1930, khi bà mới 13 tuổi, ông Nehru đã gửi, thay quà mừng sinh-nhật, những lời khuyên nhủ như sau :

« Con có nhớ con đã say mê biết bao khi con được đọc lần đầu chuyện Jeanne

d'Arc và con đã nuôi mộng làm một việc gì như vị anh-thư ấy... Tại Ấn-độ ngày nay, chúng ta đang làm lịch-sử. Con với cha may mắn được nhìn điều đó tiếp diễn trước mắt chúng ta. Cha không thể tiên đoán phần đóng góp của cha con ta sẽ thế nào, nhưng dù sao, chúng ta hãy nhớ rằng chúng ta có thể tránh bất cứ điều chi tổn thương đến chính-nghĩa và danh dự của dân-tộc chúng ta. Chào con, gái bé, ước chi con chóng lớn và trở thành một chiến-sĩ can đảm phụng-sự quê-hương. » (1)

Đời sống của bà Indira Gandhi đã theo mãi chiều hướng ấy. Bà kết-hôn với một luật-sư, người Parsi, tên Feroze Gandhi, không có họ hàng gì với thánh Gandhi cả. Cùng với chồng, bà đã bị giam cầm 13 tháng về tội chống chánh-phủ. Bà có hai con nay đã lớn, theo học ở Anh. Đến năm 1947, sau khi bà Nehru mất, bà Indir rời khỏi Allahabad, trở về New-Delhi hầu hạ thân-phụ. Chồng

(1) Time, 28-1-1966

bà chết năm 1960. Tuy không có chức-vụ gì chính-thức, bà đã cộng-sự đắc-lực với thân-phụ, và khi ông Nehru lâm bệnh, nhiều quyết định của thủ-tướng chính phủ do bà mà ra. Bà đã thay cha làm lãnh-tụ Đảng Quốc-đại năm 1959, và khi ông Shastri lập chính-phủ, bà từ khước trách-nhiệm quan-trọng và chỉ nhận làm tổng-trưởng Thông-tin và Truyền-thanh.

Bà Indira Gandhi là người đàn bà hứ hai ở Á-châu lãnh đạo một quốc-gia trong thời đại này, sau bà Bandanaraike, nguyên thủ-tướng Tích-Lan. Nhưng Tích-Lan không thể so-sánh với Ấn-độ về diện-tích, về dân-số, về những vấn-đề khó khăn mà nước này hiện nay phải đương đầu. Sự trao phó cho bà Indira Gandhi một vai tuồng nặng nề khiến cho đôi người ngạc nhiên và cho rằng Ấn-độ đã trở lại một lối kế-tập, vì nghi phụ nữ Ấn chưa đủ tài sức để cáng đáng thứ công việc hầu như nên dành cho nam-giới.

Sự thật là phụ-nữ Ấn-độ, ngót một thế kỷ nay, đã chứng tỏ không những sự trưởng thành của mình về mọi phạm-vi hoạt-động mà cả những khả-năng và đức-tánh không thua kém gì những người của phái gọi là mạnh. Những ý nghĩ sai lầm do nơi sự so sánh thông thường phụ nữ Ấn với phụ nữ của nhiều quốc gia Á Phi khác. Có thể cho rằng trước kia đàn bà Ấn không được địa vị xứng đáng trong luật pháp cũng như trong đời sống xã hội. Ngày nay, không còn như thế nữa. Sự tranh đấu bền bỉ và gan dạ

chính của nữ giới đã đem lại cho họ những quyền lợi họ đã mất, sự thành công rực rỡ của họ trong mọi ngành cho thấy họ xứng đáng được hưởng. Và chẳng, trở lại lịch sử xa xăm của Ấn độ, cũng đã thấy giá trị của phụ nữ Ấn rồi.

Phụ nữ lỗi lạc thời xưa.

Các kinh và sách Ấn chất chứa nhiều tài liệu chứng minh. Kinh *RigVeda*, nguồn gốc của tư tưởng Ấn, ghi nhận đàn bà cũng đủ tài năng như đàn ông để thấu triệt những ý niệm cao siêu, để thông đạt cái tuyệt-đối hay *Brahma*. Đàn bà đã được dự tất cả hoạt động truyền bá chân lý cũng như đã được tham gia cùng với chồng mọi lễ nghi tôn giáo. Những sách *Upanishada* sau này xác nhận những nguyên tắc trên; và có ghi lại những cuộc hội thảo của các triết nhân danh tiếng đương thời, trong số có một phụ nữ, Gargi Vachaknavi.

Phật giáo cũng nổi tiếp sự tôn trọng phụ nữ trong đời sống xã hội. Đàn bà được đón nhận vào các dòng tu. Nhiều sư nữ nổi tiếng về công truyền đạo mới, khi Phật giáo vừa tách rời khỏi đạo Bà-la môn.

Cho đến khi Ấn-độ bị quân của Mohammed ở Ghor chiếm đóng và đến hậu-bán thế kỷ 18, từ lúc quân Anh chiếm cứ miền Bengal, địa-vị phụ-nữ bắt đầu thay đổi. Sự đổ vỡ các thể-chế xã-hội, sự tàn nát và di chuyển dân cư vì chiến tranh hay vì hiện-diện của ngoại bang cùng sự sụp-đổ kinh-tế,

đã phá hoại đời sống của cộng đồng cũng như của phụ-nữ suốt trong thời kỳ ấy. Đàn bà không còn ra khỏi nhà nữa, một lẽ là vì tình trạng bất an khắp nơi, một lẽ khác vì dân Hồi đặt cho dân Ấn tục-lệ *purdah*, là lối giữ đàn bà sống chung với nhau trong cung cấm. Việc giáo-huấn trong những tu-viện, đền chùa, không được dễ dàng như trong thời kỳ Phật-giáo phồn thịnh. Cũng không còn phương tiện cho những sư-nữ công-tác từ-thiện, đến thăm viếng như trước kia mọi gia đình, từ cung điện đến các túp lều tranh.

Chỉ tại miền nam Ấn-độ không bị áp-lực của sự chiếm-đóng thường xuyên, địa-vị phụ-nữ mới không thay đổi nhiều. Tại đây, vào thế-kỷ 15, đời sống theo Ấn giáo đã tiếp diễn một cách phong phú. Ganga Devi, tác-giả tập hùng ca *Madhuru Vifayam*, Tirumalamba Devi, tác giả tập *Varadambika Parnayam* là tên những nữ thi-sĩ được truyền tụng. Cũng trong thời-đại ấy, đã xuất hiện những vị anh-thư như Chadibibi, cải-trang đề hô hào những chiến-sĩ bảo vệ thành-trị, như Tara-bai, là linh-hồn một cuộc kháng địch.

Trên đường tranh đấu

Với sự hiện diện của người Anh, Ấn-độ bước vào một giai-đoạn lịch-sử đặc-biệt. Đời sống dân chúng hoàn toàn đổi khác. Xứ sở bị tê liệt vì một chủ-nghĩa thực-dân gay gắt hơn những sự đô - hộ nhất thời trước kia. Một văn-hóa mới xung đột với văn-minh cổ-truyền. Cơ-sở kinh-tế dần dần phải biến hóa, tiểu-công nghệ mất phạm-vi

h hoạt-động và phụ-nữ không còn phương-tiện sinh sống bình thường.

Cũng may, văn-minh Ấn không chỉ có trong kinh sách, mà được in sâu vào tâm can của dân Ấn. Phụ-nữ vẫn là hạng người ghi nhận và giữ gìn của cải tinh-thần mà hai trăm năm đô hộ của người Anh không đủ để tiêu-diệt. Nhờ bài ca, điệu múa, truyện tích, kho tàng ấy được truyền lại xuyên qua các thế-hệ. Tuy nhiên sự tiếp xúc với một văn-hóa khác cũng là nguyên nhân thúc đẩy việc trở về cội rễ và khai quang những đường lối mới. Giai-cấp trung-lưu đã bắt đầu sắp đặt đời sống theo tân-trào để khỏi phải bị cô-lập hay tách rời khỏi cuộc sống nhộn nhịp và huy hoàng của thế-giới. Lần hồi, phụ-nữ cũng theo chương-trình học-vấn và giáo dục tây-phương. Đến năm 1878, thiếu nữ Ấn vào Đại-học, mười năm sau, đã xuất ngoại, du học tận Mỹ-châu. Y-học và luật-học cũng được phụ-nữ lựa chọn. Người đầu tiên học y-khoa xuất ngoại năm 1888, đến năm 1882 một

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ MẠ CHỮ VÀNG

SẢN XUẤT :

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm Thạch v. v. . . Làm Đèn Giấy đủ kiểu.

50, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

thiếu-nữ khác nhận bằng cấp cử-nhân luật-khoa tại Đại-học-đường Oxford ở Anh.

Song song với phong trào thúc đẩy việc tân-học, rất nhiều phong-trào cải cách xã-hội, vừa chánh-trị vừa tôn-giáo xuất hiện khắp trong nước. Brahmo Samaj của Raja Ram Mohan Roy, và những phong-trào anh em như Prathana Samaj ở Đông Ấn, Arya Samaj ở Bắc Ấn, đóng vai tưởng lớn trong công cuộc khích lệ ấy. Một số người Anh tiến-bộ cũng đã thành thật giúp cho dân bản xứ áp dụng tư tưởng cách mạng tây-phương. Các bà Margaret Noble, sau này thành nữ-tu Nivedita, Annie Besant, Margaret Cousins, đều là người Ái-nhi-lan, đã có thành tích tranh đấu trong cuộc vận-động Ái-nhi-Lan tự-trị. Năm 1914, Annie Besant khởi đầu một phong trào yêu sách với bản kêu gọi «Ấn độ, hãy vùng lên...» Chính quyền Anh ở Ấn độ, tất nhiên bắt giam nhà lãnh đạo. Nhưng lời kêu gọi đã có người hưởng ứng. Hội phụ nữ Ấn-độ, thành lập tại miền Nam, hô hào việc thống nhất lãnh-thô Ấn. Một phái đoàn, do bà Sarojini Naidu cầm đầu, giáp mặt tranh-đấu với bộ-trưởng Montagu, khi ông này kinh lý Ấn-độ năm 1919. Hội Phụ-nữ lại có sáng kiến tổ-chức Hội-nghị phụ-nữ toàn-quốc. Chính quyền Anh tỏ thiện-chí, bộ-trưởng Montagu chịu nghiên cứu chương-trình cải cách. Một số đại biểu gồm có bà Sarojini Naidu qua Luân-đôn đề bênh-vực lập trường của

mình. Nhưng kết quả thâu hoạch chẳng làm vừa lòng những nhà ái quốc Ấn. Bao nhiêu cuộc cải cách xã-hội, giáo dục không được thực hiện theo ý muốn của dân Ấn mà chỉ theo quan-điểm của giai-cấp thống-trị. Phụ-nữ đòi quyền ứng cử và bầu cử, nhưng đến năm 1927, chỉ có một số ít được vào các cơ-quan lập pháp địa phương, vì luật - lệ buộc phụ-nữ phải là người có đóng thuế mới được bầu cử, mà đa số chị em thì thiếu điều kiện ấy. Càng ngày, những nhà ái quốc nhận định, rằng mọi vấn đề chỉ được giải quyết toàn vẹn khi nào giải-quyết được vấn đề chính, mà vấn đề chính yếu, vấn đề ưu tiên, không phải là cải thiện đời sống, mà là tự - do của đất nước. Phương tiện để đạt đến không thể là yêu sách, thỉnh-cầu, hội-nghị, mà là trực-tiếp hoạt-động chính-trị. Độc-lập quốc-gia là yêu - sách căn bản, chưa đạt được thì những thắng lợi vụn vặt nào ở một vài địa hạt cũng chỉ có giá trị tạm thời vô nghĩa.

Muối tự-do

Tất cả hội-đoàn chuyển hướng. Tất cả tổ-chức công khai và trực-tiếp hoạt-động chính-trị, nhất là từ khi Gandhi, ở Phi-Châu trở về, lãnh-đạo ý-chí toàn dân. Ảnh-hưởng của Gandhi rất sâu rộng. Sự tôn sùng Gandhi rất thành tâm. Tính ra từ khi Đức Thích-ca Mâu-ni hành đạo, ở Ấn-độ chưa có một cá-nhân nào đã thay đổi số kiếp hằng triệu người như thánh Gandhi. Gandhi đã sống đúng theo

chân-lý mình truyền bá. Ông đưa ra cho dân Ấn lý-tưởng *swadeshi*, bất hợp-tác và bất tuân-lệnh của nguy-quyền, làm cho mọi người hăng say vì chính-nghĩa. Một kỹ-thuật khác trong *satyagraha* (2) của Gandhi là người lãnh-tụ phải đi trước các đồng chí, phải dẫn đầu các chiến-dịch, và luôn luôn ở tiền tuyến trong mọi cuộc chiến đấu. Kỹ thuật ấy cho phép phụ-nữ đảm đương được vai tuồng lãnh đạo, tuy rằng ý định đầu tiên của Gandhi là dành cho phụ-nữ những công tác khác chứ không đòi hỏi phụ-nữ sự hy-sinh quá lớn. Nhưng trước sự hăng hái của phụ-nữ trong cuộc biểu-tình ngày 6-4-1930, Gandhi phải thốt lên : «Phần đóng góp của phụ-nữ Ấn sẽ được ghi lại bằng chữ vàng».

Ngày lịch-sử ấy hàng nghìn phụ-nữ đã đổ xô xuống bãi biển Dharasana như thề những chiến-sĩ oai hùng. Thay vì khí giới, họ chỉ có bình chứa bằng đất, bằng đồng, thay vì binh-phục, chỉ có những chiếc áo choàng *sari* bằng vải nội-hóa. Dân chúng ngạc nhiên đến cực độ, vì không ai ngờ phụ-nữ đã rời bỏ cổng kín tường cao để công khai tranh đấu nơi vùng ruộng muối. Điều gì đã khiến cho người nội-trợ hiền lành, thiếu nữ đài các trở nên những người phiến loạn ? Thiếu huấn-luyện. phụ-nữ đảm đương được những nhiệm vụ mới với can-đảm lạ lùng. Nhờ phụ nữ, việc chống lại những sưu cao thuế nặng, những luật lệ phi-lý trở thành sự kiện thông thường. Phụ-nữ đã biến mỗi gia thất thành thành địa của người chống lại pháp luật

bất công. Họ xem hành động họ thanh khiết vì tinh thần thúc đẩy họ trong trắng và đáng kính. Một binh quyền hùng mạnh đến đâu cũng không thể đương đầu với một cuộc tranh đấu bén ngòi từ nơi thâm kín của tư gia. Lần đầu tiên phụ-nữ Ấn có ý-thức minh bạch về xứ sở của họ và sự đòi hỏi thiêng liêng của đồng bào và quê hương. Một phần lớn phụ-nữ tranh đấu bấy lâu sống trong những chòi tranh vách đất, vật lộn hằng ngày với cuộc sống khắt khe. Có những phụ nữ khác từng sống trong nhung lụa, ừ ng nếm những ngày êm dịu trong lâu đài gác tía. Nhưng tiếng gọi huyền diệu của núi sông đã phá tan những vách màn phân chia các giai-cấp suốt bao nhiêu hế-kỷ. Thiếu phụ, giàu và nghèo, hay hũ và dốt nát đã xóa bỏ mọi thành kiến và tập tục đề hướng về một mục đích, bước đều theo ột tiết-tấu của hy-vọng cao cả, với sự hăng say chưa từng được nếm. Họ tham gia tranh đấu, tiếp tục tranh đấu, không sợ hãi, không sờn lòng.

Sau khi tẩy chay muối của chính phủ vì thuế muối rất cao, sau khi tự tay làm lấy ruộng muối bất chấp cả luật-lệ, họ đi khắp các đường phố với những gói muối nhỏ, đề rao : «Chúng ta đã phá bỏ

(2) Xem **France—Asie**, Saigon, N^o 32 Novembre 1948 — Số đặc-biệt về Gandhi, trong đó bài **Violence et Sainteté**, của Cung giữ Nguyên — Chữ *satyagraha* thường được dịch là kháng cự bất bạo động hay bất hợp tác, nhưng đúng nghĩa là sự nhấn mạnh về chân lý, một ý niệm khích động và phong phú hơn,

luật muối. Chúng ta đã tự do. Đồng bào nào muốn mua muối tự do ? » Tiếng hoan hô vang dậy. Người qua đường dừng chân lại, trao một số tiền, nhận chút muối một cách kiêu hãnh. Thêm một người nữa khinh mạn chính quyền, thêm một người nữa liên đới với phong-trào cách mạng của nhân dân. Phụ nữ không từ chối sự đóng góp của những nhà giàu có. Sự đoàn-kết quá cần thiết và trong tâm trí cũng như trong hành động, lãnh đạo các phong trào không thể để cho xen vào một điểm kỳ thị nào. Phụ nữ còn gan dạ hơn nữa khi xâm nhập vào khuôn viên tòa-án thượng thẩm ở Bombay, bán muối tự do cho cả quan tòa nữa. Chân lý là của chung, cần được đem đến cho mọi người kể cả những người chỉ vì danh lợi, vì thói quen, không có can đảm hay cơ-hội nhìn đến ánh sáng sự thật. Chân-lý không phải của riêng ai, nên không thể dùng để thỏa mãn sự kiêu căng tự phụ cá nhân, lối tư thù đổ kị một của đoàn thể hay quyền lợi tinh thần hay vật chất của một giai-cấp nào. Sự hãnh diện của phụ nữ Ấn cũng như những chiến hữu khác, là nơi sự giác ngộ của bản thân, nơi hy vọng giải thoát chung cho mọi người, Họ đã tránh được những hành động lỗ lã, nông nổi, những lối đấu tố sát phạt để hèn hay tàn ác, những luật lệ nguy hiểm «giết kẻ đã giết», «ăn cướp những kẻ đã ăn cướp», bao nhiêu lỗi lầm đã giảm giá-trị và hiệu - năng của nhiều cuộc cách mạng ở các nước chậm tiến. Nhẫn nhục, kiên chí, khiêm nhường

từ tâm đại độ, là đức tánh của những phụ-nữ như bà Sarojini Naidu, cầm đầu cuộc biểu tình ở Dharanana, bà Ruhmini Laksmipati, cầm đầu cuộc biểu tình tại Madras, khi đương đầu với cảnh binh, khi vào nhà tù hay cho đến khi đã thành công. Cùng với những phụ nữ chiến đấu khác, họ không hề quên lý tưởng đứng đắn và đời sống gương mẫu của thánh Gandhi.

Đội quân khi

Chẳng hiểu Ruydard Kipling, mà ai cũng biết là thi sĩ biệt tài đã ca ngợi đế - quốc chủ - nghĩa Anh, chẳng hiểu Ruydard Kipling khi viết cuốn *Sách Rừng* (The Jungle Book) có ám chỉ đến các cuộc nổi loạn của dân Ấn không, khi ông ta chê bai sự vô kỷ luật, thiếu trật tự, cái bất-tài của đàn khi, kêu gọi sự khinh miệt đối với những bầy *Bandar-log*? Nhưng trong thần thoại Ấn, khi là một linh vật, có công lớn trong việc phò Râma, vị thần can đảm, khoan dung, đã trừ được ác quái Râvana.

Tục truyền rằng vì sự ganh ghét của một dì ghẻ, Râma, hoàng tử Ayodhya, phải cùng vợ là Sitâ đi ẩn náu trong rừng. Một hôm, mãi mê săn thú, Râma để vợ không ai bảo vệ. Tiều vương nước Râksasas là Râvana đến dụ dỗ Sitâ, dùng võ lực bắt cóc nàng đem về đảo Lankâ giam cùng với những thê thiếp. Râma đuổi theo. Những khi tình nguyện theo giúp Râma, dẫn đường cho Râma. Khi khôn nhất trong bọn tên Hanumat,

vượt thành, vào đến nơi Sitâ bị giam và an ủi nàng. Đoạn, quân đội khi có Râma dẫn đầu, bao vây và tấn công thành Lankâ. Ravâna bị giết, và Râma đem vợ trở về. (3)

Phụ nữ Ấn khi tổ chức những đoàn thiếu nhi tranh đấu, đã nhớ đến thần thoại ấy và đặt tên các đoàn là *Vanar Sena*, đội quân khỉ. Với sự hăng hái thông thường của thiếu nhi được ghép vào những tổ chức trật tự, đội quân khỉ đã làm nên được nhiều việc. Chính bà Indira Gandhi, khi mới 12 tuổi, đã quí tụ được sáu ngàn «khỉ» tại Allahabad.

Thiếu nhi được dùng vào việc bán những báo sách cấm, liên lạc và cảnh vệ. Sách vở tài liệu có in và phân phát được, cũng nhờ các bà nội trợ lo ẩn loát, nhất là khi đảng Quốc Đại bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, hoạt động bí mật chỉ nhờ đàn bà và trẻ con giúp cho mới được kín đáo và thành công. Số phụ nữ vào khám mỗi ngày mỗi đông, nhưng tại đây, họ vẫn tiếp tục tổ chức kháng chiến, và lợi dụng cơ hội để thực hiện tình tương thân tương trợ, xây dựng sự thống nhất ý chí giữa những người khác nhau về giai cấp hay về trình độ văn hóa.

Cách mạng xã hội

Số người hưởng ứng càng đông, phụ nữ mở rộng phạm vi hoạt động, thỏa mãn nhu-cầu mỗi ngày mỗi phức tạp. Hội *Arya Mahila Samaj* do bà Ramabal Ranade tổ chức tại Poona nhắm vào mục phiêu cải thiện đời sống

gia đình thiếu thốn. Khắp nước cũng mọc lên những trái *Seva Dal* huấn luyện chính trị, những *Seva Sadans* và *Nhà Quả-phụ* để nuôi dưỡng những người nghèo khổ, dạy nghề nghiệp và giúp cho kẻ xấu số phương tiện trở lại đời sống bình thường và hữu ích trong xã hội. Nhiều tổ chức giáo-dục thúc đẩy và truyền bá học vấn cho nữ giới, đào tạo thêm phụ nữ có khả năng phục vụ đồng bào. Đến nay, tại Ấn độ, có hằng ngàn đoàn thể phụ nữ, theo đuổi việc cách mạng xã hội. Phụ nữ đã đảm đương những trách nhiệm quyết định tại các hội đồng chiến đấu và khắp mọi lãnh-vực, việc lãnh đạo được trao phó cho phụ nữ. Họ cũng có những cơ-quan ngôn-luận riêng, như tờ *Stri Dharma* của Hội Phụ nữ Ấn (*Women's Indian Association*), tờ *Roshni* của Hội-nghị phụ nữ toàn quốc (*All-India Women's Conference*), tập *Bulletin* của Hội đồng quốc gia Phụ nữ (*National Council of Women*). Ngoài ba đoàn thể ấy, đã thành lập trên 30 năm nay và có liên lạc với các đoàn thể quốc-tế hoặc với những tổ-chức tương tự của Liên Hiệp Quốc, còn có những Hội Phụ nữ Thiên chúa giáo (*the Young Women's Christian Association*), Liên hiệp phụ nữ Đại học (*Federation of University Women*). Một đoàn thể mới thành lập năm 1944 đề tưởng nhớ bà Kasturba Gandhi, hướng về việc nâng cao mức sống của đàn bà con trẻ nông thôn. Những phụ nữ hoạt động xã hội thường có chân trong nhiều hội khác như Hội Nam Nữ Hướng đạo

(3) Theo G. Courtillier, *Les anciennes civilisations de L. Inde* Colin, Paris, 1930.

(Bharat Scouts and Guides), hội Hồng thập-tự, v.v.

Trước khi thể tranh đấu của nữ giới cũng như nam giới, chính quyền phải sửa đổi nhiều luật pháp và xã hội loại bỏ dần những tập quán và tục lệ hủ bại. Năm 1829, đã có luật ngăn chặn *Sati*, là tục buộc người quả phụ phải tự thiêu theo chồng. Năm 1856, có luật bỏ sự ràng buộc quả phụ không được tái giá. Tục *Sati* xưa kia bày ra với một ý muốn đề cao trình-tiết của phụ nữ, việc cấm tái giá cũng theo quan niệm cao cả. Nhưng trong thực tế, kết quả trở nên tai-hại. Thay vì bảo vệ đạo đức, tục lệ làm cho đàn bà hư hỏng thêm. Những quả phụ không lấy chồng được đã bị lôi cuốn theo nghề mãi dâm hay ăn núp tại các đền chùa và lắm khi đã bị lợi dụng vì sự ngu muội. Tục tảo hôn và chế-độ đa thê, thịnh hành từ khi luật Hồi được đặt trên đất Ấn cũng được các phong-trào phụ-nữ tiến-bộ ngăn chặn.

Trong đời sống chính trị, nhiều phụ

nữ Ấn đã nổi tiếng trong nước và ngoài nước. Ấn độ là quốc gia mà số ghế phụ nữ chiếm tại Quốc-hội không phải nhỏ (4). Bà Vijayalakshmi Pandit là người đàn bà đầu tiên làm Tổng trưởng của chính phủ tiểu-bang Uttar-Pradesh, bà từng làm đại diện cho Ấn tại Liên hiệp quốc, đại sứ tại Mạc tư khoa, cao ủy tại Luân đôn và đã làm chủ-tịch Đại hội đồng thứ 8 của Liên Hiệp Quốc. Bà Rajkumari Amrit Kaur đã làm chủ tịch Hội Hồng-thập-tự quốc tế, bà Lakshmi Menon, trưởng ban thể-chế phụ nữ tại Liên Hiệp Quốc. Trong nước, nhiều phụ nữ tham chính, nhiều bà đã đắc-cử thống đốc tiểu bang, như bà Sarojini Naidu ở Uttar-Pradesh, bà Padmaja Naidu, ở Tây Bengal.

(Còn tiếp 1 kỳ)

Kỳ tới : CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

CUNG GIỮ NGUYÊN

(4) Quốc-hội Ấn có 59 đại-biểu phụ nữ. Hoa-Kỳ chỉ có 12. Liên-Sô giữ số kỷ lục với 348 phụ nữ.

ĐÓN ĐỌC

thơ phi thi

của NGUYỄN ĐỨC VINH — THỰC HIỆN xuất bản

ĐÓN ĐỌC :

vườn cỏ thụ

tập truyện NGUYỄN THU GIAO — ĐẤT SỐNG xuất bản

tìm đọc

đất sống

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

● NGUYỄN HIẾN LÊ

Một cuộc cách mạng trong giáo dục

Ở Âu châu thì không biết từ bao giờ — từ Jean Jacques Rousseau ? từ Montaigne ? hay từ Socrate ? — mà ở nước ta thì từ năm sáu chục năm nay, bất kỳ người nào bàn đến giáo dục cũng nhắc đi nhắc lại đến nhằm tai qui tắc căn bản này : « Đức dục, trí dục và thể dục phải được trọng ngang nhau » ; nhà giáo nào và những phụ huynh sáng suốt nào cũng nhận qui tắc đó là đúng — về lý thuyết — nhưng đến khi thực hành, nghĩa là đến khi dạy trẻ, thì ai cũng chỉ chú trọng đến trí dục, một lối trí dục rất thấp, một lối trí dục nhồi sọ ».

Là vì nói thì dễ mà thực hiện được mới là khó. Ở thời đại này nếu áp dụng đúng qui tắc đó thì sẽ gây ra biết bao xáo trộn trong xã hội theo kiểu dây chuyền vì hễ thay đổi điểm này thì lại phải thay đổi điểm khác, cứ như vậy thì tới cùng sẽ không biết tới đâu.

Muốn trọng đức dục ngang với trí dục ư ? thì phải đào tạo lại nhà giáo trước hết đã, tuyển những người có tư cách, có căn bản đạo đức rồi mới cho tập nghề dạy học. Những người đó lại phải được xã hội kính trọng, phải săn sóc từng học sinh một ngoài những giờ dạy học, phải có một quan niệm khác về nhân sinh, xã hội phải có một « bảng giá trị » mới, và muốn vậy xã hội phải có một tổ chức mới ; chứ đâu có phải chỉ tăng giờ đức dục, sửa đổi chương trình một vài môn mà đủ.

Muốn trọng thể dục ngang với trí dục thì sự xáo động có phần ít hơn, nhưng cũng gây nhiều vấn đề lắm : mỗi nhà giáo ở bậc tiểu học phải là một cán bộ thể dục, như vậy cũng phải đào tạo lại giáo viên ; lại phải có sân tập thể dục, dụng cụ tập thể dục : dụng cụ thì còn dễ kiếm, chứ sân tập ở những đô thị như Sài Gòn này thì kiếm đâu ra ; phải

có phương tiện chuyên chở học sinh nếu sân tập ở xa trường; phải có nhiều bác sĩ để săn sóc sức khỏe của từng trẻ... Vấn đề rắc rối nhất là nếu tăng giờ thể dục lên thì phải rút số giờ học xuống như vậy tất phải rút chương trình, mà rút chương trình thì trình độ hiểu biết của học sinh có rút không? Và đã mệt nhọc về thân thể vì tập thể dục nhiều thì trẻ còn đủ sức để học nữa không? Bắp thịt phát triển nhiều thì trí óc còn phát triển được không? Ấy là chưa kể vấn đề tài chánh: muốn cải tổ giáo dục theo hướng đó, cần một ngân quỹ gấp mấy ngân quỹ hiện nay? Và làm sao có được ngân quỹ đó? Đó, tôi vẫn thường thắc mắc mà tự hỏi như vậy mỗi khi nghe thấy người ta tuyên bố "phải trọng đức và thể dục ngang với đức dục".

Nhưng hôm nay tôi đã cởi bỏ được một phần những thắc mắc kể trên. Đọc cuốn *L'Ecole heureuse* của André Mahé (Denoël — 1964), tôi thấy một số nhà giáo dục ở Pháp đã thí nghiệm một phương pháp, mặc dầu vẫn còn tốn kém vì không một sự cải tổ giáo dục nào mà không tốn kém, nhưng rất thực tế và kết quả có vẻ khả quan, một phương pháp chứng thực được rằng sự nhồi sọ của chúng ta ngày nay chẳng những có hại mà lại *không cần thiết*, rằng chúng ta dù có bắt buộc phải theo chương trình giáo dục hiện hành cũng có thể chỉ thay đổi lối dạy cùng thời khắc biểu mà kết quả đã chẳng giảm về trí dục lại còn đẹp đẻ hơn nhiều về thể dục cả về đức dục

nữa; tóm lại là chúng ta có muốn, có cần nhồi sọ trẻ thì cứ nhồi, nhưng phải nhồi một cách thông minh, chứ đừng làm tội làm tình trẻ như ngày nay. Sách đã gây cho chúng tôi nhiều cảm hứng, tuy chưa giải quyết vấn đề giá dục một cách hoàn hảo, nhưng cũng giúp ta áp dụng được phần nào qui tắc: "Đức, trí, thể ngang nhau", nên dưới đây tôi xin tóm tắt nội dung để giới thiệu với độc giả.

Những người đề xướng.

Họ là một bộ ba: Max Fourestier Maurice David và M. Huguet, Fourasties có sáng kiến, David và Huguet giúp Fourestier thực hiện. Fourestier là một y sĩ và một nhà bác học. Ông chuyên trị bệnh lao phổi, giúp việc ở dưỡng đường Nanterre, cùng nghiên cứu với hai người nữa (Gladu và Vulmière), chế tạo được máy F.G.V để chụp hình phía trong các bộ phận cơ thể và sau mười hai năm, dưỡng đường Nanterre có được ba ngàn bộ phim màu chụp hình ngũ tạng con người.

Rồi khi làm việc ở Montreuil, ông chỉ huy một cuộc thí nghiệm chích thuốc B.C.G để ngừa bệnh lao: thuốc này do Calmette và Guérin chế tạo từ lâu, nhưng nhiều người còn nghi ngờ công dụng của nó, nên ở Pháp hai chục năm trước chưa có đạo luật bắt buộc chích thuốc đó cho trẻ em. Năm 1948, ông được phép thí nghiệm ở tỉnh lỵ Montreuil và kết quả là năm 1959, tỉ số trẻ bắt đầu bị bệnh lao giảm xuống mạnh: trước có 100.000 dân, có 393 trẻ từ 0 đến 19 tuổi bắt đầu bị bệnh; nay chỉ

òn 66 trẻ ; trong khi đó ở một tỉnh li bên cạnh, không chích thuốc, tỉ số đó giảm rất ít : trước 182 trẻ nay còn 113 trẻ.

Nhưng sự cố gắng lớn lao nhất của ông là về phương diện giáo dục. Ngay từ năm 1941, khi ông làm thanh tra y tế học đường ở Vanves, một tổng ở hạt Seine, cách Paris tám cây số, ông đã nhận thấy rằng sức khỏe của trẻ em rất kém : ít nhất có tới 80% trẻ em trong miền ngoại ô Paris bị một vài tật hại cho sức khỏe : thở không đủ, gù lưng, vai lệch, bắp thịt nhão nhẹt... ; và ít nhất có tới 60% trẻ em coi sự học là một cực hình, vì sợ cha mẹ, thầy giáo mà phải học, chứ không thấy chút hứng thú nào khi tới trường cả. Mà ông thì vẫn chủ trương rằng người lớn phải có bổn phận thiêng liêng tạo hạnh phúc cho trẻ.

Tìm nguyên nhân tình trạng đó, ông cho rằng tại trẻ bị giam ở trong lớp một ngày tới hai buổi mà thiếu thể dục. Mỗi tuần chỉ có hai « giờ » thể dục, mỗi « giờ » chỉ được 30 phút

Người ta đưa chúng ra một cái sân trải nhựa nếu trời nắng ráo, hoặc vào một phòng ăn nếu trời mưa, rồi chẳng có dụng cụ, chẳng có quần áo, giày dép gì đặc biệt cả, người ta bắt chúng làm vài cử động. Lối thể dục đó hoàn toàn vô dụng ! Thà cứ cho trẻ tự ý chạy nhảy, leo trèo ở ngoài sân lại có lợi hơn.

Ông chỉ trích kịch liệt lối thể dục đó, đòi thay đổi chương trình và thời khắc biểu : mỗi ngày chỉ cho chúng học buổi

sáng thôi, còn buổi chiều, tập thể dục, vì ông nhận thấy rằng buổi chiều, từ 13 giờ rưỡi, tới 16 giờ rưỡi bắt chúng vào lớp, chúng cũng chẳng học được gì mấy : Đứa nào cũng mệt mỏi, khó chú ý được. Ông hỏi ý kiến các ông, bà hiệu trưởng, các nam, nữ giáo viên, ai cũng đáp rằng : « Học một buổi sáng thôi, trẻ cũng theo hết được chương trình đề thi đậu được bằng tiểu học ».

Từ đó ông tìm cách vận động để thực hiện cải cách của ông.

Năm 1950, ông đem vấn đề ra bàn với ông Maurice David, Giám Đốc ty Giáo huấn hạt Seine, và ông này biểu đồng tình liền, vì chính ông cũng đã có lần thí nghiệm rút chương trình tiểu học cho nhẹ bớt đi, và kết quả khả quan. Hai ông định thí nghiệm trong một năm ; vẫn theo đúng chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục nhưng chỉ dạy trong buổi sáng, và một giờ — từ 17 đến 18 giờ — buổi chiều, còn thì tập thể dục, mỗi tuần bốn năm buổi chiều tập luyện ngoài trời. Bỏ hẳn bài làm ở nhà. Thử như vậy trong một năm xem sức học của trẻ có kém sức học trẻ các lớp dạy cả hai buổi theo lối cũ không.

Ông David trình bày kế hoạch với bộ Quốc Gia Giáo Dục và được bộ cho phép thí nghiệm. Và hai ông tìm được một bạn đồng chí nữa, ông Huguet, Giám Đốc các cơ quan thể dục ở Paris. Thế là bộ ba đó bắt tay vào việc liền.

Vạch mục đích

Họ thí nghiệm ngay ở Vanves. Trước hết phải được sự thỏa thuận của phụ

huynh học sinh và học sinh đã. Nhiều phụ huynh ngại ngùng : Học hai buổi kia mà còn rớt thay, nay lại học có một buổi thì làm sao đậu được ? Lại thêm thể dục gì mà mỗi ngày ba giờ, mỗi tuần bốn năm ngày ? Bộ muốn cho con họ thành lực sĩ để sau này dự các cuộc điền kinh hay sao đây ? Không thấy đấy ư ? Những trẻ nhất môn thể dục, có đứa nào học giỏi đâu ? Hạng vai u thịt bắp đó bắt quá chỉ làm thợ, chứ có cậu nào thành được một Einstein, một Proust, một Valéry ?...

Fourestiee và David phải kiên nhẫn giảng giải cho họ, năn nỉ họ cho phép thí nghiệm một niên khóa thôi, vạch rõ mục đích của cuộc thí nghiệm, cam đoan giữ đúng mục đích đó, họ mới chịu tin, và họ tin một phần lớn cũng nhờ uy tín ông David, Giám đốc ty giáo huấn trong hạt. Mục đích đó như sau :

«Giúp đỡ sự phát triển về thể chất của trẻ, làm cho đời học sinh của chúng hoạt động hơn, vui vẻ hơn để cho sức khỏe của chúng dồi dào hơn mà vẫn không làm hại sự phát triển về tinh thần của chúng, không làm hại sự trau dồi kiến thức của chúng. Giảm số giờ học tới mức tối thiểu mà vẫn theo đúng chương trình của Bộ Quốc gia Giáo dục, để có thêm nhiều thì giờ vào môn thể dục, nhờ vậy trẻ được phát triển điều hòa hơn về sinh lý, mà sự học hành của chúng cũng như sự dạy dỗ của ông thầy sẽ có hiệu quả hơn».

Cuộc thí nghiệm thứ nhất

Vì chỉ thí nghiệm trong một niên khóa nên ông Fourestier và ông David lựa một

lớp thi tiểu học để cuối năm sau kỳ thi có thể so sánh kết quả một cách chắc chắn được. Tôi nói «lựa» là lựa trọn một lớp có sẵn, chứ không phải là lựa những trẻ thông minh, khỏe mạnh để thành lập một lớp mới. Hai ông lại lựa thêm một lớp để so sánh ; lớp này cũng sắp thi tiểu học, ở một trường bên cạnh, mà tuổi trung bình của học sinh (13 năm 5 tháng) xuýt soát với tuổi trung bình (13 năm 3 tháng) trong lớp thí nghiệm. Lớp để so sánh đó, theo thời khắc biểu cũ.

Trong lớp thí nghiệm, học sinh chỉ học buổi sáng và làm bài một giờ buổi chiều từ 17 đến 18 giờ. Mỗi tuần có một buổi chiều dạy hát và thủ công ; còn bốn buổi chiều kia tập thể dục : hô hấp, cử động tay chân, thân thể, chạy nhảy, bơi lội, leo cây, chơi trong rừng .. Trước mỗi buổi thể dục, trẻ được ngủ trưa nửa giờ từ 13 giờ đến 13 giờ rưỡi ; sau mỗi buổi thể dục cũng được nghỉ ngơi nửa giờ, và được uống sữa, ăn trái cây, bánh. Những giờ đó cần thiết cho sức khỏe của trẻ.

Về việc dạy học thì tất nhiên, mỗi lớp — lớp thí nghiệm và lớp để so sánh — có một ông giáo khác ; nhưng chương trình, bài vở thì như nhau ; và về môn thể dục thì hai lớp có chung một huấn luyện viên. Trường cấp cho mỗi trẻ một đôi giày ten nít, một chiếc quần trong (culotte) và một chiếc quần cụt (short). Sân vận động có đủ banh tròn, banh rổ, tạ...

Một y sĩ săn sóc sức khỏe của từng em : rọi kiếng, đo huyết áp, thử nước

tiêu, đo ngực, cân sức nặng, đo chiều cao ..

Số giờ học tập và thể dục như dưới đây :

Lớp thí nghiệm Lớp để so sánh

Làm việc tinh thần	16g15	19giờ
Dạy hát, vẽ, thủ công...	3g15	6giờ
Ra chơi	1g30	2g30
Thể dục và thể thao	12g	2g30
Nghỉ ngơi (ngủ trưa)	4g	0giờ
Tổng cộng	37giờ	30giờ

Phải kể thêm bốn giờ buổi chiều (mỗi ngày 1 giờ, từ 17 giờ đến 18 giờ như trên tôi đã nói) để trẻ làm bài dưới sự giám thị của thầy giáo, như vậy là trẻ lớp thí nghiệm có mặt ở nhà trường mỗi tuần tới 41 giờ (37+4). Nhưng nhờ vậy mà trẻ về nhà khỏi phải làm bài nữa, chỉ còn phải học bài thôi : điếm đó làm cho phụ huynh và học sinh rất thỏa mãn.

Vậy số giờ có mặt ở trường tăng lên nhiều; nhưng thực ra số giờ học các môn trong chương trình lại giảm đi :

Lớp để so sánh : 19 giờ + 6 giờ =
25 giờ.

Lớp thí nghiệm : 16giờ15 + 3giờ15
= 19 giờ 30.

Giảm đi được 5giờ30

Và ông giáo dạy lớp thí nghiệm phải bỏ bớt vài chỗ vô ích trong chương trình phải thay đổi cách dạy một chút cho khỏi

mất thì giờ, và nhờ vậy học sinh không bị thiệt thòi gì cả.

Kết quả là thi Tiểu Học, học sinh lớp thí nghiệm ít nhất là bằng chứ không thua học sinh lớp để so sánh ; 14 em đi thi, chỉ có một em rớt. (1)

Còn về phương-diện phát triển thể-chất và sức khỏe thì tất nhiên là hơn xa rồi :

Trung bình Lớp thí nghiệm Lớp để so sánh

Sức nặng		
tăng lên :	3,500 kilo	3 kilô
Chiều cao		
tăng lên :	4,4 phân mét	4,2 phân mét
Sức hô hấp		
tăng lên :	0,6 lít	0,2 lít.
Nhảy cao		
tăng lên ;	13 phân mét	7 phân mét
Lội .	cả lớp đều lội giỏi	chỉ vài em lội được 20 mét.

Và suốt niên học, mặc dầu luyện tập nhiều như vậy, không có em nào đau nặng, như đau phổi, đau bao tử, đau ruột, huyết áp tăng, ..

Vậy ba ông Fourestier, David và Huguet đã chứng thực được rằng : Ở ban tiểu học, cho trẻ học một buổi sáng thôi, còn buổi chiều dành vào thể dục và thủ công, nhất là thể dục, đã chẳng có hại chút gì cho sự học của các em — Các em vẫn

(1) Rất tiếc là tác giả không cho biết lớp để so sánh, có bao nhiêu em đi thi và bao nhiêu em rớt.

theo được chương trình hiện hành, vẫn có kết quả như các lớp học cả hai buổi *mà lại rất có lợi cho sức khỏe và cho sự phát triển về thể chất của các em.*

Thí nghiệm thứ nhì.

Mới thí nghiệm một lần thì may lắm chỉ thuyết phục được một số phụ huynh ở Vanves thôi : muốn cho có tiếng vang rộng trong nước thì phải thí nghiệm thêm nhiều lần nữa.

Lần thứ nhì, ông Fourestier và ông David thí nghiệm vào một lớp trẻ nhỏ hơn, cũng ở Vanves và luôn trong ba niên khóa. Hai ông lựa một lớp Moyen 2^e année (tương đương với lớp nhất của ta)... Học sinh lớp đó phải học ba năm mới thi bằng Tiểu Học (bằng này ở Pháp, khó hơn bằng Tiểu Học của ta ; môn học và chương trình khác, nhưng trình độ coi ngang với trình độ lớp đệ lục của ta).

Cuộc thí nghiệm bắt đầu vào tháng 10 năm 1951 và kết thúc vào nghỉ hè năm 1954.

Cách thức thí nghiệm cũng y như lần trước, cho nên chúng tôi không cần nhắc lại, chỉ xin ghi sơ kết quả dưới đây :

<i>Trung bình sau ba năm</i>	<i>Lớp thí nghiệm</i>	<i>Lớp để so sánh.</i>
Sức nặng tăng lên	15,5 kilô	13,8 kilô.
Chiều cao tăng lên	20 phân mét	13ph. mét
Sức hô hấp được là	3,4 lit	2,9 lit.
Sự co giãn của lồng ngực tăng lên		

4 5 phân mét 2,7 phân mét.

Về các môn thể thao, lớp thí nghiệm ăn đứt lớp kia rồi, tôi xin đưa ra ít con số thôi :

Chạy 300 mét :

Trung bình lớp thí nghiệm mất 45 giây, lớp đề so sánh mất 53 giây.

Nhảy cao : trung bình lớp thí nghiệm được 1,18 mét, lớp đề so sánh được 1,08 mét.

Nhảy dài :

Trung bình lớp thí nghiệm được 3,90 mét, lớp đề so sánh được 3,56 mét (Ta nên nhớ tuổi trung bình của hai lớp xuyết xoát nhau. Và khi bắt đầu thí nghiệm, khả năng của hai lớp cũng xuyết xoát với nhau). Kết quả về sự học cũng khả quan : tháng sáu năm 1954, thi Tiểu học, lớp thí nghiệm đậu 78%.

Nhưng theo tôi, kết quả đáng mừng nhất là về phương diện tư cách, tính tình của trẻ em.

Ông giáo đảm nhiệm lớp thí nghiệm phải ngạc nhiên nhận thấy rằng trẻ trong lớp đó hóa ra ngoan hơn. Chúng cần thận, có ý tứ hơn, có tinh thần đoàn kết hơn, tính tình lại thuần hơn, bớt ganh ghét nhau, bớt giận dữ, hung hăng, thẳng thắn hơn, vui vẻ với bạn bè hơn, lễ độ với ông giáo hơn và khi làm việc thì chuyên tâm hơn, không thờ thần, dăng trí, kéo dài cho mất thì giờ.

Chúng lại tự tin hơn, vui sống hơn, thích tới trường hơn, không em nào chịu bỏ mất một buổi học cả; và khi ở

trường ra lựa một nghề rồi, chúng nhớ đến thầy cũ hơn.

Cha mẹ chúng cũng nhận thấy chúng dễ thương lắm và nhiều người tiếc rằng hồi trẻ, không có những lớp như vậy để học, rồi mong rằng khắp nước Pháp sẽ thành lập thật nhiều lớp như vậy cho trẻ em mọi nơi đều được hưởng một sự giáo dục *lành mạnh* và *vui vẻ*.

Thế thì có lạ không chứ ! *Ba ông Fourestier, David và Huguet chỉ muốn cải thiện thể dục mà có ngờ đâu đồng thời lại cải thiện cả đức dục của trẻ nữa.* Những ai lưu tâm đến nạn cao bồi ở nước ta đọc tới đây chắc không khỏi suy ngẫm.

(còn nữa)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN :

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

ĐẦU NĂM, MỚI VỀ NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính-trị, Triết-học,
Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 B. P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

• MỘNG TRUNG

Hôn nhân dị chủng

(tiếp theo)

Nhu cầu vật chất.

Trên kia tôi đã cho tình cảm là then chốt của hôn nhân dị-chủng, nhưng ở xứ này, nếu chỉ riêng có tình cảm tưởng cũng chưa đủ mạnh để thúc đẩy người ta quyết định dứt khoát mau lẹ việc hôn nhân, dầu là với đồng chủng. Vì bạn xem, người ta thường vì tình mà chìm nổi khổ sở đủ mọi cách, nhưng lấy nhau chỉ thuần vì tình thì rất hiếm. Lắm khi đã đẹp ý, vừa mắt về một người nào rồi mà chung quanh việc hôn nhân, người ta còn mong hái được những ngôi sao hy vọng giăng mắc lập lờ trên cái màn mộng tưởng, nào là : cấp bằng, danh vọng, chức nghiệp, nhà lầu, xe hơi, của hồi môn v.v...

Những nữ trang chỉ dùng để tô điểm, làm đáng cho cuộc đời mà người ta còn ao ước, hưởng chi nhu cầu vật chất lại rất cần thiết cho đời sống thực tế hàng ngày ? Vì vậy trước khi xung phong nhốt mình vào lồng khung gia đình để tự mang vào mình bao nhiêu trách nhiệm, người ta muốn thấy trước xem lối ra có vững chắc, có sáng sủa chăng ?

Muốn dõi theo lối ra đó, mời bạn cùng tôi đi vào những chi tiết có dính dáng đến sống còn và hạnh phúc của một đôi vợ chồng, thì chúng ta sẽ thấy phần quan hệ của nhu cầu vật chất trong vấn đề hôn nhân dị chủng.

Sau khi đã thắng được mình trong những trường hợp khó khăn kể trên có rất nhiều thanh niên khi lập gia đình vẫn bị vấp phải vấn đề nhu cầu vật chất mà phân vân, cân nhắc và so sánh phụ nữ Âu-Châu với phụ nữ Việt - Nam.

Trong phụ đề « căn bản giáo dục » như bạn đã thấy, từ trong lò giáo dục của người Âu Châu, chúng ta rút ra cho thanh niên Việt những người vợ dị chủng có thể giúp được chồng rất nhiều về quyền lợi sinh sống với những ưu điểm có thể gọi là yếu tố tạo hạnh phúc gia đình như : sức mạnh đầy đủ, sắc đẹp sẵn có, dư vốn về giáo dục xã hội, học hỏi nhiều, hiểu biết rộng, giao thiệp giỏi và khi tách rời gia đình cha mẹ, phần đông họ đều có nghề nghiệp tự túc.

Ở trong một xứ kỹ nghệ cường thịnh, con người mất hết thanh nhàn để có được đời sống thật sung túc, thời tiết luôn luôn thay đổi, người ta cần rất nhiều nhu cầu cho cơ thể, nếp sống tư hữu, chung quanh mọi người lại ích kỷ tột độ khiến cho người ta phải nỗ lực làm việc tự lo no ấm cho mình. Trong guồng máy xã hội bắt buộc mọi người phải chạy đua đó, tháo vát bên ngoài, hoặc buôn bán, hoặc làm việc trong các xưởng sở công tư, về nhà giải giang lo nhà cửa tươm tất, chồng con chu đáo, phần đông phụ nữ Âu Châu đều có nhiều ưu điểm để tạo yên ấm cho gia đình và đem lại mọi nhu cầu vật chất cho chồng con.

Ở trên đất nước nhà nên họ mưu sinh hoặc tìm việc làm và chỗ ăn ở rất dễ, thêm vào đó, cưới người chồng Việt hưởng quyền hạn công dân gần bằng người bản xứ không gặp nhiều khó khăn như người Việt ở đất Pháp.

Quay về giáo dục ngàn xưa của nước ta, nó đã hun đúc rất nhiều bậc mẹ, vợ mẫu mực, tháo vát lo sự nghiệp cho chồng con, nhưng thoát thai từ đạo tam tòng, thành kiến thời ấy cũng cho phụ nữ ta nhiều tự ti mặc cảm mà mãi đến ngày nay mà vẫn còn biết bao nhiêu người xem việc sống ỷ lại vào chồng là một sự kiện tự nhiên, dĩ nhiên và điểm phúc nữa. Hẳn bạn cũng như tôi, thường nghe nhiều phụ huynh ở thế kỷ hai mươi mà còn bảo rằng : « Con gái cho học chi nhiều, biết chút ít chữ nghĩa được rồi, có chồng, chồng nó sẽ nuôi. » (!)

Muốn có được nhu cầu vật chất rất cần thiết cho đời sống hằng ngày nhất là trên đất nước này, nói như các phụ huynh trên, phụ nữ Việt sẽ bị lỗ lã rất nhiều, chưa kể chồng con vì vậy cùng chung chịu khổ. Vì sau khi có đôi bạn, nếu sai con mà lâm vào cảnh túng thiếu thì chồng cực thân một mình lo gánh vác con, vợ khổ tâm khi hoàn cảnh gia đình cần mình một tay giúp chồng lo sống mà lại tự thấy bất lực, thiếu tự tin. Nhưng nếu có phải vất vả giúp được chồng nuôi con, thì rất ít người hãnh diện xem đó là một trách nhiệm tự nhiên họ đã nhận lãnh ngay từ khi họ bằng lòng mang tên họ của chồng, mà ngược lại họ tự cho là vô phước không bằng bạn bè, chỉ ngồi không đã có chồng nuôi. (!)

Nhiều thanh niên Việt Kiều bên này còn phàn nàn rằng : Có những thiếu phụ Việt đã yên sống, ngoài có đức chồng, trong có con sen, mà không biết dùng

thì giờ để học hỏi những việc có ích lợi cho gia đình hiện thời và cho xã hội mai sau, họ lại tiêu khiển bằng thú vui chơi khiêu vũ trong các hộp đêm, mãi mê cờ bạc, đồng bóng, hay ít nhất là dạo phố mua sắm, xa xỉ. Có những thiếu nữ Việt chẳng những không còn giữ được phong cách và lễ giáo của người Việt mà đến nấu một bữa cơm thường cũng không bằng các cậu sinh viên. Lấy nên bạn học hành nhiều, các cô không hề biết đến bếp núc, vả may trong khi các cậu sinh viên bên này cần phải biết trong nhiều trường hợp.

Về quyền lợi sinh sống ở xứ này, cưới người vợ Việt không bằng cưới người vợ Pháp, vì yếu tố tạo hạnh phúc gia đình về vật chất, phải nhìn nhận, phụ nữ ta ít ai sánh bằng phụ nữ Âu Châu.

Bạn xem đó, trên một đất nước mà khi tình cảm không được ấp ủ, thì con người héo khô trơ trọi. Không có khả năng tạo đủ nhu cầu vật chất thì người ta thiếu thốn trăm bề, chết đói, chết lạnh. Có một người vợ không thể giúp chồng về nhu cầu vật chất là việc hy sinh quan trọng của một người chồng trong đời sống hằng ngày; họ đủ khả năng và phương tiện một mình đảm nhận. Cho nên số thanh niên không chịu nổi sự hy sinh đó cố nhiên quay sang người bạn đời dị chủng.

Tuy vậy trừ những trường hợp lầm lỡ mà phải cưu mang, hoặc may mắn gặp được một ý trung nhân dị chủng lý tưởng, thì những thanh niên Việt nào hồn lòng còn nặng về đất nước đều mong có ngày hồi hương; và người quan trọng họ hy vọng giúp được họ thực hiện tương lai sáng đẹp trên đất tổ, cố nhiên vẫn là người vợ Việt.

Vậy khi đã nắm chắc trong tay lá bùa hộ mạng..... thân danh, hạnh phúc tức là mảnh bằng đại học, đề vững tâm gõ cửa lão tư hồng kén người vợ Việt có một học lực tương đương, những thanh niên trên bao giờ cũng nhắm vào một hiền phụ thuần túy Việt Nam làm tiêu chuẩn, tức là nhắm vào cấp bằng đức hạnh vô giá của người mà họ muốn chọn làm vợ, làm mẹ và làm dâu. Nếu một thiếu nữ không có đủ những ưu điểm mà người phụ nữ Âu Châu đã có, để có thể đem lại nhu cầu vật chất cho gia đình, thiết tưởng người ấy chỉ cần biết cần kiệm, gói ghém, có một tình thương thiết tha, trung thực và một đức hy sinh dẻo dai mà từ cồ chí kim vẫn từng là lợi khí, là chìa khóa của các bậc hiền phụ Việt Nam, thì chẳng những người ấy có thể thuật ra mọi thứ nhu cầu vật chất, mà còn có thể đi xa hơn là giúp chồng lập chí, tạo sự nghiệp tương lai cho con, mở cửa hạnh phúc gia đình và gián tiếp góp phần xây dựng cho nước.

Chính cái bằng cấp quý báu đó mới hữu dụng trong mọi trường hợp, mọi thời đại và nó hơn được người phụ nữ Âu Châu về điểm tôn thờ cá nhân chủ nghĩa, dầu là đối với mọi người thân yêu của họ.

Trong sự so sánh để chọn bạn đời của thanh niên Việt Kiều hải ngoại, nếu có những thiếu nữ Việt Nam hiện đại đã thua kém thiếu nữ Âu Châu về nhiều phương diện, kể cả về khả năng cung cấp nhu cầu vật chất, mà còn thiếu luôn những đức tánh trên đây, thì bạn dư hiểu về những lý do đã thúc đẩy thanh niên Việt Kiều bên này đi đến hôn nhân dị chủng.

Đề biết trọn vẹn nguyên nhân đã thúc đẩy Việt Kiều bên này đi đến hôn nhân dị chủng, tôi tưởng cũng nên lướt qua quan niệm chọn lựa bạn đời của các thiếu nữ Việt tại Pháp. Như thế tóm lại, bạn có thể thấy một cách tổng quát và toàn diện xem số thanh niên nam nữ nào hoặc thích, hoặc bị hoàn cảnh bắt buộc họ phải kết hôn với người dị chủng.

Vì cũng sống trên đất nước này và cùng trong hoàn cảnh như trên nên thiếu nữ Việt Kiều cũng có một tâm trạng như thanh niên Việt bên này. Nhưng là gái, các cô tinh tế và cẩn thận hơn các cậu, không đem cuộc đời mình ra thí nghiệm. Tuy vậy trong việc chọn lựa bạn đời, các cô cũng có những quan niệm khác nhau.

— Số thiếu nữ trong xương tuỷ còn thấm phần nào thành kiến nước Việt thì vẫn ngoan ngoãn theo lẽ lối giáo dục cổ truyền ăn học đến nơi đến chốn và chọn một người chồng Việt có một cấp bằng đại học.

— Số thiếu nữ hiểu sai nghĩa chữ « tự do » nên chỉ rút được phần cặn bã của văn minh tự do Âu Châu, sống phóng túng y như một cô đầm « mất dạy » (vì thiếu nữ Âu Châu con nhà có giáo dục, nề nếp, vẫn đứng đắn trong việc tình và duyên) đến đời không có thanh niên Việt nào dám cưới các cô. Như vậy các cô chỉ có thể lấy chồng ngoại quốc hoặc một người chồng Việt có quan niệm hôn nhân giống người Âu Châu, và các cô chê thanh niên Việt ích kỷ, chỉ rộng rãi với mình mà khắt khe với vợ.

— Số thiếu nữ sanh trưởng bên này tức là những « cô đầm Việt » lấy chồng ngoại quốc dễ dàng nhất, vì lẽ các cô không thạo tiếng Việt mà tư tưởng và nếp sống thường ngày của các cô cũng chỉ dễ thích hợp với người Âu hơn với người Việt. Các cô cũng tự cho mình không có đủ tư cách và khả năng để đem lại hạnh phúc cho người chồng Việt sống mật thiết với đạo gia đình có lẽ lối lễ nghi chặt chẽ hoặc đặc biệt Việt Nam. Vả lại, nhiều cô chê thanh niên Việt đã không « bô » (beau : đẹp) bằng thanh niên Âu Châu mà tư tưởng cũng không rộng rãi nên khó khăn với vợ đủ mọi phương diện. Họ có một lý luận giống những thiếu nữ đứng đắn có chồng ngoại quốc, hoặc những góa phụ hay những thiếu phụ ly hôn với chồng Việt rồi chấp nối với người Âu Châu rằng : Ưng

một người chồng Âu Châu sung sướng đủ mọi cách. Vì người Âu Châu thờ cá nhân chủ nghĩa, nên ưng họ là được sống riêng ngay và liên hệ về tình cảm cũng như về vật chất giữa họ và nhà chồng được giải quyết một cách rành rẽ. Họ được toàn quyền tự do trong việc giao thiệp cho đến nếp sống và tiêu phí trong gia đình. Không phải làm dâu hay dính dáng với người thân của chồng, mà cả đến cha mẹ chồng khi già yếu, họ đến viếng thăm ngọt ngào là tử tế rồi chớ không có vấn đề phụng dưỡng.

Về thanh niên Việt Kiều : Số thanh niên nào hấp thụ giáo dục cổ truyền hướng về gốc rễ dĩ nhiên cưới vợ Việt có nền nếp giống mình.

— Số thanh niên đứng giữa ngã rẽ có nhiều lý do cưới vợ Pháp hơn vợ Việt. Vì họ không cố ý muốn cưới ai, mà chỉ nhờ may mắn đưa đến cho họ một ý trung nhân lý tưởng. Nhưng ở trong hoàn cảnh và điều kiện xã hội như trên cộng với mọi điều thiếu thốn về tình cảm và về nhu cầu vật chất, họ lại gặp người thiếu nữ Âu Châu đi đến với họ dễ dàng hơn thiếu nữ Việt, cho nên hoặc gặp được người vừa ý, hoặc vì chịu ơn một gia đình người ngoại quốc mà cảm cô con gái, hoặc vì tìm an ủi trong cảnh cô độc mà rủi lỡ tay vớ phải " trái bầu " thì hôn nhân là một kết quả, một giải pháp cuối cùng.

Số thanh niên xuất ngoại khi còn nhỏ và những thanh niên sanh trưởng bên này, quên gần hết tiếng Việt và hoàn toàn chịu ảnh hưởng giáo dục Âu Châu, thì đa số đều định lấy vợ Pháp, vì các cậu cũng như những " cô đầm Việt " đều là những người Pháp tám chục phần trăm. Cho nên nếu các cô đã chê thanh niên Việt không " bô " thì trong con mắt các cậu, thiếu nữ Việt Nam cũng không xinh đẹp mấy. Các cậu thường chê các cô nào là : ồm ồm tong, ngực lép, mũi xệp, mắt hí, cẳng chân lư (cẳng cong mà ngắn), và nhất là không dạn dĩ, không dám đến với các cậu như thiếu nữ Âu Châu. Sự rụt rè e thẹn đó bị nhiều cậu định nghĩa là không thành tưng, khó tánh, tự cao.

Những Việt kiều được mộ sang đây từ lâu đã có tuổi cả. Cổ nhiên các nữ sinh Việt còn măng trẻ, dù muốn dù không các ông cũng phải cưới vợ ngoại quốc ở lại Pháp lập nghiệp. Chính những ông này mới thiết tha quê hương và họ muốn cưới vợ Việt hơn số thanh niên trên đây. Vì dầu sao, họ xa đất nước khi đã thành niên ; hoặc đã có vợ con, quê hương và gia đình đã để lại trong lòng họ nhiều ấn tượng khó phai. Nhưng họ ít nghĩ đến việc trở về xứ sở vì phần đông đều thiếu phương tiện.

Bạn xem đó thì thấy rằng dầu vì một lẽ gì mà có đôi bạn dị chủng thanh niên nam nữ Việt kiều bên này cũng đã cân nhắc nhiều trước khi quyết định đi đến hôn nhân. Đôi bên tin tưởng rằng sẽ được bền duyên với nhau, vì đã sống tại đất Pháp hoàn cảnh và ngôn ngữ vẫn giúp họ phần lớn dễ có phương tiện và điều kiện thuận lợi cho việc tạo hạnh phúc. Như vậy tại sao số người có đôi bạn dị chủng được bền duyên, hạnh phúc lại ít hơn số người ly dị ? Mời bạn cùng tôi đi sang nguyên nhân đi đến ly dị trong lá thư sau.

(Còn tiếp)

MỘNG TRUNG

V
i
ệ
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THỂ-GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM



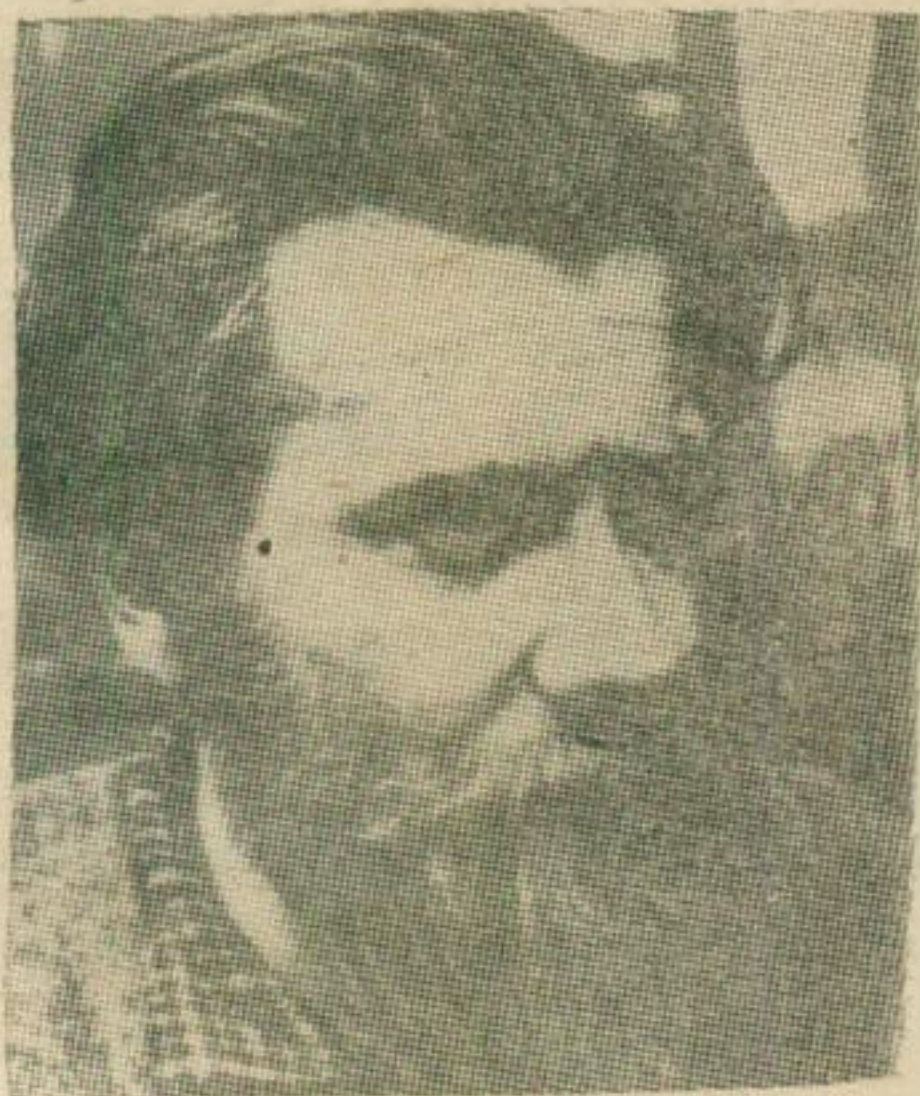
- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

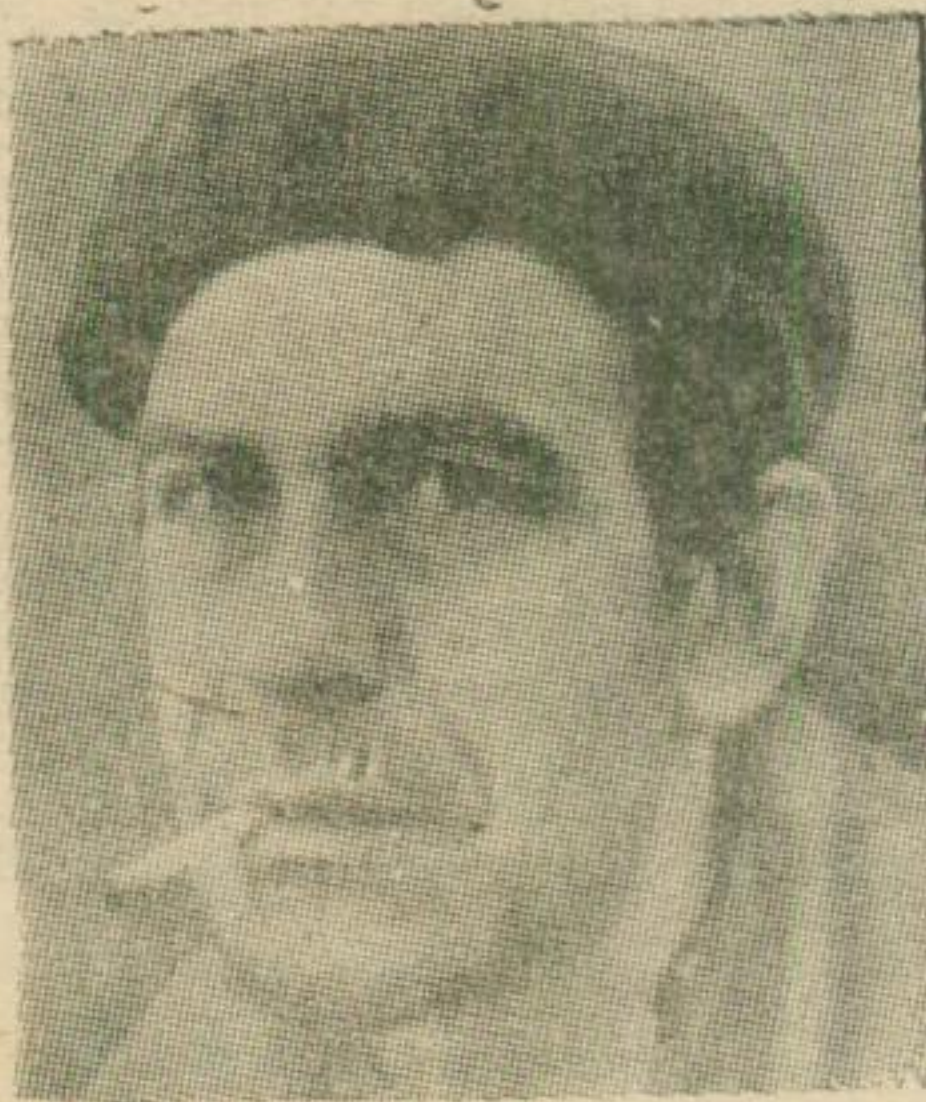
VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
115, NGUYỄN-HUỆ, SAIGON. 21.624-625-626

Một vụ án văn-nghệ ở Mạc-tư-khoa

TRÀNG THIÊN



Andrei Sinyavsky (Abraham Tertz)



Yuli Daniel (Nikolas Arjak)

Ngày 15-2 vừa qua các hãng thông tấn trên thế giới đã loan tin kết quả vụ án văn nghệ tại Nga xô : André Siniavski, 7 năm khổ sai, Iouli Daniel 5 năm khổ sai. Lại một chuyện nữa đề cho dư luận bàn tán về chính sách của điện Cẩm linh.

Cách đây hơn bảy năm hồi cuối 1958, người chủ trương tạp chí *Esprit* có nhận được một bài nhận định về hiện thực xã hội chủ nghĩa từ Nga sô bí mật gửi đến. Jean-Marie Domenach bảo rằng cơ hội ấy đem lại niềm sung sướng lớn lao nhất trong cuộc đời nghề nghiệp của ông.

Ông ngạc nhiên và mừng rỡ tưởng như nghe điện thoại reo, nhắc máy lên, nhận được tiếng nói từ cõi âm gọi về. Bởi vì cái tiếng nói mà ông tiếp nhận nó khác lạ lắm : Đã từ bao lâu nay những gì phát xuất từ Nga xô ra hầu hết đều có giọng tuyên truyền một chiều buồn tẻ ; lần này ông tiếp nhận một tiếng nói tự do, mới mẻ lạ lùng. Đây không phải cái điệu chống Cộng, mơn trớn Tây phương thường gặp, không phải thế. Điều làm cho J. M. Domenach lấy làm kinh ngạc ấy là một vẻ linh hoạt, nghịch ngợm, tự do phóng khoáng, cởi mở, tự nhiên hiếm có. Người ta phải tự hỏi : làm sao có thể giữ được cái tươi mát ấy trong tâm hồn sau hăm lăm năm trời sống dưới chế độ Staline ?

Bài tiểu luận nọ được đăng lên báo *Esprit* số tháng 2-1959 liền gây một dư luận về Abraham Tertz. Abraham ? Nghe có vẻ một tên Do thái. Độc giả nhiều người ngờ vực, cho rằng e không phải như lời giới thiệu của tòa soạn, có lẽ đây chỉ là một người Nga chống cộng đã di cư. Dù sao, bài báo đã gây một tiếng vang lớn : nhiều nước ở Âu, Mỹ, và cả đến bên Nhật, đã dịch đăng lại, nhiều giáo sư đại học danh tiếng trên thế giới đã hề cập đến nó.

Rồi lại văn nhà văn Abraham Tertz bí mật ấy là tác giả một số truyện ngắn rất độc đáo. Thực vậy, độc đáo vô cùng. Người ta có thể thích, có thể không thích các truyện ấy ; nhưng người ta không thể nào không chú ý đến nó. Nhất là đối với quần chúng độc giả

Nga xô vẫn quen với quan niệm sáng tác hiện thực thì các đoản thiên của Abraham Tertz thành ra cả một biến cố.

Cuối năm 1963, nhà xuất bản Plon ở Ba lê cho in cuốn *Le verglas* gom góp bài tiểu luận và sáu thiên truyện nói trên của Abraham Tertz với lời tựa của Jean-Marie Domenach. Cho đến giai đoạn này, tính danh tung tích của tác giả vẫn được giấu kỹ.

Trong khi ấy, một văn sĩ khác gửi đăng đoản thiên ở Hoa kỳ dưới bút hiệu Nicolas Arjak. Truyện của N. Arjak không có cái kỹ thuật xuất sắc kỳ quặc như của A. Tertz, nhưng cũng gọi lên vài vấn đề giống nhau : cả hai tác giả cùng là người Nga giấu tên, cùng đi ngược lại đường lối chính thống của nước họ.

Sự bí mật tiếp tục bao trùm lên hai nhà văn nọ cho đến tháng 10 năm 1965, khi giới cầm quyền Nga Xô tổng giam André Siniavski và Iouli Daniel. Người thứ nhất chính đã ký tên A. Tertz và người thứ hai ký N. Arjak. Trong số báo trước (1) chúng tôi đã nói đến phản ứng của François Mauriac trước sự giam giữ này. Kỳ thực, sự bất bình còn rộng lớn hơn nhiều : trong số các văn nghệ sĩ, trí thức Âu châu phản đối vụ bắt bớ này có tên nhiều nhân vật danh tiếng. Ngay đến phái đoàn chín nhà thơ Nga viếng Ba lê cuối năm 1965 với Alexandre Tvardovski, chủ bút tạp

(1) Bách khoa số 219, Thời sự Văn Nghệ trang 84.

chí *Noky Mir*, khi được hỏi về vụ này, cũng mong rằng các bạn đồng nghiệp mình được mang ra xử theo pháp luật. Ngày 13 tháng 12 năm ngoái, tại Mạc-Tur-Khoa lại xảy ra một chuyện động trời nữa : hai trăm sinh viên rục rịch xuống đường đòi cho Siniavski được xử công khai.

Ai nấy đều biết từ trước tới nay, ở Nga xô những văn nghệ sĩ lầm lỗi không phải đều được xét xử tại toà. Dưới thời Staline, hoặc họ mất tích, bị thủ tiêu âm thầm, hoặc họ bị tù đầy trong yên lặng kín đáo không ai biết đến. Dưới chế độ tự do của Khrushchev, họ thường bị xem là những kẻ đầu óc không bình thường và phải vào an dưỡng ở các bệnh viện thần kinh.

Lần này chính quyền Xô viết thấy cần phải đứng đắn hơn : Siniavski và Daniel sẽ được ra tòa.

Ba tháng sau vụ giam giữ hai nhà văn này, các tạp chí *Izvestia* và *Literatournaya gazeta* bắt đầu chuẩn bị dư luận. Ngày 13-1-66 báo *Izvestia* lên tiếng trước, ngày 22-1-66, tờ *Literatournaya gazeta* phụ họa theo, lên án hai kẻ phản động đã «bắn lên sau lưng nhân dân», viết văn dâm ô, tục tĩu, hủ bại v.v...

Chòm râu của Tchekhov

Theo dõi lập luận của những kẻ kết tội, của Erémine trên *Izvestia* chẳng hạn, có người cho rằng luận điệu của họ hàm hồ quá, xuyên tạc nhiều quá, cả vú lấp miệng em.

Hãy lấy một thí dụ. A Tertz có thiên truyện nhan đề là *Chứng cuồng bút* (*Graphomanie*). Nhân vật trong ấy gồm toàn những tên cuồng sĩ : thi sĩ, văn sĩ, kịch sĩ v.v... người nào cũng ham sáng tác tới điên tới dại. Có những vị sĩ quan huy chương đầy ngực, có những giáo sư thực vật học, những thiếu phụ, những kẻ có địa vị hân hoi, nếu họ chịu yên phận tiếp tục sống bình thường thì họ cũng vẻ vang như ai. Thế mà họ không chịu sống bình thường : họ cứ nhất định... sáng tác. Kết quả là số phận họ rất thảm hại. Giả sử được ở Tây phương thì kẻ nào muốn viết cứ viết, muốn in cứ bỏ tiền ra in, tha hồ, tác phẩm kém cỏi bị quần chúng đào thải, khi ấy họ hết ảm ức. Đảng này ở Nga xô, chuyện in sách không phải dễ dàng như thế. Bởi vậy, những cuồng sĩ của chúng ta gò lưng viết chí tử, rồi mang tới đâu cũng bị từ chối, không thể nào cho tác phẩm ra đời. Có kẻ lầm cầm ngòi nắn nét chép lại tác phẩm theo kiểu chữ in, rồi đóng thành sách, giả sách, thứ sách kỳ quái chỉ có... một bản. Những cuồng sĩ bất đắc chí ấy tưng thiếu, tiểu tụy, tụ tập nhau lại tâng bốc nhau, rồi chửi bới nhặng xị, chửi khắp thế gian, rồi oán trời trách đất, v.v... Trong hạng cuồng sĩ có chàng coi mình là cái rốn của vũ trụ, tưởng tượng ai nấy đều chỉ rình rập đánh cắp văn mình. Ông cuồng sĩ này nghi ông cuồng sĩ kia đạo văn đã đành, ông lại còn nghi đến cả các văn hào Nga, văn hào... Pháp, các văn hào hiện đại, và các văn hào của những... thời trước nữa, nhân vật

chính trong truyện là Pavell Ivanovitch Straoustine căm thù luôn đến các nhà văn cò diền tên tuổi nằm trong sách giáo khoa, nêu cao trên các ngã đường. Theo chàng thì họ cũng chẳng ra cái thá gì, chẳng ăn đứt nổi chàng, chỉ vì họ ra đời choáng chỗ trước nên làm trở ngại sự tiến thân của chàng. Trong một cơn phẫn nộ, chàng bảo : « Những nhà văn cò diền, tôi nhất ghét bọn đó ». Chàng nêu đích danh Tolstoi, Tchekhov ra thóa mạ. Nghe nói ở đâu đó tại Yalta người đời còn giữ gìn những miếng đờm do Tchekhov khắc nhờ ra, giữ làm kỷ niệm, chàng dùng dùng nỗi giận vì ganh ghét. Tchekhov chết vì bệnh lao, ông ta chỉ có cái đặc điểm ấy thôi, chứ ngoài ra có gì hơn chàng mà được trọng vọng đến thế ? Chàng thét lên : « Hãy tóm lấy chùm râu bệnh hoạn của cái lão Tchekhov ấy, đè dí mũi lão xuống mớ đờm lao đã khô của lão, và phải nói cho lão biết : « Tên cuồng si này không được viết nữa ! Mày không được viết nữa. Không được phí giấy nữa. »

Tóm được cơ hội ấy, Erémine long trọng thuyết một hồi về các nhà văn cò diền Nga xô, « niềm hãnh diện của tất cả văn học thế giới », về văn hào khâm kính Tchekhov v.v. , rồi Erémine kêu gọi độc giả thân yêu hãy nghĩ đến tội lỗi tày trời của những kẻ đã dám miệt thị các nhà văn cò diền và Tchekhov. Kẻ ấy, theo Erémine, tên là André Siniavski.

Kỳ thực ai cũng có thể thấy rõ A.

Siniavski không miệt thị ai, thủ phạm chỉ là P. I. Straoustine, một nhân vật tưởng tượng, một tên cuồng lỗ bịch. Sao lại đi kết tội những ý tưởng điên rồ của một kẻ loạn trí... không hề có mặt trên đời này !

Michel Aucouturier, giáo sư văn chương slave ở viện đại học Genève, trên tạp chí *Le monde* (2) đã tự hỏi không biết liệu các nhà văn cò diền Nga có chịu nhận chằng lời bênh vực của một kẻ cầm bút điều xảo xuyên tạc như Erémine.

Lénine dưới trăng

Bảo rằng Erémine không thẳng thắn (trong trường hợp vừa kể) thì có lý.

Nhưng, có nghe theo Erémine mà bảo rằng Siniavski với Daniel chống lại chế độ hiện tại ở Nga xô thì chắc chắn cũng không có gì oan uổng.

Quả thực, A. Siniavski thuộc vào thế hệ sinh trưởng sau Cách mạng, lớn lên trong chế độ xã hội chủ nghĩa, quả thật ông luôn luôn ca ngợi cách mạng tháng Mười, ông không hề tâng bốc cái gì của Tây Phương.

Tuy nhiên, những điều ông viết ra dưới bút hiệu A. Tertz thì Cách Mạng đọc đến nhất định Cách Mạng phải ngượng đỏ mặt. Daniel cũng thế. **Những bàn tay** (3) mà I. Daniel mô tả, nói theo điệu J.P. Sartre thì là « những bàn tay bẩn ». Nó « bẩn » xét theo

(2) Số ra ngày 3-9 tháng 2-66.

(3) Do Vũ Đình Lưu dịch đăng trên Bách Khoa số này.

lượng tâm một hang người này, nhưng xét theo quan điểm của một hạng người khác thì nó lại đặc dụng, quý giá. J.P. Jartre là kẻ trí thức, lý thuyết, nêu lên một vấn đề làm cho ta phân vân, bất quyết, không kết tội được bên nào. Trái lại, I Daniel thì đã chứng kiến, đã đích thân sống trong một thực trạng xã hội tồi tệ, ông ta không còn phân vân gì nữa : ông ta tố cáo thẳng tay một tội ác. Đối với bàn tay của I. Daniel, không cần xét tới chuyện bần hay sạch nữa. Nó có tội, nó tự biết tội, nó run rẩy kinh hoàng, bệnh hoạn. Trông nó thảm hại.

Còn A. Siniavski, ông này tài hoa hơn, dữ dội hơn, cho nên ông còn làm khổ chế độ Xô Viết và làm khổ cuộc Cách Mạng mà ông ca ngợi nhiều hơn nữa. Trong truyện (*Những kẻ ở nhà thuê*) mấy người đàn bà đối xử nhau thực quá quái : bà này cướp chồng bà kia, bà kia ăn cắp cá thịt của bà nọ.. Tình cảnh tệ đến nỗi một bà phải sắm cái khóa, mỗi lần bắc xoong lên bếp nấu nướng bà phải chụp vung, khóa kỹ lại, lúc nào cho muối vào đồ ăn lại hì hục mở khóa ra. Các người chủ thuê ở sát bên nhau rình rập nhau, tới nỗi một ông nọ nhậu rượu nào, thêm nói quá mà không muốn người thấy ta trông mình ở phòng bạn, chỉ còn có cách tự biến thành một chiếc ly ngồi trên bàn ngay trước mặt bạn để trốn những cặp mắt tò mò soi mói của láng giềng. Trong truyện **Băng giá** (*Le Verglas*), thì ông đại tá Tarassov qui tụ nơi mình cả cái lòng tham lam lỗ bịch của những nhà Cách mạng hăng say và cái nết cần tặc

lầm cầm của một tên thư lại tận tâm. Bắt được một gã thầy bói, đại tá hỏi gã về tương lai của các quốc gia : hãy xem cho biết trước năm mươi năm nữa nước Equateur nó ra làm sao, nước Nhật Bản một thế kỷ nữa sẽ tiến tới đâu v.v.. Đại tá đòi gã thầy bói hé cho mình coi cái điệu xoay chuyển của bánh xe lịch sử ? Rồi Đại tá nóng lòng đôn đốc lịch sử, đòi giúp mình giải phóng gấp Châu Âu, rồi nằn nì gã phải thanh toán luôn Tân Tây Lan v.v... Trong truyện *Toa với Moa* (*Toi et Moi*), một người đàn ông chịu không nổi cái ám ảnh luôn luôn có kẻ theo dõi, một người đàn bà lúc nào cũng sẵn sàng chạ với bất cứ một ai. Trong truyện *Lioubimov*, một anh thợ ráp xe đạp tình cờ bắt gặp trong cuốn sách cũ nào đó cái trò ảo thuật khiến anh ta có thể thôi miên được cả dân chúng một thành phố. Thế là, lấy cớ dìm dặt chạy nhanh tới Cộng-sản Chủ nghĩa anh thợ lắp xe nọ mê hoặc đề nô lệ hóa tất cả dân cư thị xã Lioubimov. Cũng trong thiên truyện quái đản này, tác giả đã thấp thoáng cho độc giả chứng kiến cái cảnh tượng kỳ cục : lãnh tụ Lénine ngược mõm lên trăng mà tru !

Erémine kêu trời như bọng : một kẻ xác xược chống chế độ xô-viết như thế mà lại giữ cái vai trò hướng dẫn các nhà văn Xô viết, (A. Siniavski là một phê bình gia nổi tiếng), chuyện mới mỉa mai ác hại làm sao !

Mà mỉa mai quá lắm. Phê bình gia xô-viết ấy, khi ký tên là A. Tertz, đã mở đầu bài tiểu luận đăng ở tạp chí

Esprit năm 1959 như thế này : « *Hiện thực xã hội chủ nghĩa là thứ gì nhỉ ? Cái danh từ quái gở khó nghe ấy, nghĩa lý nó ra làm sao ? Có thể nào nói đến một chủ nghĩa duy tâm xã hội' hay tư bản, hay Thiên-chúa giáo hay Hồi chẳng ? Cái ý-tưởng vô lý ấy có dính líu gì tới một chút thực tại nào chẳng ? Có lẽ nó không hề có. Có lẽ ấy chỉ là một ảo tưởng của hạng trí thức khiếp nhược, từ cõi âm u quái đản của chế độ « độc tài » Staline xuất hiện ra chẳng ? Hoặc giả ấy là một trò mỵ dân thô kệch của Jdano, hoặc là một lối ngông cuồng lảm càm của ông cụ Gorki chẳng ! Hay là một chuyện hoang đường, một thứ huyền thoại, một mảnh lời tuyên truyền chẳng ? »*

Chết người thật ! Hiện thực xã hội chủ nghĩa, món ấy cứ hỏi ngay phê bình gia một nước nhỏ như Nguyễn-đình-Thị ở Bắc-Việt (4), ông ta sẽ giảng giải thao thao mà nêu vu vơ lên ở miền Nam này chẳng hạn cũng có lắm người thao vanh vách, ấy thế mà một cây bút trứ danh ở Mạc-tư-khoa lại vờ vịt, đặt vấn đề ra như thế thì có phải là hại anh em không kia chứ.

Bởi vậy, lần này càng nên chịu rằng Erémine kêu trời cũng là có lý.

Tôi đặt hy vọng

Thế nhưng trước tòa — phiên toà họp kín, không có báo chí Tây phương chứng kiến — A. Siniavski và I. Daniel đều nhất mực cho rằng mình không hề có ý viết đề công kích chính quyền Nga xô, rằng nếu hiểu văn chương của họ như vậy là sai dụng ý của tác giả là xuyên tạc mục đích của tác phẩm.

Lời lẽ ấy phát biểu giữa toà thoát nghe có vẻ cãi chày cãi cối để chạy tội. Nhưng không. Trước ngày mở phiên tòa — như ta đã thấy — giáo sư M. Aucouturier từng bênh vực quan điểm của hai nhà văn bị cáo. Và trước đây hơn hai năm, J.M.Domenach cũng đã nói lên quan điểm ấy.

A. Tertz viết thật là tếu, thật là hỗn láo, xác xược v.v., Nhưng hãy hiểu cho rằng nhà văn ấy không định làm thế để đánh đổ một chánh phủ hay một chính thể nào. Không. Trong quan niệm của ông ta, văn chương không có nhiệm vụ ấy. Sinh ra và lớn lên trong khuôn khổ một xã hội bị lãnh đạo chặt chẽ, bị gò bó, ông ta khao khát sự bột phát của tự do sáng tạo, khao khát được làm ra những công trình văn nghệ bất buộc phải phục vụ một cái gì. Ông nói : « *Bây giờ, tôi đặt hy vọng vào một nghệ thuật quái ảo, đưa ra những giả thuyết thay vì một mục đích, một nghệ thuật trong đó cái lơ lửng kỳ cục sẽ thay thế cho sự mô tả hiện thực cuộc sống hàng ngày.* »

Ông ta nói làm vậy. Truyện của ông hư hư thực thực, ly ly quái đản, khiến người ta bảo nó có không khí truyện Kafka. Truyện của ông, với những người đàn ông biến thành ly thành cốc, những người đàn bà hóa ra chuột, với những cái xoong khóa nắp trên lò v.v. thật là lơ lửng. Truyện của ông với những cảnh như đã diễn ra

(4) Tác giả cuốn **Hiện thực mới** (?)

trong *Gánh xiếc* (5) không hề tránh né những điều dâm ô tục tĩu

Đó chẳng qua là cái phản ứng đầy bức tức của một người sống trong ràng buộc quá lâu. Xã hội xung quanh A. Tertz là một xã hội nghiêm chỉnh, trịnh trọng, kỷ luật, có những nhân vật tôn thờ làm thần tượng không ai được động chạm tới, có những ý niệm xem là chân lý tuyệt đối không ai được nghi ngờ, xã hội xung quanh ông hô hào đề đầu con người chú ý vào cuộc sống thực tại hàng ngày. A. Tertz cảm thấy ngột ngạt. Trong *Băng giá*, lão thầy bói nói: *“Làm thế nào một con người lại có thể chứng tỏ độc lập được, trong khi cái gì cũng được quyết định trước cả? Đứng lên! — Tôi xin đứng. Nằm xuống! — Tôi xin nằm. Tôi không muốn nằm, nhưng tôi vẫn phải nằm. Đó là luật lệ mà, định mệnh lịch sử mà! Dù anh có làm gì đi nữa, rốt cuộc anh vẫn phải nằm.”* Sống trong hoàn cảnh như thế, tự dưng A. Tertz khó chịu muốn vượt khỏi cái định luật ngột ngạt nghèo nọ, muốn đứng lên khi có lệnh hô nằm xuống, muốn vung tay phác một cử chỉ không lý do, làm một hành vi vô cớ (*gratuit*), muốn vượt lên trên thực tại, nói chơi những điều vô nghĩa, hư ảo. A. Tertz đòi kéo râu ông Tchekhov ư? bắt Lénine tru lên như chó sói ư? Đó không phải A. Tertz đặc biệt thú ghét gì Tchekhov với Lénine đâu; hiểu như vậy là hẹp hòi, là oan ức cho ông. Đó chẳng qua là vì ông ta muốn thử đập phá một vài thần tượng xưa nay không ai động tới đó thôi. A. Tertz nói chuyện dâm

ư? Đó không phải là ông muốn làm bại hoại phong tục đâu. Ấy chẳng qua là vì ông muốn thử bứt phá những điều cấm kỵ (*tabou*) của xã hội đó thôi. Trêu đùa các thần tượng, coi khinh các cấm kỵ, vượt bỏ sự thúc phọc của cuộc sống thực tại chẳng chịt những kỷ luật, đó là bản ý của A. Tertz; ngoài ra, ông không hề muốn công kích đả đảo nhà nước xô viết. Còn như trong cơn tung hoành tự do cốt khoái thích cho riêng mình mà ông có vô tình làm tổn hại đến ai đó, thì ấy là một việc khác.

Mà tổn hại thì quả là có tổn hại lung tung. Bởi vì cái nghệ thuật mà A. Tertz muốn cho có tính cách siêu thực, cái nghệ thuật ấy bất giác nó vẫn hiện thực, có lẽ là ngoài ý muốn của ông. Cái cảnh người người sợ nhau, thù nhau, trốn nhau, trong các đoạn thiên của A. Tertz, chẳng hạn, cảnh ấy vô tình tố cáo sự thất bại của sinh hoạt tập thể ở Nga xô. Người Nga xưa nay vốn dĩ thích tâm tình gần gũi nhau, cho nên cuộc sống chung chạ hiện thời phải khó khăn gay gắt quá lắm mới khiến họ sợ hãi đồng bào đến nỗi ấy. Lại như các nhân vật phái nữ trong các đoạn thiên của A. Tertz, J. M. Domenach nhận thấy hầu hết đều xấu xa, tồi tệ. Phải chăng các anh hùng lao động, các chiến sĩ thi đua, các phi hành gia không gian đã cưỡng đoạt hết cả cảm tình của xã hội, khiến cho đàn bà con gái phải hứng chịu mọi nỗi thiệt thòi, hứng chịu mọi sự hằn học của đồng loại?

(5) Xem bản dịch của Nguyễn Minh Hoàng, trong *Bách Khoa số* này.

Giữa A. Tertz với Doudintsev, với Soljénitsine v.v. có sự khác nhau rất xa. Số là trước kia, dưới thời Staline, văn nghệ sĩ thi nhau trình bày một thực tại hồng: toàn những nông trại thành công, những cán bộ liêm khiết, những những binh sĩ dũng cảm v.v... Đến thời kỳ Krushev những Doudintsev, Soljénitsine, Volodine, Kouznietsov... bắt quá chỉ nói lên rằng ngoài những nông trại thành công còn có những nông trường thất bại, ngoài những cán bộ tốt còn có những cán bộ xấu, ngoài những điều hay do Cách mạng đem đến, xã hội xô-viết còn xảy ra lắm điều dở, bất công, xấu xa. Những điều xấu xa ấy là do chế độ Staline để ra, ngày nay hết chế độ Staline rồi, vậy thì sự xấu có hy vọng sẽ hết theo. Sự tố cáo trước đây bất quá đại khái là như thế. Còn A. Tertz, ông ta không cố ý tố cáo. Nhưng tiếng nói hồn nhiên của ông tự nó là một sự phản kháng. Phản kháng đối với tất cả trật tự hiện tại, đối với cả nếp sống vật chất và tinh thần của xã hội xô-viết.

Đã lâu rồi, từ trong lòng xã hội tư bản đã xuất hiện những văn sĩ như Kafka. Kafka không chống đối một triều đại nào, một chính phủ nào, một chế độ nào một giai cấp nào. Nhưng Kafka dựng lên sừng sững một sự phản kháng. Bây giờ phải chăng đến lượt một hiện tượng Kafka lại xuất hiện từ trong lòng xã hội cộng sản?

Nếu quả vậy, đây là một sự kiện trọng đại. Chúng ta không nên để cho tin tức vụn vặt của thời sự dồn dập

hằng ngày xóa lấp vụ án tháng 2 vừa qua ở Mạc-tư-Khoa.

Kẻ sĩ với nhà nông.

Vụ án ấy có người xem chỉ là một đòn đánh dọa vào giới văn nghệ,

Theo Jacques Dalny (6), thường thường cứ mỗi lần nhà cầm quyền Nga thực hiện một chính sách mở rộng tự do về phương diện chính trị hay kinh tế là mỗi lần giới văn nghệ lại hí hửng, chồm lên chỉ trích nhặng xị ồm tỏi, gây hoang mang trong dư luận. Lần này ở Nga cũng mới vừa thi hành một cải cách kinh tế. Ở trong các nông trường gần đây quyền hành và lợi lộc của cán bộ đảng, của giới lãnh đạo chính trị bị hạn chế bớt, những anh em lao động và các nhân viên chuyên môn được hưởng nhiều hơn trước, được tham dự nhiều hơn trước vào công việc quản trị. Giới văn nghệ vốn nhạy cảm, vừa chớm thấy cải cách liền vội tưởng kỷ nguyên tự do đã mở, cơ hội ngàn năm một thuở đã đến. Người ta dễ ý thấy cái giọng của tờ *Novy Mir* đột nhiên đổi khác, trở nên ngang tàng, lại đả kích hiện thực xã-hội chủ-nghĩa. Và Ev-touchenko, nhà thơ trẻ tuổi huênh hoang ở Anh Pháp độ nọ, công nhiên khinh bỉ các cấp lãnh đạo thanh niên.

Phải chăng vì vậy mà nhà cầm quyền Nga-xô phải thị uy một chút? « Việc từ bao năm cũ bây giờ lôi ra »; khổ cho A. Siniavsky và I. Daniel !.

(6) *Le Figaro littéraire*, số ra ngày 3-2-66.

Giả thuyết của J. Dalny không hấp dẫn mấy, tuy nhiên có kẻ đã trình bày ra chúng ta cũng nên biết qua một khía cạnh của vấn đề. Những việc xảy ra ở bên kia bức màn sắt như xảy ra trong phòng tối, kẻ tìm hiểu như người mù xem voi : đã biết ai là kẻ sờ đúng voi !

Một tiền lệ có hại

Có điều lý thú là câu chuyện văn nghệ lần này không những chỉ làm khổ thân hai nhà văn, mà nó cũng làm lao đao nhà nước xô-viết không ít.

Từ khi A. Tertz và I. Daniel mới vừa bị bắt giam đã có những cuộc xuống đường trong nước, những điện văn phản đối từ các xứ Tây phương gửi đến Nga. Xử án xong rồi, việc vẫn chưa yên. Dư luận bất bình nổi lên khắp nơi. Riêng ở Hoa-kỳ, 125 giáo sư, trong đó có vị từng được giải Nobel, đã gửi thư đến Thủ Tướng Nga yêu cầu cho hai nhà văn xấu số được đưa ra xử lại.

Chính phủ Nga tiến hành một biện pháp thật lấu mà liều lĩnh gửi : Valery Tarsis qua Luân-đôn để trấn-an dư luận.



V. Tarsis

Sự lựa chọn rất là tinh. V. Tarsis là một văn sĩ tuổi tác trên sáu mươi, ương ngạnh khảng khái có tiếng, thân thể lại có chỗ giống với hai nhà văn trẻ Siniavsky và Daniel. Dưới thời Krushev chính Tarsis đưa đơn thách lên Thủ-Tướng xin phép gửi truyện qua Anh quốc xuất bản. Krushev không trả lời. V. Tarsis tự đặt cho mình cái biệt hiệu Ivan Valery, rồi cứ tự tiện gửi tác phẩm ra ngoài in. Ông ta liền bị bắt nhốt vào nhà thương điên tám tháng, hồi 1962 — 1963 (7). Ở đây, ông lấy tài liệu viết truyện *Ward 7*.

Con người như vậy mà đưa qua Luân đôn, nếu ông ta chịu kết tội Siniavsky với Daniel, thì thật là đặc sách. Bước xuống máy bay tại Anh Quốc, V. Tarsis tuyên bố liền : « Các ông khó tìm được một người nào ghét chính quyền Xô-viết bằng tôi. Nhưng tôi là một nhà văn lớn Tôi không phải một kẻ khiếm nhược. » Ông chỉ trích Siniavsky và Daniel không can đảm vì đã dùng tên giả để viết văn đấy sao ? Ông quên mất cái biệt hiệu Ivan Valery của mình độ nọ rồi sao ? Ivan Valery với Valery Tarsis tuy có gần nhau thật, nhưng dù sao cũng từ một hóa hai.

Thế rồi hai ngày sau, bất thành linh V. Tarsis phủ nhận hết những lời chê bai do mình vừa thốt ra đối với Siniavsky và Daniel. Ông thú thực đó là những điều giới cầm quyền Nga xô buộc ông phải nói. Còn về phần ông thì ông công nhận hai văn sĩ trẻ nọ cùng ở một phía

(7) Xem Bách Khoa số 154 (1-6-63) trang 56, hoặc « Văn học Nga xô hiện đại » của Trăng Thiên (Thời Mới xuất bản).

với ông. « Chúng tôi cùng chiến đấu để chống một kẻ thù chung. » Ông mong họ được an lành và thoát khỏi tay kẻ thù như ông. Lần này không còn ai biết được V. Tarsis lại điên nặng hay chính những kẻ đưa ông đi Luân-đôn là điên. Trong khi chờ đợi tin ngày 21-2 tại Mạc tư khoa cho biết Hội đồng tối cao Xô-viết đã tuyên bố truất quyền công dân của V. Tarsis. Ai ngờ trong một thời gian ngắn Nga-sô vừa lãi được hai tù nhân lại bị thiệt mất ngay một công dân.

Sự rắc rối vẫn chưa chấm dứt. Sau khi bản án văn-ngệ tuyên ra, một số « đảng anh em » lập tức lên tiếng phản đối giới lãnh-đạo Nga. Hiện chưa được rõ những « đảng anh em » ấy là những đảng cộng-sản nước nào. Chỉ biết rằng theo hãng thông tấn A. F. P. phản ứng của cộng đảng Pháp trẻ hơn các « đảng

anh em » ấy 24 giờ. Tại Pháp, một ủy viên ban Chấp Hành Trung Ương đảng là nhà văn Louis Aragon, công bố trên cơ quan ngôn luận của Trung Ương Đảng một bài phản đối, cho rằng xử án như Mạc-tư-khoa đã làm là đem việc bé xé ra to, là « tạo một tiền lệ nguy hại cho quyền lợi của xã hội chủ nghĩa, còn nguy hại hơn là chính các tác phẩm của Siniavski và Daniel. » L. Aragon cũng đòi vụ án được đem xử lại.

Một trường hợp phản đối công khai, trực tiếp, đối với Mạc tư khoa như vậy chưa từng xảy ra ở Cộng đảng Pháp. L. Aragon có nghi chẳng trường hợp một đảng viên như ông mà lớn tiếng dạy khôn Trung Ương Đảng Cộng Sản Nga, đó cũng là một tiền lệ vô cùng nguy hại.

2 - 1966

TRANG-THIÊN

Theo tin AFP (ngày 22-2 từ Tân Đê Li) 15 nghị sĩ thuộc quốc hội Ấn-Độ gửi một bức điện tín cho Chủ-tịch Podgorny đề yêu cầu trả tự do cho các văn sĩ Liên-xô Andrei Sinyasky (Abraham Terlz) và Yuli Daniel (Nikolai Arzak) vừa bị tuyên phạt tù. «Bản án nghiêm khắc» này đã vi phạm các quyền căn bản của văn gia phát biểu ý kiến tự do. Đó là nội dung bức điện tín có chữ ký của bà Vijaya Lakshmy Pandit (em của cố Thủ Tướng Nehru), một vị cựu chủ tịch tại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, bà Lakshmy Menon, cựu ngoại trưởng Ấn-Độ, và các nhà lãnh đạo đối lập của các đảng phái không cộng sản.

Đã có bán :

- **DỊCH HẠCH** của Albert Camus do Hoàng-văn-Đức dịch.
- **KỶ NGUYÊN NGỜ-VỰC** của Nathalie Sarraute do Lương-Ngọc dịch
- **TẬP BÚT I và II**

liều luận văn học của Võ-Phiến

60 đ.

NICOLA ARJAK

• VŨ ĐÌNH LƯU dịch

Bàn tay

Serguéi, anh là một người trí thức, anh có lễ độ. Bởi thế anh yên lặng anh không hỏi lời thôi. Nhưng ở đây, những thằng cha làm trong xưởng hỏi đốp vào mặt tôi : « Này, Vasska, anh nốc rượu thấm đến cả bàn tay sao ? » Đó là chúng nói đến hai bàn tay tôi. Anh tưởng rằng tôi không để ý đến những lúc anh nhìn bàn tay tôi rồi quay mặt đi à ? Mà lúc này anh cũng còn tìm cách tránh cho mắt anh khỏi đặt vào bàn tay tôi. Anh ơi, tôi hiểu hết. Chỉ vì anh là người tế nhị cho nên anh không muốn mịch lòng tôi. Thôi, anh cứ nhìn tay tôi coi, không sao cả, tôi không giận anh đâu. Vả chẳng, không phải ngày nào anh cũng thấy cái gì tương tự thế này đâu. Anh ạ, tôi run tay không phải vì nghiện rượu. Thực ra ít khi tôi uống, tôi chỉ uống khi nào vui anh vui em hay trong những dịp đặc biệt, như hôm nay ngồi với anh. Anh với tôi, chúng ta không thể không nâng chén mừng một cuộc hội ngộ như thế này. Anh ạ, tôi nhớ hết. Cả hai ta bị giam kín thế nào, anh đã cãi cọ với thằng cha « thổ trắng » ấy thế nào, chúng ta đã tóm được Jaroslav thế nào . . . Anh nhớ chứ, trong một buổi mít-tinh, anh đã lên tiếng, bấy giờ tôi đứng cạnh anh, anh cầm lấy tay tôi mà rằng : « Đây, với hai bàn tay này đây... » Phải rồi, Serega, rót rượu cho tôi đi. Nếu không tôi tu cả chai, tôi sẽ đổ ra sau ca vát mắt.

Tôi quên mất không biết danh từ y học gọi bệnh run tay này là gì. Nhưng tôi đã ghi lấy chữ ấy rồi, lát nữa tôi sẽ đưa anh coi...

Chuyện đã xảy ra thế nào ? Một sự rủi ro. Nhưng đề tôi nói cho có đầu đuôi ; sau năm chiến thắng 1921 tôi được giải ngũ, bèn trở về thẳng cơ xưởng tôi

đã làm việc hồi còn thanh niên. Dĩ nhiên ở đây người ta trọng vụng tôi vì tôi là một anh hùng Cách mạng, vả chăng tôi còn là một đảng viên, một công nhân có ý thức. Quả vậy, tôi đã có dịp sửa nã cho một vài người cần phải giáo hóa. Đó là thời kỳ những tư tưởng vụng rất thịnh hành : « Hãy coi đó, người ta đồn rằng họ đã ra công đánh giặc ra sức trông nom kinh tế của họ để đến nỗi không còn, miếng bánh mà ăn... » Tôi đã chấm dứt những chuyện như thế. Tôi vẫn tán thành đường lối mạnh. Theo tôi, không dùng đường lối mềm dẻo như ruột bánh mì của bọn Men-sơ-vich được. Phải đó, rót rượu cho tôi đi, đừng để cho ly tôi cạn. Tôi làm việc chưa đầy một năm thì dùng một cái, người ta gọi tôi đến ủy ban quận.

Người ta bảo tôi :

« Đây, Malinine, giấy đi đường của đồng chí. Đảng huy động đồng chí vào Ban Đặc vụ, một ban đã làm vinh dự cho đảng, để tiêu trừ những phần tử phản cách-mạng. Chúng tôi chúc đồng chí thành công trong cuộc chiến đấu chống trường giả toàn thế-giới, đồng chí hãy cúi rạp đầu chào đồng chí Dzerjinsky nếu gặp ». Như vậy, tôi phải tính sao ? Tôi là một người của đảng, tôi phải trả lời : « Dạ, tôi xin thi hành mệnh lệnh của đảng. » Tôi cầm lấy lộ trình thư, chạy về xưởng giã từ anh em rồi ra đi. Tôi ra đi, và mơ tưởng đến cách làm thế nào lật mặt nạ những tên phản cách mạng để họ khỏi bôi nhọ chánh quyền xô viết non trẻ. Tôi đến nơi, gặp mặt đồng chí Dzerjinsky Félix Edmundwitch và tường thuật lời nói của những người ở ủy ban quận. Ông bắt tay cảm ơn tôi. Tại đây chúng tôi cả thầy độ 30 người được đảng tuyển dụng, ông đã đề chúng tôi đứng thẳng hàng rồi nói rằng không thể xây nhà trên một chỗ sinh lầy, trước hết phải khai thông đồng lầy cho khô ráo và trong khi tiến hành công việc phải giết hết loài cóc nhái, rắn độc, ông ta nói rằng đó là việc tất yếu và mọi người đều phải góp một tay.

Ông ta đã kể một câu chuyện bịa đặt hay đại loại như thế, nhưng có điều chắc là ai cũng hiểu. Chính ông, ông nghiêm nghị, không hề cười. Sau đấy người ta phân công cho chúng tôi. Người ta hỏi chúng tôi là ai, làm gì. Người ta hỏi chúng tôi đã được huấn luyện thế nào ? Tôi thì anh đã biết, tôi đã chiến đấu với quân Đức, đã dự cuộc nội chiến và làm cho một xưởng máy. — đó tôi đã được huấn luyện như thế. Tôi đã học hai năm ở trường các giáo trưởng... Thế là người ta bổ dụng tôi vào một ban đặc trách thi hành những án tử hình. Một công việc không thể cho là khó mà cũng không thể cho là dễ.

Một việc làm có ảnh hưởng đến lương tâm. Hẳn anh còn nhớ ở ngoài mặt

trận chém giết là việc thường : một là anh giết họ, hai là họ giết anh. Nhưng ở đây lại là việc khác... Rồi tôi cũng quen đi. Mình đi theo người tử tội vào trong sân và tự nhủ : « Vassili, mày phải làm, PHẢI LÀM. Nếu mày không thủ tiêu nó bây giờ, con sâu ấy sẽ làm sụp đổ cả nền cộng hòa xô viết ». Tôi quen đi. Tôi uống rượu, hẳn là không uống rượu thì không làm được việc ấy. Người ta cung cấp rượu cho tôi. Người ta vẫn đồn có những khẩu phần đặc biệt thế nào tôi cũng chẳng rõ dành cho các nhân viên mật vụ như xô-cô-la hay bánh thượng hạng, nhưng những điều đó đều do bọn trưởng giả bịa đặt cả. Khẩu phần của chúng tôi chỉ là thực phẩm thường, thực phẩm của binh lính : bánh mì, kê và cá biển vobla. Nhưng mà rượu thì người ta có cho chúng tôi thực. Không thể như vậy được, anh cũng tự hiểu thứ. Thế mà, vậy đó. Tôi làm việc được khoảng bảy tháng thì câu chuyện xảy ra.

Chúng tôi được lệnh thanh toán một nhóm giáo trưởng (1) bị khép vào tội hoạt động chống cách mạng. Vào tội cố ý phá hoại. Hình như họ gây rối loạn trong giáo khu của họ hay chống lại xã hội chủ nghĩa nói chung, tôi cũng chẳng biết. Dầu sao, họ cũng là kẻ thù. Tất cả có mười lăm người. Trưởng ban cho lệnh : « Malinine phần đ.c... ba người; Vlassenko, phần đ.c... Golovtchiner, phần đ.c... còn đ.c... » Tôi không nhớ rõ người thứ tư tên là gì. Gã là một người xứ Lithuanie, tên gã lạ lắm, không phải ở xứ chúng tôi. Gã và Golovtchiner bước ra trước tiên. Ở đây người ta xếp như sau : phòng canh gác ở ngay giữa. Một bên là phòng giam tội phạm, bên kia là lối ra sân. Chúng tôi lần lượt đưa tội phạm ra. Trong sân, hạ xong người nào thì kéo sang một góc kín không ai thấy được rồi trở vào kiểm người khác. Cần phải đem người chết vào nơi kín đáo, nếu không, lúc đem người sau vào, họ thấy xác chết sẽ chống cự lại làm náo động, ai cũng biết thế. Nếu họ yên lặng vẫn hơn.

Golovtchiner và anh chàng người Lithuanie đã xong phần việc, giờ đến lượt tôi. Trước khi ấy tôi đã uống rượu. Không phải vì tôi sợ hãi hay còn liên hệ đến tôn giáo. Không, tôi là người của đảng, tôi là người sắt đá; đối với tôi những điều vô lý như các ông thần, ông tiên, ông thánh tôi đều không tin. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy không vững dạ. Đối với Golovtchiner thì dễ vì anh ta là người Do-thái. Người ta nói rằng bên nước họ, cả đến tượng thánh đền thờ cũng không có, tôi không biết có đúng thế không, nhưng tôi ngồi đấy nốc rượu liên miên. Trong đầu óc tôi hiện ra nhiều chuyện bậy bạ : mẹ tôi hồi sinh thời đã dẫn tôi đến nhà thờ làng như thế nào, tôi đã hôn tay giáo trưởng của chúng tôi thế nào, cha Vassili, người đã già, vẫn bảo tôi là kẻ trùng danh với người...

(1) Tu sĩ tại Nga xô

Vậy thì tôi dẫn người thứ nhất ra rồi trở lại châm điếu thuốc hút vài hơi xong dẫn nốt người thứ hai. Tôi trở lại uống chút rượu, không biết cái gì làm cho tôi lợm giọng. Tôi bảo họ : « Đợi tôi chút các chú, tôi trở lại ngay đây ». Tôi đề khẩu súng trên bàn và đi ra. Tôi cho rằng mình đã uống say quá. Bây giờ ra móc họng cho mưa được thì nhẹ đi, rửa ráy xong là đầu vào đấy cả. Nghĩ thế, tôi bèn chạy đi làm ngay, nhưng không thấy bớt.

Tôi nghĩ, nên cho chúng về châu tồ ngay đi để còn đi nằm. Tôi cầm súng đến tìm người thứ ba. Anh này còn trẻ, có vẻ uy nghiêm, một giáo trưởng non, đẹp dễ khỏe mạnh. Tôi đưa anh ta đi dọc theo hành lang, nhìn anh ta vén áo dài lưng thụng để bước lên thềm mà tìm thất lại, chính tôi cũng không hiểu tại sao. Chúng tôi ra ngoài sân. Hắn ngẩng bộ râu lên ngắm bầu trời. « Đi đi, cha nội, đừng tìm thiên đàng trong cảnh này, đọc kinh cầu nguyện mãi anh đã tự tạo ra thiên đường rồi. » Tôi khôi hài để cho vững dạ. Nhưng tại sao lại làm thế, tôi cũng không rõ. Chưa bao giờ tôi nói với một tên tội phạm. Tôi để hắn bước tới ba bước theo lệ định, đưa khẩu mauser lên, ngắm giữa hai sườn bả vai rồi bóp cò. Anh biết chứ, súng mauser mạnh thế nào — như là đại bác vậy ! Và nó dật đến nỗi thêm chút nữa là rời cánh tay ra khỏi vai. Nhưng khi vừa đưa mắt nhìn lại hắn, thì ông giáo trưởng bị bắn của tôi quay lại và lưng lững tiến về phía tôi. Đánh là mỗi người một khác : có anh ngã ngựa ngay ra tức khắc, có anh đứng nguyên chỗ quay tit đi như con cù, cũng có nhiều anh lão đảo bước đi như người say rượu. Nhưng anh này khoan thai tiến tới mặt tôi, như bơi trong bộ áo thầy tu, như tôi không bắn hắn vậy.

Tôi kêu lên : « Làm trò gì vậy, cha, dừng lại ! » Tôi lại bắn phát nữa vào ngực hắn. Nhưng hắn lại mở rộng áo thầy tu, xé rách hắn ra, ngực đầy lông và căng phồng. Hắn tiến đến và hết sức gào thét : « Bắn tao đi, Đồ phản Chúa ! Giết tao đi ! Đấng Christ của mày đây ! » Thế là tôi rối trí, tôi bắn nữa và bắn nữa. Và hắn cứ tiến. Trên người hắn không có máu, không có thương tích, hắn cầu nguyện : « Lạy Chúa ! Chúa đã ngăn cản viên đạn do bàn tay tội lỗi bắn vào con ! Vì Chúa con xin chịu thống khổ !.. Người ta không thể bắn chết một linh hồn sống ! » Và còn lắm chuyện nữa... Tôi không nhớ rõ đã bắn hết bị đạn như thế nào, tôi chỉ biết có một điều : tôi không thể bắn trượt được. Tôi bắn sát họng súng. Hắn đứng trước mặt tôi, hai mắt này lửa như mắt chó sói, ngực hở, tự trên đầu có cái gì tỏa đến tôi như một hào quang — mãi sau tôi mới nghĩ ra bấy giờ là lúc mặt trời lặn mà hắn đứng che lấp mặt trời. Hắn kêu lên : « Tay mày, tay mày đầy máu ! Hãy coi tay mày ! »

Tôi vội ném khẩu súng xuống đất và chạy về phòng canh gác ; tôi đụng vào một người ở gần cửa, tôi bước vào, bạn bè nhìn tôi như thể tôi lên cơn điên và họ cười hí lên như ngựa. Tôi vội lấy khẩu súng trên giá và la lên : « Dẫn tôi đến đồng chí Dzerjinsky không thì tôi bắn chết tất cả bây giờ ! » Họ lấy lại khẩu súng và dẫn tôi đi gấp. Vào đến phòng giấy của ông ta, tôi hất tay mấy người bạn đang ghì người tôi. Toàn thân run rẩy, tôi lắp bắp rằng : « Félix Edmundwitch, đồng chí bắn chết tôi đi, tôi không giết nổi tên giáo trưởng ! » Nói xong tôi cũng lặn đùng ra và không còn nhớ gì nữa.

Đến nhà thương tôi mới tỉnh. Thầy thuốc nói : « Xúc động thần kinh ». Tôi phải nói rằng người ta săn sóc tôi rất chu đáo. Thật là đầy đủ, sự chăm nom, sự sạch sẽ, sự ăn uống, nên nhớ là hồi ấy thực phẩm khó kiếm. Họ chữa cho tôi khỏi hết, nhưng còn hai bàn tay, anh trông thấy đấy, hai bàn tay run lập cập. Chắc là xúc động thần kinh chạy ra hai bàn tay.

Di nhiên, ban mật - vụ thải hồi tôi. Người ta không cần những bàn tay run như thế này. Tất nhiên cũng không có vấn đề trở lại làm thợ máy. Người ta cho tôi vào làm trong kho của xưởng máy. Thì có sao ? Ở đây tôi có thể giúp ích được. Đã đành là tay tôi như thế tôi không thể biên chép giấy tờ, sổ sách được. Nhưng tôi đã có một người phụ tá, một cô bé cũng làm được việc lắm. Anh ạ, tôi sống như thế đó.

Còn viên giáo trưởng về sau tôi biết rằng hắn cũng không tránh khỏi số. Chuyển này thì không còn có ông trời nào gỡ cho hắn được nữa. Đầu đuôi chỉ tại mấy thằng quỷ sứ nhân lúc tôi ra ngoài chữa cho khỏi chóng mặt, đã thay bi đạn khẩu súng, lắp vào một bi thuốc nổ không có đạn. Một trò đùa dởn. Tôi, tôi không oán họ — chúng tôi còn trẻ tuổi ; đối với họ, họ cũng buồn nên mới nghĩ ra trò chơi ấy. Tôi không oán họ. Nhưng hai bàn tay tôi bây giờ trở nên vô dụng.

NICOLAS ARJAK.

VŨ-ĐÌNH-LƯU

dịch theo bản Pháp văn của Jacques Michel

MÙA XUÂN NHÂN VĂN PHÁT HÀNH

TÌNH KHÚC THÁNG 11

Tập Thơ thứ 2 của Du tử Lê

Bìa Động Đình Hồ — Phụ bản Duy Thanh

Tập Thơ nói về Quê Hương — Tình Yêu — Nước Mắt

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Không-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

ABRAHAM TERTZ

NGUYỄN MINH HOÀNG

và TRẦN THIÊN dịch

Gánh Xiếc

... Và nhạc lại nổi lên đỉnh tai và đèn lại bật chói mắt. Trên sân diễn, một đôi chị em, mạnh như một đôi gấu, đang trình diễn một màn gọi là màn « vũ của các thẻ tháo gia ». Họ cười lên mình nhau, ấn gót giày màu đỏ lên đôi vai nung núc thịt của nhau, và với những cánh tay to cỡ bắp chân của người thường, với những bắp chân to cỡ thân mình của những người thường họ thi thố những trò phô sức mạnh. Thân mình quái dị của họ bốc khói.

Tiếp theo đó, xuất hiện trên sân diễn cả một gia đình nghệ sĩ gồm một chồng một vợ, và bốn nhóc con. Phía trên đầu các khán giả, lúc bảy giờ bảy ra một cảnh di chuyển kinh hồn ; người cha, vốn quen huấn luyện các con, tỏ ra xuất sắc nhất. Vừa nheo mắt nhìn về phía cái chóp mũ của chính mình, ông ta vừa cho một cây gậy vào miệng ngậm chặt lại. Ở đầu cây gậy là một chiếc đĩa thiếc. Trên chiếc đĩa thiếc để một chai bia, trên chai bia, một cái cốc và, chưa hết, lần lượt một cái ô một cái khay, mà hai chiếc bình thủy tinh đầy nước. Bằng hai hàm răng ông ta giữ cho mọi thứ đứng yên như thế, ít nhất cũng nửa phút, không để rớt một thứ nào. Nhưng nếu kể về hạng vô địch thì phải kể một nghệ sĩ khác, một ảo thuật gia. Một lão đáng dấp nhỏ thó, bộ điệu trau chuốt, lai căng, có mớ tóc rất đen, với đường ngôi thẳng tắp, như đã được tĩa xén bằng cước vậy, và bằng dao cạo điện. Bên dưới, râu mép và những thứ vật vãnh kèm theo cà vạt, giày vệt ni bóng lộn. Với cái vẻ ngây thơ, lão bước lại gần một bà khán giả nọ, thò tay trong nón. bốc ra một con chuột bạch. Rồi một con khác, một con khác, cả thảy được chín con. Bà khán giả sợ đến phát ngất, rên

ri : « Ô, ô, ! Kinh quá » và đòi uống một cốc nước cho tỉnh lại hồn. Ảo thuật gia quay nhanh sang phía bên phụ tá đứng bên tay phải, nhón hai ngón tay kẹp lấy mũi của tên này, cử chỉ nhẹ và gọn nhưng khác cử chỉ một anh thợ cạo. Lão cho tay trái vào túi lấy một cái cốc, giơ lên thật cao cho mọi người thấy rõ là cái cốc quả thật trống không. Thoắt một cái, lão vặn mạnh mũi tên phụ tá, cho chảy vào cốc một thứ nước vàng ánh, sủi bọt, dẻo quánh như nước si rô. Không thốt lấy một tiếng, với một dáng điệu rất «nịnh đầm» lão đưa cái cốc cho bà khán giả Bà hớn hờ uống cạn, nói : «cám ơn». Ai nấy đều thần phục vỗ tay cười lớn. Chờ cho tiếng cười dịu xuống ảo thuật gia bèn trở lên sân diễn, hỏi giật người đã bị lão vặn mũi vừa rồi :

— Này đồng chí, xin đồng chí nói nhanh cho tôi biết là đồng hồ của đồng chí hiện đang chỉ mấy giờ ?

Tên phụ tá đưa tay, sờ lên áo ghi lê mới hay chiếc đồng hồ của mình đã biến đi đâu mất. Lúc ấy ảo thuật gia bèn lấy gân khạc từ trong cổ họng ra một chiếc đồng hồ. Rồi cũng bằng cách ấy ảo thuật gia trả lại cho khán giả một cái ví da, một lược chải tóc, nói tóm những món đã diễn ra trong lúc diễn trò. Lão còn tinh quái lấy từ trong túi áo trong của một ông khán giả ngờ nghệch nọ một tập ngân phiếu và một vật dụng thuộc loại kín đáo nhất của đàn bà. Lão trả lại những thứ ấy giữa những tiếng hoan hô vỡ rập. Như thế, mới đáng gọi nghệ sĩ !

Lúc buổi trình diễn chấm dứt và khán giả lục tục kéo ra về, Kostia bắt đầu thấy tiếc về sự anh không biết làm trò : không biết múa vòng, không biết đi xe đạp kiểu trồng cây chuối, hai bàn tay đặt trên bàn đạp, hai chân điều khiển ghi-đông. Anh có thể tung cái cát kết cách nào cho nó lộn một vòng ngoan mục trên cao trước khi rớt xuống nằm ngoan ngoãn trên đỉnh đầu trở lại được không ? Chắc chắn là không ! Trò duy nhất mà Kostia có thể làm là trò ngậm trong miệng điều thuốc đang cháy, ngậm thế nào để không bị phỏng, sau đó thần nhiên thở khói như chiếc ống khói tàu thủy.

Nhưng đó là trò dễ không lạ gì với bọn mới vào tập việc. Kostia anh, anh đã có hai mươi sáu tuổi chổng chắt trên đầu và anh đã chán ngấy cuộc đời đang sống. Suốt ngày leo thang như một thẳng ngốc sửa những cầu chì bị nổ, không biết thú vui nào khác hơn thú vui xi-nê và gái.

Anh đứng lên, đi ra cửa, dáng đi tự ti và dẻo của các nhà ảo thuật và các chuyên viên xiếc trên khắp hoàn cầu.

Dịp thi thử tài ba đến ngay với Kostia lúc ấy, dưới vóc dáng một nhân vật mặ áo dòn bông, rất hờ khuy. Bằng cái thân xác béo tốt, nhân vật chiếm gần hết cửa chính, ra vào và nói trống không ong ổng :

— Một nữ nghệ sĩ làm trò xiếc xứng đáng với cái tên gọi phải trút bỏ quần áo, và phải biểu diễn không phải trong rạp xi-nê mà trong một gian phòng riêng, trên một tấm « nấp » trải bàn ăn, giải mấy trái dứa.

Đôi mắt của nhân vật, phơn phớt xanh, nhìn đăm đăm ra xa và nhân vật không có vẻ gì để ý đến có Kostia. Sự ngẫu nhiên lại muốn Kostia bị xô đẩy bởi làn sóng người, bắt gặp mình bị kẹt trong cánh cửa ngay trước mặt nạn nhân. Hai người bị ép mạnh, bị trượt lẫn vào nhau khiến không ai còn có thể phân biệt đâu là Kostia đâu là nhân vật Chiếc áo đồn bông hở ra mỗi lúc một rộng, để lộ cái vét-tông. Và cái vét-tông thì tự nó, nó cũng hé mở ra như mời mọc. Chỉ cần một tí khéo léo gần như không phải động thủ gì nhiều.

Hơi thở của tôi bị cắt đứt, mạch máu của tôi như dồn dần dặt xuống đầu mấy ngón tay. Tích tắc, tích tắc, theo nhịp con tim đang đập trong lồng ngực của nhân vật, cạnh cái túi áo trong. Con tim đang đập thật gần trong lòng bàn tay ấy, nó, con tim, không tưởng tượng được sự đòi chác trong diễn tiến, không ngờ được sự có mặt hồi hộp của tôi. Một cử động của bàn tay, và chuyện lạ đã thực hiện : một xấp giấy bạc dày cộm như con điều hầu xé không khí.

« Tiền của đồng chí đã hóa thành tiền của tôi » giống như trong lời hát. Trò khéo léo thật không thua một câu chuyện thần tiên.

Nhờ cái hơi nóng do thân thể đồng chí tỏa ra số bạc ấy phảng phất một mùi hương êm và dịu như gáy của một thiếu nữ dậy thì. Và đồng chí, kẻ vừa bị truất hữu, đồng chí vẫn tiếp tục đi đi lại lại một cách tự hào, ưỡn cái ngực trống không, nói về các nghệ sĩ làm trò xiếc, mỉm cười nghĩ đến tất cả thú vui mà đồng chí tưởng là đồng chí sẽ cho đồng chí hưởng. Nhưng đồng chí lầm. Chính tôi, tôi sẽ thay đồng chí gọi xe tắc-xi « Pobéda », để đến ăn ở quán « Kiev ». Chính tôi sẽ ăn món cá đóng hộp, sẽ uống đủ loại cô nhắc, sẽ hôn rất nhiều gái, với số tiền của đồng chí, dĩ nhiên nhưng lại là để thỏa mãn cái nhu cầu hưởng lạc của chính cái thằng này. Ồ, tôi sẽ không bủn xỉn, đồng chí đừng lo chuyện ấy ! Và trong trường hợp chúng ta chạm mặt nhau trong quán ăn tôi hứa sẽ đãi đồng chí ăn đến nứt bụng tất cả những thức ăn ấy, những thức uống ấy, tất cả những món mà đồng chí đã không biết dành lại cho mình.

Và đồng chí sẽ cảm ơn tôi rồi rít, tôi dám cam đoan chắc với đồng chí điều này. Đồng chí sẽ nghĩ là tôi là một nhà văn, một nhà nghệ sĩ hoặc nữa là một nhà thể thao lừng danh. Nhưng tôi không là gì khác hơn một nhà ảo thuật gia khéo tay khéo chân. Rất hân hạnh được quen đồng chí.

Ngoài đường, trong bóng tối, Constantin lật cổ áo lên, và lúc ấy, chỉ lúc ấy thử sửa lại các thớ thịt trên khuôn mặt. Chúng không tuân theo sự sai khiến của

Constantin. Tưởng chừng là một hăng cao-xu. Một quả dấm lên, và cả cái mẩu cao su sẽ nảy. Constantin chồm miệng, kéo hai mép ra đến mang tai, cho đến lúc khuôn mặt lại mềm nhũn ra như cũ. Anh châm một điếu thuốc lá, ngậm đầu có đốm lửa vào trong miệng, và vừa rảo bước lại bến tắc-xi gần nhất vừa thở khói như một chiếc đầu tàu.

oOo

Đối với Constantin Pétrovitch thì đó là khởi điểm của một đời sống mới. Thỉnh thoảng, giữa lúc đang làm việc anh cao hứng phóng lại đằng quán ăn «Kiev». Vừa trông thấy anh đặt chân qua ngưỡng cửa là bọn hầu bàn đã ủa chạy lại, từ cuối phòng ăn, hồi han tiu tit, hồn hèn, từng tràng :

— Ông dùng chi ! Ông dùng chi !

Phía trên đầu lúc nào cũng có những cái khay bay lượn không ngừng. đủ loại rượu, vang đỏ, vang trắng, và đó là chưa kể đến loại « muscat » hồng nổi tiếng. Nói tóm, chỉ có việc chọn, tất cả đề phục dịch ngài, Constantin Pétrovitch.

Nhưng, Constantin Pétrovitch, với một dáng điệu duyên dáng chỉ thấy ở những người của giới thượng lưu, đã ngăn bọn hầu bàn lại và nói bằng một giọng mệt mỏi :

— Không. Kể từ hôm nay trở đi tôi sẽ từ bỏ hết. Tôi cảm thấy trống rỗng và cuộc đời đối với tôi không còn hứng thú, cho tôi « vodka » thôi, loại « đầu trắng » dĩ nhiên, hai trăm bảy năm gram « vốt-ka », một mẩu bánh nhỏ rất nhỏ, ăn kèm với cá mòi. Cần nhất, đừng cho tôi loại bánh đen. Một cái bánh mì « ba-ghết » nho khô loại nho thật mỏng.

Lập tức bọn hầu bàn — có ba tên tất cả — mở ngay những chai rượu đủ màu, rồi ngay những cái khăn ăn nghe đánh đập lên một tiếng, lau ngay thoăn thoắt những cái ly cho đến kỳ bóng lộn không khác thủy tinh, phui ngay những hạt bụi có thể vung trên đôi giày bột-tin mũi nhọn.

Ngay sau lúc đã nốc cạn một hơi cái chõ 275 gram số lượng vốt-ka cần thiết để lấy lại phong độ, đồng chí sẽ cảm thấy tất cả những năng khiếu tinh thần của đồng chí, đồng chí sẽ hóa ra tinh nhuệ lạ thường !

Tiếng rao rung làm đau răng đồng chí và xoáy vào não cân đồng chí ; tiếng chạm nhau lạnh lạnh của những ly rượu lúc đồng chí nâng ly rượu lên môi ; điệp khúc đều đều từ cửa miệng các ông thực khách hân hạnh : « uống mừng ông ! chào ông ! hân hạnh uống mừng cuộc hội ngộ giữa chúng ta ! chào ông ! » và

những chuỗi cười khiêu khích của bọn đàn bà đang chờ đợi một cái gì đang quay nhìn không ngớt, hoặc đang cúi kinh đánh lại đôi má hồng như trước khi đến dự một tiệc cưới.

Bọn mết-đô-tên len lỏi đi đi lại lại, nhanh nhẹn như một đàn khỉ, nhảy nhót giữa những chậu hoa và những cây dừa, quay nhìn đầu cũng gập toàn dừa, tưởng ta đang ở tận bên Phi Châu. chuyển tay nhau những cái đĩa bạc đựng đầy thức ăn nóng bốc hơi nghi ngút, hoặc nữa cúi gập người, phía trên cái bàn nhỏ đồng chí đang ngồi, làm thỏa mãn từng ý muốn nhỏ nhất của đồng chí.

Lúc Constantin Pétrovitch ngắm cái quán ăn chênh choáng say ấy, như ngắm qua một mặt khung cảnh cửa kính phóng đại anh bỗng cảm thấy trong đáy lòng anh trong một chỗ nào đó ở bên cạnh tủy, một sự run nhẹ đê mê khiến anh run rẩy khắp người, từ gót chân đến tận chân tóc. Anh có cảm giác đang đi trên một sợi giây sắt căng khỏi mặt đất bốn trăm thước và mặc dầu các bức tường ở quanh anh đang uốn éo, rung rinh, chực đổ anh cũng vẫn cứ đi tới trước, dáng đi dẻo, nhẹ, tự tin. Quần chúng dán chặt mắt vào anh, nín thở, kì vọng nơi anh như kì vọng Đức Chúa Trời: « Kostia, đừng phụ lòng tin của chúng tôi ! Constantin Pétrovitch, tiến tới trước, không nên ngừng lại, tỏ ra cho họ thấy là anh làm được những gì ! ».

Lúc ấy thì đồng chí bị bắt buộc, nhất định là bị bắt buộc phải đưa ra cho họ trông thấy một cái gì lạ mắt, một lối nhào lộn rợn người, một trò xuất chúng hoặc chỉ cần tiết lộ cho họ nghe một tiếng, một tiếng độc nhất, độc nhất trong đời. Sau đó cả vũ trụ sẽ chỉ còn cách đảo lộn quay cuồng hoặc thay đổi cả xác lẫn hồn thành một viễn tượng siêu phàm, quái đản. Tim đồng chí đập rộn trong ngực không khác con chim đang nhảy cuống trong lồng, linh hồn bị xé ra ngàn mảnh, nửa đau xót nửa yêu thương và đồng chí sẽ rót thêm rượu vào ly, để kéo dài cơn hành hạ. Như thế cho đến lúc đồng chí cảm thấy thấy bay bổng khỏi cái mảnh đất này, cho đến lúc đồng chí bắt đầu hướng về toàn thể Châu Âu, vắng tục :

— A ! Cái con mẹ mày ! Phải, cái con mẹ mày ! Cái con quỷ đéo ! Cái con..

Sau vụ bùng nổ ấy, thì ngài Constantin Pétrovitch, ngài có cái thói quen đi xuống rất nhanh và vẫn hay lịch sự mời bất cứ một người nào miễn là hấn ta sẵn sàng nhậu một chén rượu không tiền và một câu chuyện chỉ nói giữa những tri kỷ. Thường lệ, thì người ấy là một lão đứng tuổi, dáng điệu buồn rầu áo quần khiêm tốn, nghĩa là, nói riêng với nhau nghe, một người Do thái. Cái lão ma rượu ấy dầu sao cũng còn giữ trên cái cổ khẳng khiu của lão những vết tích chứng tỏ lão đã học qua ban Đại học : vỏ con chim rất nhả, màu xanh. Mọi người vẫn gọi lão

là Salomon. Lúc nào cũng thấy lão ngồi ủ rũ trong một góc ít ánh đèn, dưới một cây dừa, kiên nhẫn chờ cái lúc quán ăn có một chỗ trống. Túi lão sạch sành sanh nhưng chủ quán vẫn đề lão đi vào quán vì lão được chỗ có cái đáng đập bề ngoài đáng quý.

— Vậy thì bác Salomon Moisséevitch, bác đã là một người có nhiều hiểu biết, còn tôi tôi chỉ là một tên chưa học hết lớp tư, xin bác nói cho tôi được rõ : Tinh túy của con người là gì ? Và phải làm sao để đi đến chỗ tận cùng của cái tinh túy ấy ?...

Salomon nhíu đôi mày, cố nhớ lại những điều đã hấp thụ ngày trước ở trường đại học.

— Tinh túy của một hiện tượng... hiện tượng... một ý niệm...

Lão quên mất, nói lắp bắp, cảm thấy đầu óc trống rỗng. Constantin Pétrovitch bèn đưa cho lão một ly để giúp lão tìm lại khả năng nói chuyện bình thường. Ồ, không quá một trăm rưỡi gram ! Làm thế nào để Salomon Moisseévitch đừng tít cung thang, nếu không thì ô-hô, đi đời cuộc nói chuyện giữa hai người tri kỷ.

— Này, thế đủ rồi ! Thưa thả một tí ! Chúng ta hãy nói chuyện với tư cách một người đàn ông nói với một người đàn ông. Bác cho tôi biết tại sao tôi lại là một tên ba que xỏ lá và tại sao tôi bắt cần đời ? Ồ mà, xin bác cho biết tại sao người Nga chúng ta, chúng ta vẫn có cái ý định chỉ chực rình ăn cắp ? Ăn cắp hoặc chè chén thật say ? Do đâu người Nga chúng ta lại cảm thấy cái nhu cầu nó nung nấu, nó hun đốt tâm hồn ?...

Mỗi lần nghe hỏi thế Salomon Moisseévitch vẫn có một lối ứng đáp tài tình. Vừa nhỏ nhẹ cắn một trái dừa chuột làm chua lão vừa moi óc tìm những nguyên lý tiên thiên, đi ngược lên cái thời kỳ lịch sử nước Nga sống dưới ách tàn bạo của rợ Tắt-ta. Chính bọn rợ ấy đã cho du nhập lên đất nước Nga những nhà tù, những gian nhà ổ chuột. Bao nhiêu tội lỗi đều do cái nền văn minh khốn kiếp và phản tiến-hóa mà ra cả.

— Constantin Pétrovitch này, giả như chú được sinh ra ở nước khác, nước Anh chẳng hạn, có lẽ chú đã trở thành một nhà phát minh .. hoặc một nghị sĩ... hoặc một bộ trưởng cũng chẳng chừng .. Cục bầu to lớn của Salomon đưa thoi dài theo cái cổ khẳng khiu của lão. Và đôi mắt xếch của lão ném lên trần nhà những tia nhìn buồn thật là buồn. Nhưng đi sâu vào tận cội rễ của cuộc đời, cái ấy mới lạ là chuyện khác ! Hơn nữa, làm thế nào một lão như lão Salomon Moisseévitch lại có thể hiểu được tâm hồn người Nga ? Nếu lão có bê tha rượu chè thì đó dĩ nhiên lại tùy những lý do cá nhân, và chủng tộc. Nhưng

với tôi, tại sao lão lại mách cho tôi bài thuốc về nước Anh hoặc nước Bỉ và sự tự do báo chí của hai nước kể trên ? Cái ấy, thật tình tôi không bao giờ biết được. —

— Nhưng nếu tôi được sinh ra ở nước Anh, với cái bầm tính thiên nhiên của tôi có lẽ tôi sẽ đi đánh cướp ngân hàng, sẽ uống rượu, sẽ bài bạc, sẽ thua sạch đến độ không còn lấy một manh áo sơ-mi. Và như vậy, xin cho tôi biết tại sao tôi lại được sinh ra cái tâm hồn ấy ? Chính vì thế nên ta mới hỏi vặn mi, tên dòng dõi Judas khốn nạn, và thay vì trả lời ta, mi lại nói toàn là chuyện con tiều !

Tuy thế, Constantin Pétrovitch không bao giờ đánh lão. Trái lại anh mời lão uống một chén rượu, rồi một chén khác, một chén thứ ba, và tất cả những cái ấy chỉ vì Salomon là một lão có thiên tài nói chuyện. Một kẻ khác hơn lão có lẽ sẽ thừa dịp tốt để say sưa bí tử, và sau đó sẽ tìm cách thuật lại cho anh nghe tất cả cuộc đời mình. Và anh sẽ không tài nào chen vào được một câu. Nhưng lão ấy, lão được biết cái thảo luận hoặc suy tư đúng lúc, hoặc nín lặng và cảm thông.

Vì Constantin Pétrovitch có những lúc khủng hoảng tinh thần. Anh khóc, anh nức nở, anh ghen ngào. Anh nói về cuộc sống thảm thương của anh, về bà mẹ già khốn khổ của anh đang nằm cách đây ba bước, trên một chiếc giường sắt và đang đói lả. Và anh, tên khốn nạn, thay vì dỗ dành bà mẹ, đem lại cho bà mẹ tất cả những thức cần dùng, thì anh, anh lại ngồi đây, với một bọn lưu manh cận bã, ăn ngấu ăn nghiến cho đến lúc trong túi không còn lấy đến một đồng.

Salomon Moisséévitch ngồi nghe anh nói thật lâu và chỉ biết lặng lẽ thở dài. Lão biết rõ là bà mẹ đáng thương kia chỉ có trong óc tưởng tượng của Constantin, nhưng không bao giờ lão cãi lại Constantin Pétrovitch. Dù sao lão cũng là con người, lão hiểu là thỉnh thoảng những kẻ đồng loại của lão cảm thấy cần phải xem lão là một tên điên. Tuy nhiên, lúc Constantin Pétrovitch mệt lả vì những kỷ-niệm đen tối, bắt đầu khóc nức nở và đập đầu như giã chày xuống bàn, xuống ghế, xuống bất cứ một vật gì kê gần đó thì lão bèn nắm lấy vai Constantin, nói với Constantin :

— Kia, Kostia, chú chớ nên tỏ ra tuyệt vọng chú cứ nốc cạn ly này. Rồi chúng ta bắt nhanh sang những đề tài khác vui hơn chẳng hạn : Chú nghĩ thế nào về sự hiện hữu của Thượng đế ?

Nghe câu nói đùa ấy của Salomon, Kostia ngừng khóc ngay lập tức hay hơn nữa, anh bắt đầu cười vì anh đã hiểu điều mà Salomon ám chỉ. Dĩ nhiên là trong vũ trụ chẳng có Thượng đế, chẳng có Sa-tăng gì cả, nhưng thắng hoặc nếu có những thứ ấy có lẽ đời sẽ vui hơn !

Có lần Constantin đã liếc mắt nhìn vào nhà thờ. Anh nhìn thấy trên trần nhà, trên tường những bức tranh tuyệt đẹp vẽ những ông trong dáng điệu đang làm xiếc. Anh rất thích những bức tranh như thế. Cái mà anh thích nhất là cái ông ảo thuật gia cải trang thành xác chết, đang bước ra khỏi mồ giữa sự kinh ngạc của mọi người. Một nhân vật thuộc cùng một chủng tộc với Salomon Moisséévitch ; có ai đó đã hèn nhát tố cáo ông ta ; và một câu chuyện ngược đời đã xảy đến. Kẻ bị giữ không phải là ông ảo thuật gia mà lại là tên kia, tên Judas, tên phản bội. Chính hắn đã bị đóng đinh trên cây câu rút của nhà thờ...

Nhưng chuyện ấy đã làm Salomon Moisséévitch khoan khoái không ít. Lão say sưa kết luận là nhà thờ đã do trò làm xiếc mà ra, là dân tộc Nga thích nhất những màn ảo-thuật và phép lạ.

Constantin Péetrovitch còn thích một nơi này nữa hơn các nhà thờ : ấy là các phòng tắm của Sandoukovsky, những phòng tắm gia đình. Ở đây người ta chỉ cho vào những đôi nam nữ đã thành vợ chồng và trước khi vào phải trình giấy phép. May mắn là trong đám nhân viên làm việc ở đây Kostia có một người bạn thân tên Liotchka, một binh sĩ bị thương từ hồi đại chiến. Gã Liotchka ấy xếp đặt cho anh chàng Kostia của chúng ta được phép vào tắm, có thẻ vào cả với Đại tướng phu nhân nếu anh thích ; với điều kiện là đừng có gây ra om sòm. Nhờ có gã Liotchka ấy, Constantin Péetrovitch đã quên mình là độc thân trong khi đi tắm cùng với Tamara. Cả hai anh chị được dịp bày trò thú ra phết ngay trong ấy ! Chuyện thực không thể nào tưởng tượng nổi, dù là trong truyện thần tiên, và ngòi bút của tôi bất lực không diễn tả lại cho các bạn được. Tiếc quá, bởi vì các bạn sẽ ghen với Constantin.

Vừa cài then cửa xong, anh chàng liền hỏi Tamara :

— Đùa tí cho vui, nhá ?

— Ừ, đùa.

Tamara tán thành. Giọng nói của nàng tỉnh khô, nhưng cái lưng thì đã bắt đầu vung vẩy.

Họ cởi quần áo ra, kể cả áo lót, và bắt đầu phơi bày cho nhau xem những cái hiểm nhất. Cái cảnh tượng Constantin Péetrovitch đeo chậu nước toong teng giữa háng làm trống đẽ đập gỗ, trông rất ngộ nghĩnh. Trong khi ấy thì Tamara múa những vũ điệu dân ca. Nước da tím tím, hơi thở hồng hèn, mình mẩy đầy bọt trắng, nàng nhẩy giữa phòng tắm nóng bức như ở Phi Châu ; còn anh chàng thì bước theo sau, không ngớt gõ nhịp vào cái chậu sắt thông giữa hai chân. Trông

như hai con quỷ trong lò ở địa ngục ; hoặc như là Mọi Da Đỏ, điều này đúng hơn, bởi vì họ múa khỏa thân không một chút ngượng ngịu.

Khi Tamara đã mệt, Constantin Pétrovitch bày ra những trò tiêu khiển khác. Hoặc anh chàng lấy nước lã xối ngập lên nàng, hoặc, đòi một cái hôn, anh chàng mớm xà-phòng cho nàng và đút một ngón tay hoặc một cây bút chì than vào chỗ ấy, để đùa cho vui vậy thôi.

Tamara rất dễ tính, để mặc cho anh đùa nghịch. Chỉ có một điều Kostia bị cấm : anh không được cười bất tử vào cái lúc mà cuộc đùa giỡn cuồng loạn đưa họ tới cực độ của ái tình.

Vào đúng lúc ấy, in như là ngẫu nhiên, lần nào Constantin Pétrovitch cũng bật ra cười ngất. Tamara giận dữ cắn môi lại và trợn cặp mắt đỏ gay, tối sầm, nóng rực lên đe dọa anh. Nét mặt hung tợn, nàng cắn răng rít lên :

— Câm ngay, câm ngay, tôi cấm anh cười !

Chỉ đến khi trở lại nằm nghiêng nàng mới bình thường. Bấy giờ thì chính nàng cười rộ lên trước nhất về những điều đã xảy ra. Trước và sau đó, anh tha hồ cười, nhưng trong phút giây tâm lý ấy thì đừng, tôi van anh !

Nàng xác nhận một cách quả quyết :

— Thế là có tội, tội lớn đấy nhé.

Nhưng không bao giờ nàng có thể cắt nghĩa được cho tôi hiểu lý do của cái ý muốn lạ lùng đó. Salomon Moisséevitch vẫn say sưa theo dõi đầu đuôi câu chuyện thì kêu lên :

— Vâng, vâng, đúng thế !

Nhưng về phần anh ta thì Constantin Pétrovitch kể lại những kỷ công ái tình của mình xong là gần muốn lăn xuống dưới gầm bàn. Salomon khoái chí :

— Vâng, cô ấy có lý. Làm thế là có tội ! Không nên cưỡng hiếp đàn bà ! Khi nào người ta khởi sự rồi thì không thể nào ngừng lại được ! Đừng có giết, đừng có giết ! Trời đất ! Quỷ thần ơi ! Hãy cười trên mảnh tình tan vỡ của chú mày đi...

Lão ta tuôn ra lung tung, nói những tiếng vô nghĩa lý, những tiếng diên rồ, nói về sự bí ẩn của tâm hồn người Nga, ba hoa về cái lòng dạ không lường của đàn bà, vừa nói vừa luôn luôn kéo nhằng mãi chiếc hầu to tướng dưới cổ. Người ta biết rằng cách đây ba năm vợ của Salomon trốn đi ; đó là một mẫu người đàn bà Nga dâm dăng. Bắt đầu mụ ăn cắp của lão, rồi mụ cầm

sừng lão với một thằng bé hớt tóc mười sáu tuổi, tên Guenady. Đàn bà làm lão điêu đứng, lão gồm đàn bà, cái đó tự nhiên. Nhưng còn về tâm hồn người Nga chúng ta thì lão Do Thái Salomon Moisséévitch, lão biết đẽch gì mà nói?

oOo

Gã thương binh Liochka thường lặp đi lặp lại câu cách ngôn đúng không thể chối cãi này : «Người gỡ mìn chỉ có thể làm lần một lần thôi» Gã đã đem bản thân ra chứng minh câu tục ngữ ấy : một trái mìn của quân phát.xít đã lấy mất của gã một cánh tay dưới chân tường Bá Linh.

Nhưng cái kinh nghiệm đắt giá và sự mất mát vô phương bổ cứu ấy vẫn không dạy nổi cho gã một bài học. Một hôm gã Liochka cụt tay ấy nói với Kostia :

— Kostia, mày biết tao có một ngôi nhà riêng ba phòng, có hành lang và tiện nghi đầy đủ đấy chứ? Cách đây ba hôm người chủ thuê có việc phải đi Talline, bà vợ hiện giờ ở nhà quê với thằng bé Vovotchka, nó gầy còm từ hồi sơ sinh, sáng nào cũng phải có không khí trong lành để thở. Còn chị vú của Vovotchka, hễ cứ người ta bảo chị ta ở lại một mình để coi nhà thì chị ta đi đú đờn với lũ bồ ở ngoài « Xưởng xe điện » cho tới tờ mờ sáng mới về. Tối nay không có lý gì chị ta không ra ngoài chỗ xe điện, phải không?

Kostia bảo :

— Tôi hoàn toàn thông cảm chính sách đối ngoại của ông anh, nhưng phương thức ngoại giao của ông anh có vẻ kệch lắm. Tôi khoái đối phó với sinh vật. Tôi không có thói trèo vào những bao lơn đóng kín không biết của tầng lầu nào. Nhưng này cái ngôi nhà đằng ấy ra sao, có gì đáng công làm một chuyến không? Nào, tốt hơn là hãy mang vào trong phòng tắm cho mình một chai la-ve đi.

— Kostia, thôi đừng có làm chuyện, đừng có làm cái điệu nghệ sĩ. Liochka trả lời nóng nảy. Đừng có mần mó con Tamara trước mặt tao, tởm lắm. Mày mặc quần vào rồi suy nghĩ đi. Mày đã biết là « người gỡ mìn chỉ có thể làm lần một lần thôi » đấy chứ.

Họ bàn cãi với nhau tới tối. Khi nhà tắm Kandoukovsky đóng cửa, họ đem theo Salomon Moisséévitch để gác bên ngoài và khẩu súng lục của Liochka từ hồi đại chiến mang về, phòng khi bắt trắc. Rồi thì, không còn ngần ngại gì nữa, họ thẳng tiến đến ngôi nhà đầy đủ tiện nghi.

Ngôi nhà ở tầng thứ nhất, và chúng ta được biết ở đây có ba phòng, chất đầy tới trần những thứ linh tinh thật hay ho — đồ gabardine, đồ len, hai bộ

com-lê may kiểu mới, không kể cái áo khoác bằng da màu chocolat, kiểu "raglan". Nhưng làm cách nào vào được đây? Cửa lớn cửa nhỏ đều đóng kín mít. Không có một lỗ trống, một khe hở nào. Ngôi nhà ấy, nó có vẻ chế nhạo cả lũ.

Di nhiên sự trở ngại làm bạn ngại ngại ngừng, bạn chờ người ra bứt đầu bứt tóc, bạn tính chọn ngay cái giải pháp xoàng nhất, là trèo cửa sổ, làm kiểu ấy có thể gây tiếng động ầm ầm như sấm! Thế là vô phương, bạn không đoán ra, bạn không tìm được giải pháp. Thôi, bạn bỏ cuộc đi cho rồi!

Ở trên đời này có một thứ dụng cụ — nhưng bạn đừng có mách lại với ai đấy nhé — gọi là cái « móc khóa ». Có cái ấy, cửa nào cũng không ăn thua. Còn đối phó với các ổ khóa, chỉ cần có một xâu chìa khóa tử tế, thế là đầy đủ rồi.

Vào được bên trong, anh em ơi, nó mới im lặng làm sao! Im lặng như trong nhà thờ vậy.

Constantin vừa bảo gã Liochka cụt tay vừa vung vẩy khẩu súng lục trong tay:

— Kéo màn cửa lại, nếu không ở bên ngoài trông vào người ta thấy bọn mình hết. Trước hết cái áo choàng raglan ấy về phần tôi. Cây can nữa!

Anh chàng thích cái tay nắm của cây can này lắm; hình thù nó giống như cái bộ phận đẩy đà nhất của con người, di nhiên là thu nhỏ lại. Cầm cây can ấy đi dạo, mân mê cái tay nắm ấy, gặp bọn con gái đưa cho xem để chúng nó bật cười hoặc đỏ mặt lên, thật không gì khoái bằng. Đó là một vật có ích, lúc cầm trong tay cũng vậy mà lúc đi dạo cũng vậy.

Thình lình Kostia nhận thấy có người ngủ ở phòng bên cạnh. Anh ta đi tới và trông thấy trên giường... bạn đoán xem ai? Ông chủ thuê nhà hả? không! bà chủ hả? cũng không! chị vú nầm hớ hênh hả? khoản đó dễ chịu, nhưng cũng không phải nốt... Bạn nói sao? không, sai tuốt hết. Anh ta trông thấy một người nhỏ bé mà bạn đã biết, một người nhỏ vóc có bộ râu mép xinh xắn, nhưng không có cà vạt, và không có đường rẽ trên mái tóc, vì cái lý do giản dị là đường rẽ và tất cả mái tóc đã được mắc treo ở lưng ghế. Và ở dưới chân ghế đôi giày đánh véc-ni bóng lộn xếp thẳng tắp.

Người biểu diễn độc nhất, đích thực, có một, của gánh xiếc, đang ngáy ầm ỉ trên chiếc giường của ông chủ nhà. Nếu không phải là ông ta đang giả vờ ngáy và đang chuẩn bị một trò nhào lộn nguy hiểm nào đó.

Ngày hôm trước, muốn khuấy lảng những phiền nhiễu trong gia đình, ông ta trốn vào nhà một người bạn cũ ngày xưa, quyết định ấy thực tai hại cho cái

đầu sói của ông ta — như sẽ thấy rõ ở đoạn sau. Sự tình cờ — một sự tình cờ không ai cắt nghĩa nổi và hết sức nguy hại — khiến ông ta chọn ngay ngôi nhà này đúng vào cái đêm mà chính Kostia cũng đi biểu diễn.

Nhưng tới lúc này thì Kostia chưa biết tí gì về sự tình cờ nguy hại ấy. Anh chàng chỉ cảm thấy một niềm tuyệt vọng mênh mông trước sự khám phá về người khách dị thường và bất ngờ này, người mà anh ta đã biết cái tài nhanh nhẹn lạ lùng, bởi vì chủ nhật nào anh cũng đi xem xiếc. Cái ông xảo thuật gia quái quỷ này chỉ dùng có hai bàn tay mà muốn làm gì ai cũng được, thế mà bây giờ mình lại có thể tha hồ lấy trộm của ông ta ! Kostia chia mũi súng vào « bậc thầy trong nghề ». Phải đề phòng, lão thức dậy bất ngờ, không khéo lại khốn đốn với lão.

Anh ta bảo nhỏ với Liochka :

— Lục trong tủ khe khẽ một chút, nhớ đề cho mình cây can có cái tay nắm hình móng dít, cái đó phần mình nhé.

Không biết vì những tiếng nói ấy hay vì cái gì khác làm lão thức giấc, dù sao thì nhà ảo thuật của chúng ta đã mở mắt. Lão mở mắt ra và Kostia không kịp bảo cho lão biết : « im, nếu không tôi bắn » thì lão đã la om sòm như một thằng ngốc :

— Ai cứu tôi ! Có kẻ giết tôi !

Thường thường thì khi đàn ông trông thấy một khẩu súng lục chìa vào mình liền giơ tay lên trời và ngẩn ra im lặng. Còn đàn bà — những kẻ đầu óc rộng tuếch — thì la lối, dấy dựa, có khi còn cần xé nữa. Nhưng bao giờ cũng có cách giải thích cho họ hiểu rõ tình thế, và miễn họ còn muốn sống là họ sẽ chịu nằm yên.

Tuy nhiên lần này Kostia gặp phải một tay cứng thực sự, lão không đếm xỉa gì tới khẩu súng sáu. Mắt lão tròn tròn như khu đĩa, lão nhảy từ trên giường xuống đất, rồi lão chạy tốc lực về phía cửa sổ ngoài bao lơn, như một thằng điên, không để ý đến sự trần truồng đáng tởm của lão trước mặt bọn tôi. Kính cửa bể văng tứ tung, và tiếng lão kêu vượt mái nhà yên lặng vang ra ngoài đường :

— Ai cứu tôi ! Ai cứu tôi ! Có kẻ giết người !

Đề chấm dứt cái trò kinh tởm, làm cho Kostia xúc động gần phát khóc ấy, anh chàng bắn vào lưng lão, giữa hai cái xương bả vai cần cổ. Đó là sự sai lầm tối trọng đại. Người ta đã bảo với ông bạn rằng người gõ mìn chỉ có thể làm lần một lần mà thôi.

Khỏi cần vẽ cho bạn xem. Chắc chắn là không nên bắn, cũng không nên làm ầm ào, như thế nguy hiểm ; chỉ cần đập vào gáy lão ta bằng một vật gì không bén nhọn, cái báng súng chẳng hạn, cho lão ngất đi, thế là có thể hoãn tất cuộc viếng thăm căn nhà mà khỏi có tiếng động thừa thãi nào.

Nhưng Kotia phản ứng kém. Ngón tay của anh ta chỉ vừa chạm đến con cò súng một cái, chiếc lò xo kiểu Đức góm ghiếc ấy tự nhiên bật ra liền. Chỉ có thế, nhưng cũng đủ khiến cho lão kia ngoan ngoãn hẳn ra. Lão không kêu la nữa, bọt phèo ra đằng mồm, lão có vẻ như đang thối vào một cái ống cho nôi bọt ở ngoài đầu. Nghe như tiếng chiền âm kéo dài và khàn khàn. Tôi chắc bạn biết, nó giống cái âm giai những tiếng bồng và trầm phát ra lúc mình súc miệng ấy mà...

Nhắn nhỏ kiểu ấy đề làm cho người ta chú ý thì thật tuyệt ! Chốc nữa, chắc chắn lão sẽ ngồi nhồm dậy dưới đất, khạc nhổ đằng hoàng, rồi bắt cần bọn tôi : « Các anh đã khiếp tôi chưa, hả ? »

Nhưng có lẽ vì là một cuộc trình diễn riêng, ngoài chương trình, do phát súng của Kostia gây ra, cho nên lão nghệ sĩ ấy đã quyết định đóng trọn vai trò đời mình và hóa phép biến ra một thầy ma. Chỉ có cách ấy là chứng tỏ mình vượt tất cả những người còn sống. Gương mặt lão rắn lại, tự nhiên như một con tàu tách bến ra khơi. Lão có cái rắn rỏi kiêu hãnh của đá hay của chất nước đang đông lại. Lão chết từ từ, không có một nháy mắt từ biệt, bỏ Kostia lỉnh quính trước cái trò gạt người mà cả bọn họ đã chung tài nghệ để thực hiện.

Vừa lúc ấy thì Saloman Molsséévitch xuất hiện làm hồng chuyện, lão vẫn canh gác cẩn thận dưới một vòm cửa tối tăm và ảm thấp. Lão chạy tới, hồn hèn, cuống quýt báo nguy cho anh em biết : bọn gác đã thức dậy và lính đã được gọi đến. Chưa kịp trông thấy xác chết, lão thất vọng nói :

— Constantin Pétrovitch, gì mà ồn lên giữ vậy ? Tôi đã bảo chú coi chừng, khẩu súng này tự nhiên nó có thể nổ không cần bấm cò mà, một chút vang dội trong không khí là đủ...

Kostia không cãi cọ gì... Ở ngoài cửa hai anh gác, mấy người Chà và đã chụp Liochka, khóa chặt cánh tay trái lại rồi — bởi vì hắn ta chỉ còn có một cánh tay ấy. Hắn vừa vung chân vừa kêu :

— Thả ra, lũ khốn kiếp !

Biết rằng có chống cự cũng vô ích, Kostia đưa tay lên trời. Nhưng anh chàng không nhìn được cái thú cuối cùng là xò hết băng đạn lên trần nhà, để lưu lại một kỷ niệm vui vui. Bọn lính trước hết nằm rạp xuống đất, rồi nhào tới chộp cổ Kostia trước khi giới. Ấy thế là chàng thanh niên Constantin Pétrovitch bị sụm ngay giữa thời xuân sắc và khí lực đang phơi phơi.

Dầu sao chúng ta cũng không nên vượt sớm quá. Hãy còn đôi lúc thú vị, lúc ra tòa, trước công chúng. Ông biện lý thì đặc biệt nghiêm khắc, cái đó dĩ nhiên. Ông ta đòi Tòa xử mức tối đa : đòi bắn tội nhân. Nhưng trạng sư cũng không phải tay vừa, ông ta nhắc khéo về tình trạng suy nhược tinh thần của bị cáo. Cử tọa ai nấy đều quay lại nhìn Constantin Pétrovitch. Thế là đứng trước tòa, anh chàng thường thức được những phút giây tuyệt diệu, làm thỏa mãn lòng tự ái nghệ sĩ của chàng vô kè : chỉ có mình chàng ta nổi bật lên giữa sân khấu.

Constantin Pétrovitch bị kết án hai mươi năm cấm cố, tịch thu cả động sản và bất động sản. Vì rằng anh ta đã mất cái áo choàng raglan với cây can, và chàng lại thoát khỏi bị bắn, cho nên anh ta cũng không buồn rầu quá đáng về khoảng thời gian dằng dặt đang chờ đợi mình ấy.

Liochka và Salomon Moisséévitch mỗi người lãnh mười năm tù.

oOo

Đứng giữa hàng ngũ những kẻ cũng bị định mệnh hắt hủi như mình, Kostia chưa vội đi làm. Buổi mai hôm ấy đẹp trời. Chàng ta gác tay sau lưng, dẫu hiệu mất nghị lực và vâng lời miễn cưỡng. Chim chóc bay qua bay lại — lũ chim, chúng nó tự do — mùi hoa thơm, mùi cỏ, mùi cây xông lên trong đầu anh. Hoa bồ công anh bay li ti khắp nơi, trong veo và nhẹ phớt. Tù nhân lê chân đi, buồn rầu và vô tích sự, hai bên một tiểu đội lính gác đi theo, hút những điếu xì-gà dài.

Ngay giữa cái khung cảnh yên lành ấy, bỗng nổi lên cơn hỗn độn. Một người lính già, vút màu thuốc, hoảng hốt hét lên :

— Đứng lại ! Đứng lại ! Không tao bắn !

Nhưng Kostia đã nhảy lên những đồi nhỏ và những mô đất, Một cơn gió nhẹ vuốt lên khuôn mặt nóng bừng của anh. Xa xa, người ta trông thấy cánh rừng tím, nơi tương truyền luôn luôn có những tướng cướp ẩn náu.

Và Kostia chỉ trông thấy trước mặt có một sân khấu ngập tràn ánh điện, những dây kềm giăng dưới vòm rạp xiếc dài hàng cây số. Và anh càng đi xa hơn tâm hồn anh càng ngập trong hoan lạc và phấn khởi. Niềm nhiệt hứng tràn lan khắp người, từng sợi dây thần kinh của anh ta rung lên và giãn ra. Anh ta vừa nhảy vừa kêu gọi năng lực phi phạm và bao la hãy phóng anh ta vào không gian trong một bước vọt kỳ diệu, bước vọt cao hơn hết, thanh thoát hơn hết trong cả cuộc đời nhẹ nhõm của anh.

Kìa, kìa... Nó đây rồi, nó sắp nâng ta lên tận chót đỉnh... Cuối cùng Kostia sắp sửa có thể đưa ra...

Trong bước vọt vãn ao ước từ lâu ấy, Kostia nhảy lên, lộn nhào, và ngã chúi tới trước, với một viên đạn xuyên qua đầu.

NG. MINH HOÀNG và TRĂNG THIÊN



1965

Sống và Viết

với

HỒ - HỮU - TƯỜNG

(xin xem BK từ số 219)

— Có chút thắc mắc này, vừa dính đến báo lại dính đến sách. Có vài người nói quyền « *Phong kiến là gì?* » của anh kị Duy-Minh, do nhà Minh Đức xuất bản năm 1946 ở Hà-Nội, là gồm những bài báo trước đăng ở *Công luận*, kí Phan-Văn-Hùm. Chẳng hay chị Hùm—Mai-Huỳnh-Hoa— (8) có tìm anh đề hỏi đầu đuôi câu chuyện chưa?

Anh « À » lên một tiếng.

— Chị Hùm — Mai - Huỳnh - Hoa (đề nói theo anh) tới nay chưa làm « khó dễ » gì tôi về vụ « sang đoạt » này. Chắc là chỉ chưa hay. Số là dạo ấy, năm 1935, nếu tôi nhớ không lầm, «ông già» Phan-Khôi có viết một bài dài, cho rằng nước

Việt ta không có gì là phong kiến cả, và những kẻ nào nói có, là những kẻ dốt. Rồi ông lại kêu đích danh Phan-Văn-Hùm ra bút chiến với ông. Anh Hùm không thể làm thính. Nhưng khổ nỗi là anh chuyên về Triết học, mà không chuyên về Xã hội học. Trong anh em, tôi là người đã nghiên cứu chút ít về môn này, nên lãnh cái « nợ » viết những bài trả lời lão tướng Phan-Khôi. Anh Hùm sửa lại cho có « giọng văn » của anh và kí tên anh. Tuy thế, vốn là người cần trọng, anh chú rằng tài liệu vốn mượn của tôi.

(8) Gọi dài dòng thế, vì có tới hai chị Phan-Văn-Hùm, chị Hùm trên đây vừa là bạn đời vừa là bạn văn của tác giả « *Nỗi lòng Đỗ Chiêu* ».

— À ra thế !

— Trong những phong trào chính-trị, thường thì người này viết tài liệu, rồi đề người khác kí tên. Các sử gia về sau nếu chỉ căn cứ theo những gì nằm trên giấy trắng mực đen, thì làm sao tìm cho ra sự thật ! Tôi xin đưa ra một trường hợp của tôi : Chính tôi là người điều khiển tạp chí bí mật *Thường trực Cách mạng*, nhưng khi bị đồ võ, thì một đồng chí đứng ra « chịu tội » trước pháp luật. Mai sau, có sử gia nào đó tìm tòi trong hồ sơ của tòa án, thấy tên người đồng chí nọ, vội bằng lòng với kết quả đó, rồi công bố trong sách vở mình, trong khi « chánh danh thủ phạm tên là thằng tôi ! » Và nếu lúc ấy, những người trong cuộc không còn, thì sự sai lầm kia được truyền mãi về sau, như là một chân lí !

« Nhân trường hợp của tôi mà suy ra, tôi mong những ai muốn viết về lịch sử nước nhà trong thời Pháp thuộc — nhất là về những đảng cách mạng — phải hết sức cẩn trọng và chớ có bằng lòng những tài tài liệu đã có trong sách, trong báo. Khảo cứu mà làm như Nguyễn-Văn-Tổ trước kia, tôi cho là hẹp hòi, máy móc, khó mà tìm ra sự thật.

— Tôi nhớ anh có đem ông Tố mà ngạo trong *Phi Lạc sang Tàu*, với bốn câu hỏi đặt vào miệng ông ấy : « Ngài dựa vào sách nào ? Trang mấy ? Tờ a hay tờ b ? Dòng thứ mấy ?

— Tôi dụng ý công kích cái tinh thần « nệ sách » của một hạng người khảo cứu mà điển hình là ông Tố.

— Thế là anh đã kích phương pháp sử học của Âu-Mĩ mà các « sử gia » của ta tốt nghiệp tại các trường Sorbonne, Haward, Columbia đang áp dụng trong khi nghiên cứu sử nước nhà hoặc đang truyền lại cho sinh viên « bản xứ ».

— Tôi đâu dám phê bình phương pháp sử học Tây-Phương, vì tôi không phải là một sử gia, mà cũng không phải là người rành sử. Chẳng qua là tôi muốn góp chút ý mọn của mình, là hoàn cảnh nước nhà nó có khác, vậy nên uyển chuyển trong việc nghiên cứu sử của dân tộc, chớ còn một mực áp dụng phương pháp học ở phương trời Tây, thì e kết quả thu thập có phần thiếu sót, không sống động, đôi khi còn có thể sai lạc. Bởi vì nước ta thường sống trong cảnh loạn li, tài liệu chép, in, mất đã nhiều, mà còn tệ một nỗi, là triều đại sau có cái thói hủy diệt dấu tích triều đại trước nếu triều này vốn là thù nghịch ; lại còn ngàn năm thuộc Tàu, trăm năm thuộc Pháp. Viết sử nước nhà trong hai thời này, mà chỉ căn cứ vào tài liệu của sử gia. Tây, Tây (hoặc của sử gia người mình mà mất gốc), thì hẳn là khó mà đầy đủ, khó mà chính xác. Tôi tưởng ta không thể bỏ qua loại văn chương truyền khẩu thời Bắc thuộc, văn chương « quốc cấm » thời Pháp thuộc ở trường hợp này.

« Tôi mong sao các sử gia của ta, xuất thân từ các trường dạy sử danh tiếng Âu-Mĩ, ngoài cái phương pháp của Seignobos, còn cố tìm phương pháp của văn chương sử liệu.

— Anh làm tôi nhớ đến một bài thơ

của Trần-Cao-Vân, định ngày, giờ cuộc khởi nghĩa Duy-Tân.

— Mà chỉ người trong cuộc mới biết. Còn rủi lọt vào tay người ngoài, thì đó là một bài thơ như bao bài thơ khác. Người mình vốn thích thơ, nên lối gợi ý, truyền tin bằng văn điệu thường được dùng.

— Chắc anh cũng đôi khi...

— Đôi khi, tôi được may mắn biết vài sử liệu như thế. Như năm 1952, tôi tìm thăm Ba Cụt ở Thốt-Nốt. Ba Cụt có đưa tôi xem một bài thơ Đường nói là của một bạn thân cũng « giang hồ quen thói » như mình, vừa gợi cho. Tôi không thuộc bài thơ ấy, nhưng còn nhớ đại ý là lời mẹ Vương-Lăng khuyên con « thờ Hán một lòng ». Ba Cụt cho biết những ước lệ giữa hai người, chừng ấy tôi mới hiểu người bạn nọ căn dặn

Ba Cụt nên đem thể lực quân sự của Nghĩa quân Cách mạng của mình mà ủng hộ đường lối dân tộc của tôi.

— Thế thì thiên hạ nói anh, oan có mà ưng cũng có.

Anh hỏi tôi bằng đôi mắt.

— Có nhiều người nói và viết ngay lên báo nữa, rằng anh chuyên môn « nhảy ». Từ Đệ Tam nhảy sang Đệ Tứ, điều này oan cho anh, vì anh « xuất thân từ lò Đệ Tứ ». Nhưng từ Đệ Tứ nhảy sang Dân xã, thì chẳng phải là bịa đặt. Cũng tại anh có qua lại với Ba Cụt nên họ mới có tích mà dịch ra tuồng, mặc dầu từ việc giao thiệp với tướng Hòa Hảo này đến việc gia nhập

vào đảng Dân xã, cơ quan chánh trị của giáo phái ấy, còn xa...

Anh mỉm cười :

— Như thế là họ còn thương tôi đấy. Ví tôi như con cóc, « con cóc trong hang con cóc nhảy ra, con cóc nhảy ra con cóc ngồi đó, con cóc ngồi đó con cóc nhảy đi ». Thay đổi lập trường là tội nhẹ. Còn có những người gán cho tôi cái tội... « chui » mới là khổ chó ! Họ bảo ; đoàn thể chánh trị, tôn giáo nào, tôi cũng « chui » vô cả !

— Thôi, mình trở về với văn chương sử liệu vậy.

— Lần này, thì có chứng cứ đàng hoàng. Năm 1929, tôi với anh Hùm « Lỡ bước nên sang Bì-Lợi-Thì » ; nhờ đó, tôi mới biết được bài thơ « Nhẫn vợ » của anh gợi về đảng báo *Thần chung* lối tháng 9 năm ấy, là một sử liệu. Bài thơ này rất được truyền tụng trong Nam, nhưng cái ý nghĩa bóng của nó, nếu tác giả chẳng tâm sự với tôi thì mấy ai hiểu được (tự nhiên là trừ những người trong cuộc).

Rồi anh cất tiếng ngâm :

*Ra đi chưa hẹn được ngày về,
Kính hoặc quyền : em liệu lấy bề.
Trốn tuyết đầu thu, thương phận nạn,
Chờ sương giữa hạ, tội thân ve.
Gia đình cũng muốn chiều dầm ả,
Non nước trông ra lắm nỗi nề.
Đại nghĩa vẫn là trên tiểu tiết,
Dưỡng nuôi đôi trẻ : một lời thề.*

Anh chị Hùm lúc ấy được hai con ; anh xuất ngoại chưa định được ngày về, thì chị ở nhà tùy hoàn cảnh mà ở vậy chờ chồng nuôi con, hoặc lấy chồng khác cho khỏi phí chuối ngày xanh. Chị Hùm hiểu thế, mà nhà cầm quyền cũng như độc giả thường cũng chẳng hiểu gì hơn. Song những ai có trách nhiệm trong « Hội kín Nguyễn-An-Ninh » lại hiểu khác. Số là trước khi sang Pháp để vừa tránh lưới mật thám trong nước vừa học hỏi thêm, Hùm có bồn phận cho anh em trong « Hội kín » biết nên có thái độ nào trong lúc vắng anh, nhất là lúc ấy, có vấn đề thống nhất tất cả các đoàn thể cách mạng để đương đầu với Thực dân : Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, Việt-Nam Quốc dân đảng, Tân-Việt Cách mạng đảng và Hội kín Nguyễn-An-Ninh. Nhưng mãi đến khi lênh đênh giữa Ấn - Độ - Dương, Hùm mới tìm được giải đáp cho các đồng chí « Hội kín », gởi nỗi lòng mình và lời dặn dò đồng chí trong bài thơ tám câu năm vần. « Nhấn vợ » là nhấn đồng chí, gia đình có nghĩa là đoàn thể, đôi trẻ ám chỉ hai tôn chỉ của « Hội kín ». Và đây là nghĩa bóng của toàn bài :

« Tác giả đành ra đi, như nhận kia trốn tuyết, ngày về chưa biết ngày nao. Người ở lại hoặc một bề giữ « Hội kín », chờ Ninh ra tù, Hùm về nước, hoặc nhập vào một tổ chức chánh trị nào khác. Kể ra đi ở vào cảnh chim nhận nên sớm phải lên đường, một mình một bóng, khi còn lâu tuyết mới rơi, và trong khi tất cả loài ve kêu hát

vang lừng, thì mình lại là con ve phải ngậm miệng, và tuy chưa tới cuối thu, đã phải « chờ sương », chốn trui chốn nhủi : nghịch cảnh của người đi mà cũng là của những ai ở lại. Nửa sau bài thơ chẳng có gì bí hiểm, trừ hai chữ *đôi trẻ* chỉ hai tôn chỉ của « Hội kín » : giải phóng dân tộc và phát huy dân chủ, vốn là mục đích mà người cùng hội thể trung thành cho đến chết còn học thuyết, còn tổ chức nào cũng là phương tiện, nghĩa là tiêu tiết cả.

Có điều đáng đề ý, là hai câu đầu có nghĩa như thế đối với số đông anh em, còn với một số ít, lại có nghĩa khác. Đó là : Hùm ra đi với sứ mạng đứng ngoài đoàn thể để nghiên cứu một cách vô tư những học thuyết mới lạ, và nếu thấy được chân lí, Hùm không bắt buộc phải trở về với tôn chỉ của « Hội kín ». Vậy, các bạn ở lại có thể theo một chủ nghĩa nào thuận với « lời thề » thuở nọ. »

Tôi lác đầu :

— Thật là bí hiểm như những bài sấm ! Sử gia tài ba cách mấy cũng không thể nào đoán ra cái ý nghĩa lịch sử của nó. Mong sao những ai may có những áng văn chương sử liệu như

Đã có bán :

NUÔI CON NHƠN TÌNH

Truyện Thế Nguyễn

Giá 30đ.

Nam Sơn xuất bản

thế mau mau công bố chúng lên với lời giải thích cặn kẽ, để giúp các nhà viết sử sau này phần nào, nếu họ... chịu tin! Nhưng nếu có « sử gia » nào cắc có viết về đời của một kẻ làm chánh trị trọn đời thất bại — là anh — thì ông ta sẽ tin những bài báo trong nước nói về anh từ lúc Bảy Viễn... rút lui về Rừng-Sác cho đến ngày anh bị xử tử hình.

Anh toan nói, tôi vội lướt :

— Anh đề tôi nói hết ý cái đã. Tôi mà ở địa vị « sử gia » nọ, cũng phải dùng những « sử liệu » được in ra đấy. Vì báo chí khoảng ấy mười tờ như một đều cho anh là tay sai của Thực dân, là công cụ của Việt-Cộng, là trí thức thức lưu manh, là chánh khách xôi thịt.. vân vân và vân vân. Chẳng có tờ nào nói tốt cho anh cả. Huống chi, họ lại còn đem bằng chứng ra nữa!

Anh đáp, giọng nửa đùa nửa thật :

— Cho nên đầu lúc ấy, có bị kẹt dưới chín tầng địa ngục, tôi cũng đội mồ về, « chẳng tha » ông « sử gia » nào đó viết về tôi, dựa vào những bài báo do Cộng sản, Thực dân và bè lũ Ngô-Đình-Diệm tung ra để bôi lọ tôi.

— Như thế thì oan cho « sử gia » đó quá. Bởi ông còn tìm đâu ra tài liệu khác có thể tin được, nghĩa là in với mực đen trên giấy trắng. Anh còn nhớ khi anh được đưa về từ Côn-Đảo về. gặp anh, tôi còn nêu lên một thắc mắc lớn của đồng bào đối với anh về « vụ Bình-Xuyên », anh bảo rằng anh

ở trong cái thế chưa thể nói được. Hai năm qua. Nay thì anh có thể nói ít nhiều rồi chứ?

Anh cười :

— Thì ra anh muốn « moi » việc cũ ấy ra! Nhưng còn sớm quá.

— Nhưng anh nên nhớ rằng anh có thể chết bất đắc kì tử, có thể bắt cóc không hẹn được ngày về, có thể bị kẻ thù thủ tiêu, có thể bị đưa trở về Côn-Đảo. Hình như quên điều sau này, chớ Quốc trưởng Phan-khắc-Sửu có kí sắc lệnh ân xá mình và các anh trong « vụ Bình-Xuyên », trừ anh ra. Như vậy là anh còn cái án mười lăm năm khổ sai treo lằng lằng trên đầu.

— Thôi, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Anh muốn tôi phải làm gì đây?

— Tôi không muốn gì, mà chỉ mong. Mong anh, không phải vì một ông sử gia nào đó chỉ tin vào những bằng chứng rờ mó được, mà vì vợ con, vì bạn bè thân thiết mà viết về đoạn đời ấy. Viết đề đó. Bao giờ anh xét công bố được thì công bố. Anh lỡ có bề gì, thì người thân mới được xem.

— Hết lí đến tình! Anh làm tôi mang thêm một món « nợ » nần. Nhưng đề hạ hồi phân giải.

Sực nhớ một điều, tôi hỏi anh.

— Anh có quen gì với ông Đình-Văn-Khai không?

— Đình-Văn-Khai, chủ bút « Tiếng

chuông » ấy à ? Học trò cũ đấy.

— Học trò mà « chơi » thầy kiểu này thì hết tình nghĩa sư đệ.

— Điềm nào ? Và hồi nào ?

— Lúc anh chạy xuống Rừng-Sác. Tôi còn giữ số *Tiếng chuông*, ngày 18-5-1955, trong đó họ chơi anh một lượt hai chương. Kề lại nghe chơi. Trước hết là một bài báo ở giữa trang nhất, với cái tên khá dài : *Chuyện cũ mà mới và chưa hề... đăng báo. Hồ-Hữu-Tường đã tiếp tế.. bánh cho Võ-Thành-Minh trong lúc anh chàng cầm lều tuyết thực ở hội nghị Genève.* Bài của Nguyễn-Kiên-Giang viết theo lời thuật của Lê-Minh, theo đó, thì người đặc phái viên của *Tiếng chuông* cùng với một kí giả Pháp, một đêm nọ, bắt gặp anh lại lâu anh Minh, trao cho anh một gói giấy nhứt trình đựng

bánh ngọt. Chừng đó họ mới hiểu tại sao «xứ Võ-Thành-Minh lại có thể «chịu đựng» được suốt «cả tuần lễ mà không.. «ngủm củ deo».

Anh nhìn tôi, mắt long lanh : « Anh nghĩ sao ? »

— Tôi nghĩ anh Võ-thành-Minh là một huynh trưởng hướng đạo đáng trọng, một môn đệ của cụ Sào-Nam và được cụ mến thương, anh là một kẻ sĩ, có thể điên, gàn, nhưng không thể hèn ; hướng chí, tuyệt thực với anh là việc gần như thông thường. Còn anh, anh không phải là một kẻ làm chánh trị gà mờ, để mà hành động như thế. Đó là chương thứ nhứt ; chương thứ nhì là một tấm ảnh với vài dòng chú thích. Anh hãy xem bức thư sao lại đây thì rõ.

Sài-Gòn ngày, 26 tháng 7 năm 1956.

TRẦN HỒNG HÙNG,

Giáo-sư trường TÂN THỊNH

2 - 12 Đinh-Công-Tráng

SÀI GÒN

Kính gửi HỘI BÁO CHÍ VIỆT-NAM

Thưa quý hội,

Có một việc vừa xảy ra không làm danh dự chút nào cho nghề làm báo xứ ta — nhất là sau vụ báo « *Journal d'Extrême Orient* » phê bình đời tư nhứt báo của ta đã thiếu thành thật trong việc dùng hình ảnh — chúng tôi xin nêu ra đây và mong quý hội vì danh dự của một nghề thiêng liêng, cũng như của một dân tộc đang lên, vì lòng tôn trọng sự thật và người đọc, mà đưa ra cho dư luận rõ, và nếu có thể, được quý hội đem ra phê bình trong một phiên họp.

« Báo Tiếng chuông, do Đ. Đình-Van-Khai quản nhiệm, trong số 1602, ngày 25-7-1956, dưới tit : «Cuộc âm mưu đốt phá Đô thành», có in một bức ảnh, với những hàng chữ :

« Chính bộ ba này đang bàn tính kế hoạch trong một bữa tiệc bên kia CẦU CHỮ Y. Từ trái qua mặt : LAI-HỮU-TÀI, TRẦN-VĂN-ẤN và HỒ-HỮU-TƯỜNG. »

Hơn một năm trước, trong số báo ngày 18-5-1955, Tiếng chuông đã in hình nói trên với câu hỏi : « Ba nhân vật » đang mưu tính gì đấy ? » Và có ý cho rằng ba người này đang bàn « đại sự » ở Tổng hành dinh Bình-Xuyêu.

Nhưng nếu quý hội mở tuần báo « Đời mới », số 118, ngày 17-6-1954 trang 17, quý hội sẽ thấy trong bài của VĂN-LANG Trần-Văn-ẤN : « Đây ! Genève, và chung quanh Hội nghị Genève », bức hình chụp ở Genève (Thụy-Sĩ) mà báo « Tiếng chuông » đã in lại, tới hai lần, nhưng đã cố ý cắt bỏ mất một người để dễ bề « nói sai sự thật ». Dưới hình đang ở báo « Đời mới », có mấy dòng chữ :

« Tại « nhà Báo chí » (Maison de la Presse), từ trái sang phải, các ông : Lai-Hữu-Tài, Trần-Văn-ẤN, Hồ-Hữu-Tường, Trần-Văn-Tuyên ».

Đối với một sự gian lận lặp đi lặp lại, kinh kỳ nghệ và độc giả, quốc dân như thế, hẳn quý hội chẳng thể làm ngơ.

...

— Thế sau đó, hội Báo chí Việt-Nam có trả lời gì không ?

— Không trả lời gì, mà cũng chẳng làm gì cả ! Báo của học trò anh, người Nam, đối với anh là thế, còn đây là báo của đồng bào miền Bắc di cư, lúc anh đã bị bắt. Có cả tôi trong ấy nữa mới là vui.

oOo

Hôm nay, (9) Ngôn luận khởi đăng thiên điều tra « PHONG TRÀO THỐNG NHẤT NHÂN DÂN VIỆT-NAM », một tổ chức tay sai của Việt-Cộng núp sau thuyết « TRUNG LẬP CHẾ » của Hồ-Hữu-Tường, một sản phẩm quái gở đã bị mọi người phỉ nhổ.

(...) Trước phản ứng mãnh liệt của nhân dân, bọn Việt Cộng liền thay đổi

chiến lược : một mặt chúng dùng võ lực thẳng tay đàn áp dân chúng miền Bắc, còn một mặt chúng tung cán bộ vào miền Nam hoạt động đề cao danh hiệu « Thống nhất », « Hòa bình », vì đa số đồng bào miền Nam chưa biết rõ mặt thật bỉ ổi, dã man của bọn chúng.

(...) Dưới những danh hiệu xảo trá, bịp bợm trên, chúng thành lập « Mặt trận Tổ quốc », « Hội những người Yêu Nước », « Phong trào Bảo vệ Hòa bình » và mới đây « Phong trào Thống nhất Nhân dân Việt-Nam » núp sau thuyết « Trung lập chế » của Hồ-Hữu-Tường, lãnh tụ nhóm Đệ Tứ Quốc tế, tay sai đắc lực của Thực Cộng, để cố gắng lôi cuốn những phần tử trí thức, tiểu tư sản, lưng chừng, hầu bành trướng thế

(9) Thứ hai 2-1-1956.

lực tại miền Nam để âm mưu nô lệ hóa dải đất quốc gia.

« Nhưng cũng như Mặt trận Tổ quốc và Phong trào Bảo vệ Hòa bình, sản quai gở của Hồ-Hữu-Tường đã bị đồng bào miền Nam phỉ nhổ, ghê tởm (...) »

(...) « Nói đến Hồ-Hữu-Tường, có lẽ rất ít người không biết. Là một kẻ xu thời, có chút vốn học thức, lại có tài bẻm mép, Hồ Hữu Tường hoàn toàn là một thí nghiệm của Thực Cộng. » (1)

(...) « Đề cử Hồ-Hữu-Tường làm cố vấn chính trị cho Bình-Xuyên, Thực Cộng nhằm mục đích tô son điểm phấn cho phiến loạn Viên ; Viên được Tường làm tay sai, nghĩa là Viên cũng có dưới trướng một số trí thức, mặc dù chỉ là trí thức lưu manh. »

« Về phần, Tường trước hết vì phải sống chết với Thực Cộng nên Tường không dám từ chối một mệnh lệnh nào của các quan thầy (...) »

« Trái lại, Viên thấy Tường là một tay trí thức mà chịu luồn dưới trướng mình cho nên cũng khoái chí và càng chiều đãi Tường, coi Tường như quân sư (...) »

« Tháng 3 năm 1955, Việt Cộng ra chỉ thị cho cán bộ của chúng ở miền Nam trợ lực với Tường lập ra đảng Nhân dân. »

« Thành phần đảng Nhân dân do Hồ-Hữu-Tường và Việt-Cộng lập ra như sau :

Hồ-Hữu-Tường : Chủ tịch.

Nguyễn - Phan - Châu : Ủy viên Tuyên huấn.

« **Nguyễn-Hữu-Ngu** tự Ngu (cán bộ Việt Cộng) : Ủy viên Tuyên truyền. »

« **Nguyễn-Khắc-Đào** (cựu đảng viên Đệ Tứ ôn hòa) : Ủy viên Liên lạc » (11)

« Tóm lại đảng Nhân dân của phe lũ Hồ Hữu Tường rõ ràng chỉ là một dụng cụ của Việt Cộng và Thực dân. Mục đích của chúng là phá hoại Việt-Nam Tự do để tiếp tay cho Cộng sản Quốc tế thôn tính toàn thể đất nước của chúng ta. »

« Đối với bè lũ bán nước của Hồ-Hữu-Tường, tất cả mọi biện pháp khắt khe đều chưa xứng đáng với tội ác của chúng. Có như vậy mới đảm bảo được thắng lợi cho cuộc tranh đấu diệt Cộng đã Thực của dân tộc. » (12)

oOo

Anh cười :

— Anh đừng lo. Bị cái oan Thị Kính đó, sau này mới dễ lên... Niết bàn ! Nhà báo nào đó nghĩ cũng tài, chỉ hai hàng về anh có tới ba cái sai ! Ngu-Í bị chặt... đuôi, còn là Ngu, cho qua cũng được, được phong cho chức Ủy viên Tuyên truyền một đảng bí mật của anh em, cũng còn chịu được, chỉ cái « huy chương » cán bộ Việt-Cộng, là khó mà nhận lấy. « Họ là thế », anh nhắc lại bao nhiêu đó cũng đủ rồi. Ta sang chuyện khác.

(Còn tiếp một kì)

NGUYỄN-NGU-Í

(10) Ngôn Luận, 3-1-1956

(11) Ngôn Luận, 6-1-1956

(12) Ngôn Luận 11-1-1956

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Những nhà văn ngấm rốn

Irving Wallace, lớp tuổi 50, là tác giả thuộc loại ăn khách nhất ở Hoa Kỳ. Tạp chí *Information et documents* gặp ông ở Ba-lê, nói : Ở Pháp, giới văn nghệ không mấy quý trọng những tác giả bán chạy, những best-sellers. I. Wallace tỏ ra rất thông cảm : Thi ở Anh ở Mỹ cũng vậy hết, đâu có lạ gì. Hễ nhà văn nào được công chúng đông đảo ham mộ là liền bị ngờ không được đứng đắn. Nhưng nên nhớ đó là sự nghi ngờ của các ông phê bình chứ không phải của quần chúng độc giả.

Theo I. Wallace, quần chúng bao giờ cũng thích nghe kể truyện, kể theo lối truyền thống, theo kiểu Dickens, Maugham, Damas, Balzac... Đọc những cuốn truyện có đầu có đuôi, xây dựng theo truyền thống xưa nay, độc giả theo dõi được cuộc sống của nhân vật, và do đó tưởng có thể thắng được cảm tưởng cô đơn, thiếu thốn, vẫn thường thấy trong đời sống mỗi người.

Nhưng bây giờ thì một số đông tiểu thuyết gia không thêm quan tâm tới câu

truyện nữa, họ không kể truyện cho quần chúng nghe nữa. Thế họ làm gì ? I. Wallace bảo : « Họ đề hết thì giờ ngấm nghĩa lỗ rún của họ ». Nói cách khác, họ chỉ chú ý tới họ mà thôi ; kỹ thuật của họ, sự thí nghiệm của họ cuộc tìm tòi của họ v.v... Trong hạng ấy, cũng có người khá, như Saul Bellow, Philip Roth. Còn phần đông thì...

Tóm lại, I. Wallace sẵn sàng công nhận rằng tiểu thuyết truyền thống đã lỗi thời đối với tất cả mọi người, ngoại trừ đối với... độc giả !

Nói « tóm lại » xong rồi, chuyện trò, quanh co một lúc, I. Wallace nói thêm : Theo ý ông, người viết tiểu thuyết không khác những anh chàng *troudadour* thời trung cổ, kể truyện cho quần chúng nghe, anh nào kể hay thì cứ mỗi lần nghỉ lấy hơi quần chúng vội nhao nhao lên hỏi : « Rồi sao nữa ? » — « Rồi sao nữa » đó là tiêu chuẩn để phân biệt hạng tiểu thuyết gia xuất sắc với hạng tồi. I. Wallace tuyên bố ông khâm phục nhà văn nào thu hút được độc giả bằng một câu truyện kể khéo.

Hắn có người thắc mắc : nhà văn tốt số nói đông là ai vậy ? vừa được quần chúng hâm mộ vừa được I. Wallace khâm phục !... Xin thưa : đó chính là I. Wallace ! (Dĩ nhiên, ông không thuộc hạng thích ngấm nghĩa lỗ rỗng của mình, nhưng dường như ông ta chiêm ngưỡng chân dung mình hơi quá chăm).

Về vấn đề tư tưởng trong tác phẩm văn nghệ, I Wallace nói : « Kinh nghiệm cho thấy rằng không phải tư tưởng làm cho một tác phẩm được trường tồn. Đó là do các nhân vật. Tư tưởng mỗi thời mỗi đổi thay, con người thì không. Nói thế không có nghĩa là một tác phẩm « dẫn thân » không bao giờ thành một tác phẩm lớn lao, nhưng có nghĩa là tác phẩm ấy không lớn nhờ những tư tưởng của nó, mà nhờ nhân vật diễn tả các tư tưởng ấy. »

Nhưng tất cả, đó là chuyện lý thuyết. Một tác giả trong khi sáng tác không hề nghĩ đến những chuyện ấy. « Họ chỉ viết, thế thôi. »

Vậy thì họ nghĩ đến lý thuyết lúc nào ? Có là chỉ nghĩ vào lúc bị tạp chí *Information et documents* phỏng vấn.

Nhà văn với truyền thoại của ta.

Tại Viện Hàn Lâm Nghệ Thuật Tây Bá Linh vừa có một cuộc triển lãm về Kafka. Cuộc triển lãm do một nhà xuất bản rất trẻ, đặt biệt hâm mộ Kafka, tổ chức.

Tài liệu trưng bày tại đây hết sức là phong phú bất cứ ai đến xem cũng lấy làm ngạc nhiên vô cùng (có cả

những bức chân dung mà có lẽ ngay tác giả cũng không biết đến).

Tài liệu trưng bày cũng cho người ta thấy rằng ông Kafka thực rất khác với ông Kafka đang biến thành huyền thoại. Nhà văn từ chối thực tại ấy chính thật ra lại là một con người thành tâm có nhiều cố gắng thích ứng với cuộc sống thực tại.

Nhà văn với tác phẩm của mình

Trái lại, tác phẩm của George D. Painter chứng minh rằng cuốn *A la recherche du temps perdu* không phải là tiểu thuyết, rằng tác phẩm văn chương với cuộc đời của Marcel Proust y hệt như, nhau.

Cuốn *Marcel Proust* viết bằng tiếng Anh, riêng tập thứ nhất dịch ra Pháp văn đã dày ngót 500 trang.

G. D. Painter đem đời tư của M. Proust cùng những người xung quanh ông đối chiếu với các nhân vật trong *A la recherche du temps perdu* thì thấy họ giống in như đúc. Nhà viết sử thực có công tỉ mỉ, tỉ mỉ xứng đáng với M. Proust. G. D. Painter đã tìm tòi để so sánh từng việc nhỏ nhất như việc một nhân vật nọ một hôm mang lộn giày đen thay vì mang đôi giày đỏ, nhân vật kia thốt ra câu nói ngăn ngăn nào đó trong trường hợp nào đó v.v... Những cái ấy đều được đưa « nguyên chất » vào tác phẩm của M. Proust.

Dĩ nhiên M. Proust có đem việc ông này pha trộn với chuyện bà kia, có đôi

tên đời tuổi các nhân vật..., nhưng nói chung thì tất cả những điều ông viết ra đều có thực. Nếu bảo M. Proust bịa chuyện thì ông chỉ có bịa một chuyện

này mà thôi : ông gọi tác phẩm mình là tiểu thuyết trong khi nó chính là cuốn tiểu sử !

TRÀNG THIÊN

Tập san « Sử-Địa »

Bạn đọc *Bách khoa* hẳn không lạ gì nhóm Sử-Địa Đại học Sư phạm Sài-Gòn mà năm rồi chúng tôi đã loan tin sự kí kết với ông giám đốc nhà sách Khai Trí đề xuất bản tập san *Sử Địa*.

Đến nay, số đầu ra đời, và ban Trị sự tập san có làm một buổi lễ ra mắt hồi 9 giờ sáng ngày 27 tháng 2, tại câu lạc bộ Báo chí Việt Nam, 15 Lê Lợi, Sài-Gòn.

Tưởng cũng nên ghi diễm bất vụ lợi của những người vun quén cho tạp chí *Sử Địa* đầu tiên của nước ta : nhân viên trong ban Quản trị không nhận thù lao, người bảo trợ về mặt tài chánh (tức ông giám đốc nhà sách Khai Trí) không cần lời, và những người viết bài giúp không quá chú trọng đến tiền nhuận bút. Hiện tập san ấn hành ba tháng một kì, sau này nếu có thể, kì hạn trên đây sẽ được rút ngắn.

Trong lời cảm ơn quan khách đến dự lễ, ông chủ nhiệm tập san *Sử Địa* có nói qua mục đích và chủ trương của cơ quan này :

« Tập san *Sử Địa* góp mặt trong làng báo Việt Nam với ước mong sẽ cổ vũ cho sự phát triển của ngành *Sử Địa*, vốn còn quá kém cỏi.

« Sự phát triển của ngành *Sử Địa*, không những để đáp ứng nhu cầu về trí thức mà còn có tác dụng trong giai đoạn hiện tại, nuôi dưỡng tinh thần quốc gia dân tộc.

« Tập san *Sử Địa* chủ trương : sưu tầm, khảo cứu và giáo khoa.

« Tập san *Sử Địa* cố gắng phát huy lòng tự hào dân tộc nhưng luôn tôn trọng sự thực lịch sử như bằng cách làm sáng tỏ sự nghiệp của các dân nhân Việt Nam ».

Sau tiệc trà thân mật, ban tổ chức tỏ lời mời những bậc đàn anh phát biểu ý kiến.

Ông Trần-thúc-Linh, đồng ý với một nhà chánh trị rằng khi đã bắt đầu oanh tạc Bắc-Việt, là cái thể Quân sự đang chuyển đầy sang cái thể Văn hóa. Mà trên mặt trận Văn hóa, kẻ thắng là người đoạt được tinh thần dân tộc, mà *Sử* và *Địa* là hai yếu tố quan trọng để hun đúc quốc hồn, làm phấn khởi dân tộc để làm nên những việc phi thường. Tôi không khỏi bùi ngùi mà thấy từ hai mươi năm nay, âm nhạc, kịch nghệ, văn chương, kiến trúc, miền Nam chúng chưa có những công trình nào phát huy cái tinh thần dân tộc một cách rõ ràng

mã tách cách ngoại tại thì nhan nhản ; cho nên sự cố gắng của một nhóm người trẻ hăng hái, kể công người của, đề cho ra Tập-san *Sử-địa* này là một việc làm can đảm đem lại cho ông một niềm hi vọng ấm áp.

Ông Hồ Hữu Tường kể một trường hợp của mình lúc 18 tuổi : bấn khoăn không biết nên chọn môn Toán, Triết hay Sử. Ông không đi con đường Sử, vì thấy lúc đó, ngành Sử không phụng sự cho Khoa học cho Chân lý mà phụng sự cho Ý thức hệ. Ông đưa một ví dụ *Lịch sử đảng Cộng sản Nga* được viết đi viết lại hai mươi lần, đọc qua, người ta không biết đâu là sự thật. Sử thành một công cụ để ca tụng một chủ nghĩa. Mà đến nay, Sử cũng chưa có thể nói mình đã viết đúng theo tinh thần Khoa học Cứ nhìn vào Sử nước nhà trong vòng mười năm nay, ta thấy phần đông người viết Sử đề đề cao cá nhân, đề phụng sự một đường lối, mà cá nhân ấy chưa biết có phải là anh hùng không, đường lối ấy có phản dân tộc không. Và gần đây những sử gia cho rằng « Phong trào Tây-Sơn thất bại vì đã phản giai cấp của mình, giai cấp nông dân » là đã đứng trong lãnh vực ý thức hệ mà phê phán. Ông đồng ý với ông Trần-Thúc-Linh : Sử và Địa là hai yếu tố quan trọng của Văn hóa dân tộc, nhưng ông xin thêm : với điều kiện là chúng phụng sự Khoa học. Văn hóa dân tộc là một cái gì cao cả, quý báu vô cùng, nhưng : nếu dùng phương tiện xấu mà phụng sự nó, thì là hại cho nó. Nên ông mong điều kiện căn bản của nhóm sẽ là bỏ cái áo ý thức hệ mà thấu nhận cái tinh thần khoa học trong việc nghiên cứu.

Bà Quách Thanh-Tâm mong rằng

người trong nhóm đặt tinh thần khoa học lên trên và nên đề ý đến những khía cạnh địa phương trong việc tìm tòi, học hỏi, phát huy để giúp phần nào trong việc giải quyết một số vấn đề hiện đại có liên quan với ngành mình chọn.

Ông Thái-Văn-Kiểm đưa ra một tin vui : một số giáo sư, học giả hưởng ứng việc làm bất vụ lợi của nhóm, có góp được số tiền nhỏ là 10.000đ., xin gởi cho nhóm để phụ vào chi phí nhưng nhóm cảm ơn và từ chối.

Các bậc « đàn anh » mong được nghe ý kiến của « giới trẻ » măm móng của tương lai.

Anh Nguyễn-Khắc-Ngũ phản nản tập san do một nhóm trẻ chủ trương, mà nhìn vào mục lục số ra mắt, toàn là bài của những bậc đàn anh, những người già, thì làm sao mà có cái gì mới mẻ. Anh mong rằng rồi đây, tập san *Sử Địa* sẽ được tổ chức có qui củ hơn, làm việc có tinh thần hơn, đề là công trình của lớp người trẻ.

Anh Trần-Đức-Trường đồng ý với anh Nguyễn-Khắc-Ngũ về nhận xét số đầu, nhưng bác bỏ ý kiến già, trẻ. Anh cho là số 1 của tập san là cái móc nối liền hai thế hệ. Lòng nhiệt thành cùng có thì già trẻ cũng như nhau, và cùng bắt tay nhau để xây dựng ngành *Sử Địa* nói riêng, và Văn học dân tộc nói chung. Ta không nên quan niệm rằng lớp trẻ phải gạt lớp già, mà phải nghĩ rằng lí tưởng là già với trẻ cùng chung đóng góp và tài bồi lẫn nhau.

Buổi lễ bế mạc trong một bầu không khí thân mật.

NGÊ-BÁ-LÍ